

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1226/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 31 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2011 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;
Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/07/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08/01/2010 của Liên bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
Căn cứ Nghị quyết số 29/2010/NQ-HĐND ngày 24/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt bảng giá các loại đất năm 2011 tỉnh Ninh Bình;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH**Điều 1.** Phê duyệt giá các loại đất năm 2011 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, như sau:**1. Nhóm đất nông nghiệp:**

- a. Giá đất trồng cây hàng năm;
- b. Giá đất trồng cây lâu năm;
- c. Giá đất nuôi trồng thủy sản;
- d. Giá đất rừng sản xuất;

*(Có bảng giá các loại đất nông nghiệp kèm theo)***2. Nhóm đất phi nông nghiệp****2.1. Giá đất ở**

- a) Giá đất ở tại đô thị (Thành phố Ninh Bình là đô thị loại III, thị xã Tam Điệp và thị trấn thuộc các huyện là đô thị loại V).
- b) Giá đất ở ven đô thị, đầu mối giao thông, ven trục đường giao thông, khu Thương mại, Khu du lịch, khu Công nghiệp.
- c) Giá đất ở tại nông thôn.

*(Có bảng giá các loại đất ở kèm theo)***2.2. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:**

Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại các huyện, thị xã, thành phố tính bằng 70% giá đất ở cùng loại đường phố và vị trí theo bảng giá đất ở các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 2.

1. Mức giá đất phi nông nghiệp là đất ở được quy định tại điểm 2.1, khoản 2, Điều 1 áp dụng cho khuôn viên có diện tích bám mặt đường chính (chiều sâu là 20m); Mức giá đất đối với diện tích còn lại (từ trên 20m đến hết lô đất), được tính như sau:

- Bằng 70% mức giá đất ở phía trước của mỗi vị trí đối với khuôn viên có chiều sâu dưới 60m;
- Bằng 60% mức giá đất ở phía trước của mỗi vị trí đối với khuôn viên có chiều sâu từ 60m đến dưới 100m;
- Bằng 50% mức giá đất ở phía trước của mỗi vị trí đối với khuôn viên có chiều sâu từ 100m trở lên.

Mức giá đất ở bình quân thấp nhất của mỗi khuôn viên có chiều sâu theo cách tính nêu trên không được thấp hơn mức giá đất ở khu dân cư còn lại của xã, phường, thị trấn đó.

2. Mức giá đất phi nông nghiệp là đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được quy định tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 1 áp dụng cho khuôn viên có diện tích bám mặt đường chính (chiều sâu 50m); Diện tích còn lại (từ trên 50m đến hết khu đất), được tính như sau:

- Bằng 70% mức giá đất ở phía trước của mỗi vị trí đối với khuôn viên có chiều sâu dưới 100m;
- Bằng 60% mức giá đất ở phía trước của mỗi vị trí đối với khuôn viên có chiều sâu từ 100m đến dưới 150m;
- Bằng 50% mức giá đất ở phía trước của mỗi vị trí đối với khuôn viên có chiều sâu từ 150m đến dưới 200m;
- Bằng 40% mức giá đất ở phía trước của mỗi vị trí đối với khuôn viên có chiều sâu từ 200m đến dưới 250 m;
- Bằng 30% mức giá đất ở phía trước của mỗi vị trí đối với khuôn viên có chiều sâu từ 250m đến dưới 300 m;
- Bằng 20% mức giá đất ở phía trước của mỗi vị trí đối với khuôn viên có chiều sâu từ 300m trở lên.

Mức giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp bình quân thấp nhất của mỗi khuôn viên có chiều sâu theo cách tính nêu trên không được thấp hơn mức giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu dân cư còn lại của xã, phường, thị trấn đó.

3. Giá đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại khu vực dân cư nông thôn, tại đô thị, ven đô thị, ven trục đường giao thông, đầu mối giao thông, khu thương mại, khu du lịch, khu công nghiệp được áp dụng như sau:

a) Đối với các khu đất đã xây dựng công trình hoặc nhà ở có cốt đất đã san nền theo quy hoạch, được cấp có thẩm quyền phê duyệt là mức giá được quy định tại khoản 2, Điều 1 quyết định này.

b) Đối với các khu đất chưa xây dựng công trình hoặc nhà ở có cốt đất tự nhiên chưa san nền được áp dụng như sau:

- Vị trí có độ sâu từ 01m đến 02m được tính bằng 80% mức giá của cùng vị trí loại đất đó có cốt đất đã san nền theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Vị trí có độ sâu từ trên 02m được tính bằng 70% mức giá của cùng vị trí loại đất có cốt đất đã san nền theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Với quy định này khi xác định số tiền thuê đất phải nộp đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm chỉ được áp dụng cho lần tính toán đầu tiên.

4. Khu vực đất giáp ranh giữa các huyện, thành phố, thị xã:

a) Đất nông nghiệp: Khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân chia địa giới hành chính giữa các huyện, thành phố, thị xã vào sâu địa phận mỗi huyện, thành phố, thị xã là 1.000m.

b) Đất phi nông nghiệp:

- Đất phi nông nghiệp ở nông thôn: Khu vực đất giáp ranh được xác định từ đường phân địa giới hành chính giữa các huyện, thành phố, thị xã vào sâu địa phận mỗi huyện, thành phố, thị xã là 600m.

- Đất phi nông nghiệp ở đô thị: Khu vực giáp ranh được xác định từ đường phân chia địa giới hành chính hết đô thị tính vào sâu vào địa phận khu vực ven đô thị là 400m.

- Trường hợp khu đất giữa các huyện, thành phố, thị xã bị ngăn cách bởi sông, hồ, kênh, đò, đèo, núi có chiều rộng từ 50m trở xuống được xác định từ bờ sông, bờ hồ, bờ kênh, chân đò, chân đèo, chân núi của mỗi bên sông, bên hồ, bên kênh, chân đò, đò đèo, chân núi vào sâu địa giới của huyện, thành phố, thị xã theo quy định tại điểm a, b, c mục này. Nếu chiều rộng của sông, hồ, kênh, đò, đèo núi trên 50m thì không xếp loại đất giáp ranh.

c) Giá đất tại khu vực giáp ranh giữa hộ này với hộ khác, giữa xã (phường, thị trấn) này với xã (phường, thị trấn) khác, giữa huyện, thành phố, thị xã này với huyện, thành phố, thị xã khác nếu cùng điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng, có cùng mục đích sử dụng tương tự nhau hoặc cùng vị trí đất và liền điền, liền thổ thì áp dụng hệ số giá bằng 0,9 so với vị trí có mức giá cao.

5. Đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường; nhà thờ họ) và đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất xây dựng bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn học nghệ thuật) áp dụng mức giá đất ở liền kề hoặc giá đất ở vùng lân cận.

6. Đất sử dụng vào mục đích công cộng theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và các loại đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa) áp dụng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề.

7. Đất sông ngòi kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản áp dụng giá đất nuôi trồng thủy sản đã được UBND tỉnh quy định tại Điều 1 quyết định này nếu sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng khai thác thủy sản thì áp dụng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề hoặc vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất liền kề).

8. Đất nông nghiệp khác là đất tại nông thôn sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các động vật khác được pháp luật cho phép, xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp xây dựng vườn ươm tạo cây giống, con giống; xây dựng kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp áp dụng giá đất nông nghiệp liền kề.

9. Đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở thì giá đất được quy định bằng 2 lần mức giá đất trồng cây lâu năm áp dụng chung trên địa bàn tỉnh.

Điều 3.

1. Giá các loại đất quy định tại quyết định này là căn cứ để: tính thuế đối với việc sử dụng đất và thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất; tính tiền thuê đất, tiền sử dụng đất khi giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất; tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất; xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất; tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ; bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân.

2. Khi quy hoạch và xây dựng các đường phố mới, khu dân cư mới, UBND các huyện, thành phố, thị xã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục thuế tỉnh xây dựng mức giá đất cụ thể trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

3. Khi giá đất thực tế trên địa bàn có biến động không còn phù hợp với giá đất đã được UBND tỉnh phê duyệt; UBND các huyện, thành phố, thị xã xác định mức giá đất cụ thể kèm theo bản đồ quy hoạch đường phố mới, khu dân cư mới và giải trình giá đất các khu vực liên kế gửi báo cáo liên ngành, gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh lại giá đất cho phù hợp.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011, thay thế Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc phê duyệt giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2010 và các quyết định điều chỉnh bổ sung giá đất của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh năm 2010.

Từ ngày 01/01/2011, các dự án có quyết định thu hồi đất, đang lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, chưa chi trả tiền; hoặc đã lập, phê duyệt xong phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, nhưng chủ đầu tư chưa có tiền chi trả, hoặc đã có nguồn để chi trả cho các đối tượng, thì áp dụng giá đất năm 2011.

Đối với các trường hợp đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đã phê duyệt giá giao đất, đã thu tiền sử dụng đất, đã thực hiện xong, hoặc đang thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; hoặc chỉ còn vài hộ gia đình thuộc diện Nhà nước đã có tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, nhưng không nhận tiền thì không điều chỉnh theo giá đất năm 2011.

Điều 6. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính/Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3,4,5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Quốc Trị

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2011 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Phần 1.

BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH NĂM 2011

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Khu vực	Tên loại đất	Giá đất	
		Xã đồng bằng	Xã miền núi
I. Thành phố Ninh Bình	1. Đất trồng cây hàng năm		
	Đất màu	59	56
	Đất lúa màu	55	53
	Đất 2 lúa	53	52
	Đất 1 lúa	51	50
	2. Đất nuôi trồng thủy sản	42	39
II. Các phường thuộc thị xã Tam Điệp và các thị trấn thuộc các huyện	Đất trồng cây hàng năm xen kẽ trong khu dân cư các phường, thị trấn	Đất màu	54
		Đất lúa màu	50
		Đất 2 lúa	49
		Đất 1 lúa	47
III. Các xã thuộc Thị xã Tam Điệp và các huyện	1. Đất trồng cây hàng năm		
	Đất màu, vườn	45	43
	Đất lúa màu	42	41
	Đất 2 lúa, cói	41	40
	Đất 1 lúa	39	38
IV. Thị xã Tam Điệp và các huyện	1. Đất trồng cây lâu năm		38

	2. Đất nuôi trồng thủy sản	32	30
	3. Đất rừng sản xuất		18
	4. Mâu đồi		38

Phần 2.

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH NĂM 2011

BẢNG SỐ 1

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - THÀNH PHỐ NINH BÌNH

A. GIÁ ĐẤT Ở THUỘC CÁC ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH

ĐVT: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường Trần Hưng Đạo	Ranh giới phía Bắc phường Ninh Khánh giáp huyện Hoa Lư	Cầu Lim		
	Đoạn 1	Ranh giới phía Bắc phường Ninh Khánh	Đường Vạn Hạnh	5.000	
	Đoạn 2	Đường Vạn Hạnh	Đường Trịnh Tú	7.000	
	Đoạn 3	Đường Trịnh Tú	Đường Đinh Tất Miễn	10.000	
	Đoạn 4	Đường Đinh Tất Miễn	Đường Đào Duy Từ	11.000	
	Đoạn 5	Đường Đào Duy Từ	Ngã tư Xuân Thành	13.000	
	Đoạn 6	Ngã tư Xuân Thành	Cầu Lim	16.000	
2	Đường 30 tháng 6 (Đường Trần Hưng Đạo cũ)	Cầu Lim	Hết đất thành phố		
	Đoạn 1	Cầu Lim	Hết Hồ lâm sản	10.000	
	Đoạn 2	Hết Hồ lâm sản	Đường Tuệ Tĩnh	9.000	
	Đoạn 3	Đường Tuệ Tĩnh	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đò	8.000	

			Thiên)		
	Đoạn 4	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đò Thiên)	Ngã ba cầu Vững Trầm	7.000	
	Đoạn 5	Ngã ba cầu Vững Trầm	Hết Cầu Vòm	5.000	
	Đoạn 6	Hết Cầu Vòm	Hết Cây xăng Đại Dương	4.000	
	Đoạn 7	Hết Cây xăng Đại Dương	Hết đất thành phố	3.000	
3	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quyết Thắng cũ)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Vạn Hạnh		
	Đoạn 1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lương Văn Thăng	13.000	
	Đoạn 2	Đường Lương Văn Thăng	Đường Trảng An	11.000	
	Đoạn 3	Đường Trảng An	Đường Trịnh Tú	10.000	
	Đoạn 4	Đường Trịnh Tú	Đường Lưu Cơ	8.000	
	Đoạn 5	Đường Lưu Cơ	Đường Vạn Hạnh	4.500	
4	Đường Tôn Đức Thắng (phía Đông nhà thi đấu) khu chùa Trê	Đường Lương Văn Thăng	Đường Đinh Điền (trụ sở HOND tỉnh)	9.000	
5	Đường Trịnh Tú	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phạm Hùng (Hết khu trung tâm Quảng trường)	7.000	
6	Đường Nguyễn Bặc				
	Đoạn 1	Đường Lê Thái Tổ	Đường Trần Hưng Đạo	2.500	
	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Hết công ty xăng dầu	3.500	
	Đoạn 3	Hết công ty xăng dầu	Đường Phạm Hùng	7.000	
7	Đường Đinh Điền	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đò Thiên)	Đường Tôn Đức Thắng		
	Đoạn 1	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đò Thiên)	Đường Trần Hưng Đạo	3.000	
	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Miếu Từ Bi	3.500	

	Đoạn 3	Miếu Từ Bi	Đường Phạm Hùng (Hết khu trung tâm Quảng trường)	7.000	
8	Đường Đinh Tất Miễn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Lê Thái Tổ		
	Đoạn 1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	6.500	
	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thái Tổ	6.000	
9	Đường Trảng An	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quyết Thắng cũ)	Đường Lê Thái Tổ	10.000	
10	Đường Đào Duy Từ (Trường Chinh)	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tôn Đức Thắng (phía Đông nhà thi đấu)	8.000	
11	Đường Lê Thái Tổ (KTN phía Tây Thành phố)	Đường Đinh Điền	Nút giao thông N18 (Khu Phúc Trì)		
	Đoạn 1	Đường Đinh Điền	Đường Trảng An	6.000	
	Đoạn 2	Đường Trảng An	Lương Văn Tụy	5.000	
	Đoạn 3	Lương Văn Tụy	Đường Hải Thượng Lãn Ông	5.000	
	Đoạn 4	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Tuệ Tĩnh	3.000	
	Đoạn 5	Đường Tuệ Tĩnh	Nút giao thông N18 (Khu Phúc Trì)	3.000	
12	Đường Lương Văn Thăng	Đường Trần Hưng Đạo	Đầu cầu Non Nước (mới)		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã tư Đinh Tiên Hoàng	11.000	
	Đoạn 2	Ngã tư Đinh Tiên Hoàng	Đầu cầu Non Nước (mới)	9.000	
13	Đường Xuân Thành	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Ninh Xuân		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thành Công	7.000	
	Đoạn 2	Đường Thành Công	Đường Lê Thái Tổ	5.500	
	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	4.500	
	Đoạn 4	Đường Lê Thánh Tông (Kênh	Hết Trạm biến thế Kỳ Vỹ	4.000	

		Đô Thiên)			
	Đoạn 5	Hết Trạm biến thế Kỳ Vỹ	Cầu Ninh Xuân	2.000	
14	Đường Tây Thành	Đường Xuân Thành	Đường 30/6		
	Đoạn 1	Đường Xuân Thành	Đường Hải Thượng Lãn Ông	3.000	
	Đoạn 2	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết khu dân cư mới phố Phúc Trì	1.500	
	Đoạn 3	Hết khu dân cư mới phố Phúc Trì	Đường 30/6	3.000	
15	Đường Thành Công	Đường Đinh Điền	Đường Xuân Thành		
	Đoạn 1	Đường Đinh Điền	Đường 4 phố Bắc Thành	4.000	
	Đoạn 2	Đường 4 phố Bắc Thành	Đường Trảng An	4.500	
	Đoạn 3	Đường Trảng An	Hết hồ Kỳ Lân	7.000	
	Đoạn 4	Hết hồ Kỳ Lân	Đường Xuân Thành	5.000	
16	Đường Đông Phương Hồng	Đường Lê Hồng Phong	Đường Đinh Điền	3.500	
	Đoạn 1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Đào Duy Từ	3.500	
	Đoạn 2	Đường Đào Duy Từ	Đường Đinh Điền	4.500	
17	Đường Phạm Văn Nghị (đường Bắc Giang cũ)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lương Văn Thắng	6.000	
18	Đường Chiến Thắng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quyết Thắng cũ)	4.000	
19	Đường Cát Linh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)		
	Đoạn 1	Đường 1A	Hết Công an phường Tân Thành	5.000	
	Đoạn 2	Hết Công an phường Tân Thành	Hết sân vận động	4.000	
	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	2.000	
20	Đường Nguyễn Văn Giản	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng (đường	3.000	

	(đường Đông Nhất cũ)		Quyết Thắng cũ)		
21	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Lương Bằng (đường Thành Công kéo dài)	5.000	
22	Đường Cù Chính Lan	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Lương Bằng (đường Thành Công kéo dài)		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường vào khán đài A sân vận động	5.000	
	Đoạn 2	Đường vào khán đài A sân vận động	Đường Nguyễn Lương Bằng (đường Thành Công kéo dài)	3.000	
23	Đường Lê Hồng Phong	Ngã ba đường Trần Hưng Đạo	Cầu Vân Giang (cầu xi măng cũ)	16.000	
24	Đường Lương Văn Tụy	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đò Thiên)		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết Hội chữ thập đỏ	10.000	
	Đoạn 2	Hết Hội chữ thập đỏ	Đường Nguyễn Lương Bằng (đường Thành Công kéo dài)	9.000	
	Đoạn 3	Đường Nguyễn Lương Bằng (Đường Thành Công kéo dài)	Đường Lê Thái Tổ (kênh thoát nước tây TP)	6.000	
	Đoạn 4	Đường Lê Thái Tổ (KTN tây TP)	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đò Thiên)	2.000	
25	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Hồng Phong	Cổng Cty cấp nước Ninh Bình	6.000	
26	Đường Dương Văn Nga	Ngã tư Lê Hồng Phong (Cầu Vân Giang)	Đường Trần Hưng Đạo		
	Đoạn 1	Ngã tư Lê Hồng Phong (Cầu Vân Giang)	Chợ Rồng	10.000	
	Đoạn 2	Chợ Rồng	Đường Trần Phú	9.000	
	Đoạn 3	Đường Trần Phú	Đường Trần Hưng Đạo	4.000	
27	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Lê Hồng Phong	Đường Vân Giang	10.000	

28	Đường Nam Thành	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thái Tổ (KTN tây TP)		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Tiến Thành	3.000	
	Đoạn 2	Đường Tiến Thành	Đường Long Thành	2.500	
	Đoạn 3	Đường Long Thành	Đường Lê Thái Tổ (KTN tây TP)	2.000	
29	Đường Phan Đình Phùng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Vân Giang	5.000	
30	Đường Phúc Thành	Đường Trương Hán Siêu	Đường Lê Thái Tổ		
	Đoạn 1	Đường Trương Hán Siêu	Đường Tây Thành	5.000	
	Đoạn 2	Đường Tây Thành	Đường Lê Thái Tổ	2.000	
31	Trương Hán Siêu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hải Thượng Lãn Ông	10.000	
32	Đường Vân Giang	Đường Trần Hưng Đạo	Ngã ba Lê Hồng Phong (Hiệu sách)	19.500	
33	Đường Kim Đồng	Đường Trương Hán Siêu	Đường Hải Thượng Lãn Ông	6.000	
34	Đường Trần Phú	Đường Dương Văn Nga	Đường Phan Chu Chinh		
	Đoạn 1	Đường Dương Văn Nga	Đường Trần Hưng Đạo	8.000	
	Đoạn 2	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Hải Thượng Lãn Ông	7.000	
	Đoạn 3	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Tây Thành	4.000	
	Đoạn 4	Đường Tây Thành	Đường Phan Chu Chinh	3.500	
35	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo (cột bưu điện)	Đường Trương Hán Siêu	7.000	
36	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường 30/6	Đường Nguyễn Minh Không (đường 477)		
	Đoạn 1	Đường 30/6	Hết bệnh viện Sản nhi tỉnh	7.000	
	Đoạn 2	Hết bệnh viện Sản nhi tỉnh	Đường Lê Thái Tổ	6.000	
	Đoạn 3	Đường Lê Thái Tổ	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đò Thiên)	5.000	

	Đoạn 4	Đường Lê Thánh Tông	Đường Nguyễn Hữu An (đường vào UB xã Ninh Tiến)	4.500	
	Đoạn 5	Đường Nguyễn Hữu An (đường vào UB xã Ninh Tiến)	Đường Nguyễn Minh Không (Đường 477)	2.000	
37	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Công Trứ (cầu Lim)	Đường Ngô Gia Tự (cầu Non nước cũ)		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ (cầu Lim)	Hết Cầu Vân Giang	16.000	
	Đoạn 2	Hết cầu Vân Giang (cầu xi măng cũ)	Đường Ngô Gia Tự (cầu Non nước cũ)	10.000	
38	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư cầu Lim	Ngã 3 cầu Vững Trầm		
	Đoạn 1	Cầu Lim	Cầu Dân sinh	8.000	
	Đoạn 2	Cầu Dân sinh	Cổng Lọng	6.500	
	Đoạn 3	Cổng Lọng	Chi nhánh giao thông đường bộ 2	6.300	
	Đoạn 4	Chi nhánh giao thông đường bộ 2	Ngã 3 cầu Vững Trầm	5.200	
39	Đường Lê Văn Tám	Đường Lê Đại Hành	Đường Lý Thái Tổ	6.000	
40	Đường Hoàng Diệu	Đường Lê Đại Hành	Cổng XN sửa chữa tàu 71		
	Đoạn 1	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Gia Tự	7.000	
	Đoạn 2	Đường Ngô Gia Tự	Cổng CTy Xếp dỡ đường thủy nội địa	5.000	
41	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Lê Đại Hành	Đường Ngô Gia Tự	6.000	
42	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba Lê Đại Hành (Đối diện Bảo tàng NB)	Đường Hoàng Hoa Thám	7.000	
43	Đường Trương Định	Đường Hoàng Diệu	Ngõ 306 Ngô Gia Tự (ngõ 4 Ngô Gia Tự cũ)		
	Đoạn 1	Đường Hoàng Diệu	Ngõ 186 đường Ngô Gia Tự	2.500	

	Đoạn 2	Ngõ 186 đường Ngô Gia Tự	Đường Hoàng Hoa Thám	4.500	
	Đoạn 3	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	5.500	
	Đoạn 4	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Ngõ 306 Ngô Gia Tự (ngõ 4 Ngô Gia Tự cũ)	5.500	
44	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Đại Hành (công viên núi Thút)	Đường Hoàng Diệu (Vũng trắm)		
	Đoạn 1	Đường Lê Đại Hành (công viên núi Thút)	Đường Hoàng Diệu	5.000	
	Đoạn 2	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	4.000	
	Đoạn 3	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 304 Ngô Gia Tự	6.000	
	Đoạn 4	Ngõ 304 Ngô Gia Tự	Đường Bắc Liêu	5.000	
	Đoạn 5	Đường Bắc Liêu	Đường Nguyễn Trãi	3.500	
	Đoạn 6	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hai Bà Trưng	4.500	
	Đoạn 7	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Huệ (Vũng trắm)	3.000	
45	Đường Nguyễn Văn Cừ (24 m)	Đường Hoàng Diệu	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	5.500	
46	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Ngã tư cầu Lim	Hết địa phận xã Ninh Phúc		
	Đoạn 1	Cầu Lim	Vuốt chân cầu vượt Thanh Bình	8.000	
	Đoạn 2	Vuốt chân cầu vượt Thanh Bình	Giao với đường Lý Nhân Tông	10.000	
	Đoạn 3	Đường Lý Nhân Tông	Đường 1 Vạn Thắng	8.000	
	Đoạn 4	Đường 1 Vạn Thắng	Đường rẽ vào cảng Ninh Phúc	6.000	
	Đoạn 5	Đường rẽ vào cảng Ninh Phúc	Hết chợ Ninh Phúc	4.000	
	Đoạn 6	Hết chợ Ninh Phúc	Hết địa phận xã Ninh Phúc	3.500	

47	Đường Nguyễn Tử Mẫn (Đường Nguyễn Công Trứ Cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	2.500	
48	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Huệ	Ngã tư Trương Định	5.500	
	Đoạn 2	Ngã tư Trương Định	Đường Ngô Gia Tự	4.000	
49	Đường Nguyễn Du	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	4.000	
50	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	4.500	
51	Đường Bà Triệu	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	4.000	
52	Đường Bắc Liêu (cạnh rạp chiếu phim)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	3.000	
53	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Hùng Vương	Rạp chiếu phim	2.500	
54	Đường Nguyễn Trãi	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	4.500	
55	Đường Tuệ Tĩnh (Vào bệnh viện 700 giường)	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Thái Tổ (kênh thoát nước tây TP)	8.000	
56	Đường Phan Chu Chinh	Đường 30/6	Đường Lê Thái Tổ	3.500	
57	Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Huệ	Hết nhà ông Thịnh		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	3.500	
	Đoạn 2	Đường sắt phố Phong Đoàn	Hết cầu anh Trỗi	2.000	
	Đoạn 3	Hết cầu anh Trỗi	Ngã tư Phúc Lộc	1.500	
	Đoạn 4	Ngã 4 Phúc Lộc	Hết nhà ông Thịnh	1.000	
58	Đường Lý Nhân Tông (Cổng chân chim cũ)	Đường Triệu Việt Vương (T17)	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)		
	Đoạn 1 (Tuyến 16)	Đường Triệu Việt Vương (T17)	Hết cầu Anh Trỗi	2.500	
	Đoạn 2	Hết cầu Anh Trỗi	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)	2.000	

	Đoạn phía phường Thanh Bình	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết đường	2.000	
59	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Đê sông Đáy		
	Đoạn 1	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	4.000	
	Đoạn 2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Triệu Việt Vương (Tuyến 17)	3.000	
	Đoạn 3	Đường Triệu Việt Vương (Tuyến 17)	Đê sông Đáy	1.500	
60	Đường Triệu Việt Vương (Tuyến 17)	Đường Lý Nhân Tông (Cổng chân chim cũ)	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)	2.000	
61	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (T19)	Đường Lý Nhân Tông (Cổng chân chim cũ) (Tuyến 16)	Đường Vũ Duy Thanh	1.500	
62	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)	Đường 30 tháng 6	Cảng Ninh Phúc	2.500	
63	Đường Du lịch tam cốc bích động	Cầu Vòm	Hết đất Thành phố	3.000	

B. GIÁ ĐẤT Ở THUỘC CÁC PHƯỜNG

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
I	PHƯỜNG VÂN GIANG				
1	Ngõ 18 Lê Hồng Phong (Ngõ 1 LHP cũ)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Vân Giang	3.000	
2	Ngõ 12 LHP (Ngõ 2 LHP cũ)	Đường Lê Hồng Phong	Đường Vân Giang	3.000	
3	Ngõ 1 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2,3,4,5 phố 2,3,4,5,6,8 cũ)	Đường Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	2.000	
4	Ngõ 2 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2,3,4,5 phố 2,3,4,5,6,8 cũ)	Đường Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	1.500	

5	Ngõ 8 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2,3,4,5 phố 2,3,4,5,6,8 cũ)	Đường Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	1.500	
6	Ngõ 9 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2,3,4,5 phố 2,3,4,5,6,8 cũ)	Đường Phạm Hồng Thái	Ngõ 18 Lê Hồng Phong	2.000	
7	Ngõ 15 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2,3,4,5 phố 2,3,4,5,6,8 cũ)	Đường Phạm Hồng Thái	Ngõ 18, LHP	2.000	
8	Ngõ 22 Phạm Hồng Thái	Đường Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	1.500	
9	Ngõ 23 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2,3,4,5 phố 2,3,4,5,6,8 cũ)	Đường Phạm Hồng Thái	Ngõ 18, LHP	2.000	
10	Ngõ 28 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2,3,4,5 phố 2,3,4,5,6,8 cũ)	Đường Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	1.500	
11	Ngõ 37 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2,3,4,5 phố 2,3,4,5,6,8 cũ, Phạm Hồng Thái kéo dài)	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Vân Giang	2.000	
12	Ngõ 38 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2,3,4,5 phố 2,3,4,5,6,8 cũ)	Đường Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	1.500	
13	Ngõ 83, Vân Giang (Ngõ 1 Vân Giang cũ)	Đường Vân Giang	Đường Phan Đình Phùng	1.700	
14	Ngõ 74, Vân Giang (Ngõ 2 Vân Giang cũ)	Đường Vân Giang	Hết ngõ	2.000	
15	Ngõ 52 Vân Giang (Ngõ 4 Vân Giang cũ)	Đường Vân Giang	Đường Trần Phú	2.000	
16	Ngõ 41,47 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2 phố 10,11 cũ)	Đường Phạm Hồng Thái	Đường Dương Văn Nga	1.700	
17	Ngõ 42 Phạm Hồng Thái (Đường 1,2 phố 10,11 cũ)	Đường Phạm Hồng Thái	Hết ngõ	1.500	
18	Ngõ 10 Trần Phú (Ngõ 1,2 Trần Phú cũ)	Đường Trần Phú	Đường 7, Phan Đình Phùng	1.500	
19	Ngõ 5 Trần Phú (Ngõ 1,2 Trần Phú cũ)	Đường Trần Phú	Hết ngõ	1.500	
20	Ngõ 01, Trần Phú (Ngõ 1,2 Trần Phú cũ)	Đường Trần Phú	Hết ngõ	1.500	
21	Ngõ 923 Trần Hưng Đạo (Ngõ 1 Trần Hưng Đạo cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	1.200	

22	Ngõ 947 Trần Hưng Đạo (Ngõ 2 Trần Hưng Đạo cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	1.200	
23	Ngõ 1015, 1047, 1089, 1109 Trần Hưng Đạo (Ngõ 3 Trần Hưng Đạo cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	1.200	
24	Đất còn lại không thuộc các đường trên			1.000	
II	PHƯỜNG ĐÔNG THÀNH				
1	Đường Trung Nhất	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quyết Thắng cũ)	3.000	
2	4 ngõ đường Trần Hưng Đạo phố 9	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	2.000	
3	3 ngõ đường Trần Hưng Đạo phố 1, 5, 7	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	2.000	
4	Đường Trung Đông	Đường Lê Hồng Phong	Đường Đào Duy Từ		
	Đoạn 1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Đông Nhất	1.500	
	Đoạn 2	Đường Đông Nhất	Đường Lương Văn Thắng	2.000	
	Đoạn 3	Đường Lương Văn Thắng	Đường Đào Duy Từ	2.000	
5	Các ngõ đường Lê Hồng Phong phố 1, 2	Đường Lê Hồng Phong	Hết ngõ	2.000	
6	Các ngõ đường Lương Văn Thắng	Đường Lương Văn Thắng	Hết ngõ	2.000	
7	Ngõ 1, 2, 3 đường Quyết Thắng, Phố 2	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quyết Thắng cũ)	Hết phố	2.000	
8	Đường 1, 2, 3, 4, 5, 6 Phố 3	Đường Phạm Văn Nghị (đường Bắc Giang cũ)	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quyết Thắng cũ)	3.500	
9	Đường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Phố 4	Đường Phạm Văn Nghị (đường Bắc Giang cũ)	Hết phố		
	Đoạn trong khu phố (QH cũ)	Đường Phạm Văn Nghị (đường Bắc Giang cũ)	Hết phố	3.500	
	Đường khu phố (Quy hoạch mới Cánh Vỡ)	Đường Phạm Văn Nghị (đường Bắc Giang cũ)	Hết phố	4.000	

10	Ngõ 1,2 đường Quyết Thắng, Phố 6	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quyết Thắng cũ)	Hết phố	2.000	
11	Ngõ 1,2,3 đường Quyết Thắng, Phố 8	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quyết Thắng cũ)	Hết phố	2.000	
12	Đường Xóm Đồi phố 6, 8	Đường Lương Văn Thăng	Đường Đông Nhất	2.000	
13	Các đường khu vườn Táo phố 9	Đường Đông Phương Hồng	Đường Đinh Tiên Hoàng (Đường Quyết Thắng cũ)	3.000	
14	Đường phố phía trong khu Chùa Trê phố 11			5.000	
15	Đường phố phía trong phố 12 (khu Vườn Am cũ)			4.000	
16	Đất khu dân cư còn lại			1.200	
III	PHƯỜNG TÂN THÀNH				
1	Đường 1 phố Khánh Trung	Đường 4, phố Khánh Trung	Đường Đinh Tất Miễn (đường Vinh Quang cũ)	1.500	
2	Đường 2 phố Khánh Trung	Đường 4, phố Khánh Trung	Đường Đinh Tất Miễn (đường Vinh Quang cũ)	2.000	
3	Đường 3 phố Khánh Trung	Đường 4, phố Khánh Trung	Đường Đinh Tất Miễn (đường Vinh Quang cũ)	2.000	
4	Đường 4 phố Khánh Trung	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thành Công	2.000	
5	Đường 1,2,3,4,5 phố Khánh Thành	Đường Thành Công	Đường Khánh Thành	2.000	
6	Đường 6 phố Khánh Thành	Đường Xuân Thành	Đường Khánh Thành	2.000	
7	Đường Trung Thành	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Chùa Đẩu		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường nối Trung Thành - Xuân Thành	3.000	
	Đoạn 2	Đường nối Trung Thành - Xuân Thành	Đường Chùa Đẩu	2.000	
8	Đường 5 phố Tân Khang	Đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	2.500	

9	Đường 6 phố Tân Khang	Đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	3.500	
10	Đường 7 phố Tân Khang (Đường Tô Vĩnh Diện)	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Lương Bằng	3.500	
11	Đường ngang chợ Đón phố Tân Quý	Đường Lương Văn Tụy	Sân vận động	3.500	
12	Đường vào sân vận động phố Tân Quý	Đường Lương Văn Tụy	Sân vận động	5.000	
13	Đường Nguyễn Lương Bằng (Thành Công kéo dài)	Đường Cát Linh	Đường Lương Văn Tụy	5.000	
14	Ngõ 1+2 Tô Vĩnh Diện (Nhật Tân)			1.500	
15	Đường Tô Vĩnh Diện	Đường Nguyễn Lương Bằng	Đường Tây Thành	2.000	
16	Khu giáo viên (Nhật Tân)			1.500	
17	Đường nối Xuân Thành - Trung Thành (Đường chợ)	Đường Xuân Thành	Đường Trung Thành	3.000	
18	Ngõ 4 phố Đầu Long	Đường Chùa Đầu	Đường Lê Thái Tổ (Kênh TN chính)	1.500	
19	Đường 3 phố Đầu Long	Đường Trung Thành	Đường Lê Thái Tổ (Kênh TN chính)	1.500	
20	Đường Chùa Đầu Long	Đường Xuân Thành	Ngõ 4, phố Đầu Long	1.500	
21	Ngõ 1,2,3,4 phố Bắc Thành	Đường Thành Công	Hết ngõ	1.500	
22	Đường 1 Kỳ Lân	Đường Trảng An	Đường Vinh Quang	3.500	
23	Đường phố trong khu tây nam đường Xuân Thành			3.000	
24	Đường phố trong khu dân cư Đầu Đồng			1.500	
25	Đường phố trong khu Tây Khách sạn Hoa Lư			2.000	
26	Đường phố trong khu đô thị Tây An			4.000	
27	Đường phố trong khu phía Nam Cát Linh (Khu giao đất mới)			2.000	
28	Khu Tái định cư Phúc Tân (Bám mặt đường Cát			3.500	

	Linh)				
29	Đường trước cửa UBND phường			4.000	
30	Đất còn lại của khu tập thể ngân hàng cũ			3.000	
31	Khu Đồng Sơn			2.000	
32	Đất khu dân cư còn lại			1.500	
IV	PHƯỜNG PHÚC THÀNH				
1	3 ngõ Phố Phúc Trung	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	1.500	
2	Đường Tiến Thành	Đường Lương Văn Tụy	Đường Nam Thành	2.000	
3	Ngõ vào khu tập thể Sở Tài chính phố Phúc Trục	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	1.800	
4	Các ngõ phố Phúc Trục	Đường Trần Hưng Đạo	Đền Trục Độ	1.500	
5	Đường An Thành	Đường Trương Hán Siêu	Đường Nam Thành	2.000	
6	Đường 1,2,3 phố Phúc Lộc	Đường Trần Quốc Toản	Đường Kim Đồng	2.000	
7	Ngõ 1 Trần Phú - phố Phúc Lộc	Đường Trần Phú	Hết ngõ	1.500	
8	Đường 1 phố Phúc Thắng	Đường Kim Đồng	Hết đường	1.500	
9	Đường 2 phố Phúc Thắng	Đường Kim Đồng	Hết đường	2.000	
10	Đường 3,4,5 phố Phúc Thắng	Đường Kim Đồng	Hết đường	1.800	
11	Đường 6 phố Phúc Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	2.000	
12	Đường 7 phố Phúc Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Kim Đồng	2.500	
13	Đường 2 phố Phúc Hải	Đường Kim Đồng	Đường Hải Thượng Lãn Ông	2.000	
14	Đường 3 phố Phúc Hải	Đường Kim Đồng	Hết đường	1.700	
15	Đường 1 phố Phúc Long	Đường Kim Đồng	Đường Trần Phú	1.800	
16	Đường Nguyễn Văn Trỗi phố Phúc Thiện	Đường Lý Tự Trọng	Đường Hải Thượng Lãn Ông	2.000	
17	Các đường ngõ phố Phúc Thiện	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Hết ngõ	1.500	
18	Ngõ 3 đường Trần Phú - phố Phúc Thiện	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1.700	

19	Ngõ 9 đường Trương Hán Siêu - phố Phúc Thiện	Đường Trương Hán Siêu	Hết ngõ	1.800	
20	Đường 1+2 phố Phúc Ninh	Đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Phú	2.000	
21	Ngõ 1,2 Trần Quốc Toàn, phố Phúc Hòa	Đường Trần Quốc Toàn	Hết ngõ	1.200	
22	Đường Trần Quốc Toàn	Đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Phú	2.500	
23	Đường 3 Phố Phúc Hòa	Đường Trương Hán Siêu	Đường Trần Phú	2.500	
24	Đường Quang Thành phố Phúc Thái	Đường Trương Hán Siêu	Hết đường	2.000	
25	Đường Viện Thành phố Phúc Thái	Đường Trương Hán Siêu	Hết đường	1.800	
26	Ngõ vào Khu công an phố Phúc Hưng	Đường Trương Hán Siêu	Hết đường	1.300	
27	Đường Bảo Thành	Đường Lương Văn Tụy	Đường Nam Thành	1.200	
28	Các ngõ khu gia đình Công an Phố Phúc Nam	Đường Phúc Thành	Hết ngõ	1.500	
29	Đường Long Thành	Trường Lương Văn Tụy	Đường Nam Thành	1.300	
30	Đường Vân Thành	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường Phúc Thành	2.000	
31	Đường 1,2 phố Phúc Thịnh	Đường Tây Thành	Hết đường	1.800	
32	Đường 3,4 phố Phúc Thịnh	Đường Tây Thành	Hết đường	2.000	
33	Khu dân cư phía Đông Chùa Nội			2.000	
34	Khu dân cư nam đường Lương Văn Tụy	Đường Lê Lợi	Đường Lê Thánh Tông (Kênh Đô Thiên)	2.000	
35	Đất khu dân cư còn lại			1.000	
V	PHƯỜNG NAM THÀNH				
1	Đường vào hồ Lâm sản	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Đường 30 tháng 6		
	Đoạn 1	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Ngã tư hồ Lâm sản	2.500	
	Đoạn 2	Ngã tư hồ Lâm sản	Đường 30 tháng 6	2.500	
2	2 ngõ đội Xây dựng - Phố Võ Thị Sáu	Đường vào hồ Lâm sản	Hết ngõ	1.000	
3	Ngõ khu dân cư bánh kẹo (cũ) Phố Võ Thị Sáu	Đường Trần Hưng Đạo	Hết ngõ	2.000	

4	Ngõ vào khu vật liệu chất đốt - Phố Minh Khai	Ngã 4 hồ lâm sản	Hết khu dân cư	1.000	
5	Đường Tây chùa Phúc Chính	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Ngã 3 sân kho HTX Phúc Chính	2.000	
6	Các ngõ của phố Phúc chính			1.200	
7	5 đường phố Trung Thành	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết phố	1.200	
8	Đường 1,2 giao 5 đường phố Trung Thành	Đường 1, phố Phúc Chính	Hết phố	1.200	
9	Các ngõ phố Văn Miếu	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết ngõ	1.200	
10	Các đường khu tái định cư phố Yết Kiêu	Đường Trần Hưng Đạo	Hết khu dân cư	2.000	
11	Các đường khu tái định cư phố Bạch Đằng			2.000	
12	Đường cửa làng, phố Phúc Trì	Đường Trần Hưng Đạo	Chùa Phúc trì	1.200	
13	Khu dân cư cũ còn lại của phố Phúc Trì			900	
14	Các đường khu tái định cư I phố Hòa Bình			1.300	
15	Đường phố Hòa Bình	Đường Trần Hưng Đạo	Hết phố (nhà ông vạn)	1.500	
16	Các ngõ còn lại của phố Hòa Bình			1.000	
17	Đường vào Cty xây dựng số 9 - đê sông Chanh	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đất Nam Thành	1.500	
18	Khu dân cư Cánh Ngàn 1 + 2 Phố Phúc Trì			1.500	
19	Khu dân cư Cửa Đình			1.700	
20	Khu dân cư mới phố Phúc Trì				
	Các lô tám mặt đường kênh đô thiên			4.000	
	Các lô bên trong			2.000	
21	Khu dân cư đối diện Bệnh viện 700 giường			3.500	
22	Các lô đất của khu Cống Đá			3.000	
23	Đất khu dân cư còn lại			1.000	
VI	PHƯỜNG NAM BÌNH				

1	Ngõ 271 Nguyễn Huệ - Chu Văn An (Ngõ 5 Nguyễn Huệ - Chu Văn An cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Hết ngõ	1.000	
2	Ngõ 13 Hai Bà Trưng - Chu Văn An (Ngõ 2 Hai Bà Trưng - Chu Văn An cũ)	Đường Hai Bà Trưng	Hết đường	1.200	
3	Ngõ 19 Hai Bà Trưng - Chu Văn An (Ngõ 4 Hai Bà Trưng - Chu Văn An cũ)	Đường Hai Bà Trưng	Đến nhà ông Nho	1.500	
4	Ngõ 207 Nguyễn Huệ - Ngọc Hà (Đường vào 27/7 cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	5.500	
5	Ngõ 448 Ngô Gia Tự - phố Ngọc Hà (Ngõ 16 Ngô Gia Tự - phố Ngọc Hà cũ)	Ngõ 207 Nguyễn Huệ, Ngọc Hà (Đường 27/7 cũ)	Nhà ông Trung	4.000	
6	Ngõ 17 Nguyễn Trãi - phố Ngọc Hà (Ngõ 2 Nguyễn Trãi - phố Ngọc Hà cũ)	Đường Nguyễn Trãi	Ngõ 448 Ngô Gia Tự	1.500	
7	Ngõ 175 Nguyễn Huệ - Phong Quang (Đường Phùng Hưng - phố Phong Quang cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	2.500	
8	Ngõ 312 Ngô Gia Tự - Ngô Quyền (Ngõ 8 Ngô Gia Tự - Phố Ngô Quyền cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Nhà văn hóa phố Ngô Quyền	3.500	
9	Ngõ 360 Ngô Gia Tự - Ngô Quyền (Ngõ 14 Ngô Gia Tự - Phố Ngô Quyền cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Đường Bùi Thị Xuân (Hội làm vườn)	2.000	
10	Ngõ 2 Bùi Thị Xuân - Phố Ngô Quyền	Số nhà 03 (Cửa nhà ông Vân)	Hết dân cư	3.000	
11	Ngõ 4 Bùi Thị Xuân - Phố Ngô Quyền	Số nhà 04 (Giáp nhà bà Tuyến)	Sau cây xăng	3.000	
12	Các ngõ đường Bùi Thị Xuân - phố Ngô Quyền	Đường Bùi Thị Xuân	Hết ngõ	3.000	
13	Ngõ 105 Nguyễn Huệ - Ngô Quyền (Ngõ 1 Nguyễn Huệ - Phố Ngô Quyền cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	3.500	
14	Ngõ 5 Bà Triệu - Ngô Quyền (Ngõ 2 - Bà Triệu - Phố Ngô Quyền cũ)	Đường Bà Triệu	Nhà văn hóa phố Ngô Quyền	3.500	
15	Ngõ 308 Ngô Gia Tự - Lê Lợi (Ngõ 6 Ngô Gia Tự - phố Lê Lợi cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 3 Hùng Vương	3.000	

16	Ngõ 3 - Hùng Vương - phố Lê Lợi (Ngõ 2 - Hùng Vương - phố Lê Lợi cũ)	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Du	3.500	
17	Ngõ 304 Ngô Gia Tự - phố Trung Tự (Ngõ 2 Ngô Gia Tự - phố Trung Tự cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lý Thường Kiệt	3.500	
18	Ngõ 306 Ngô Gia Tự - phố Trung Tự (Ngõ 4 Ngô Gia Tự cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Chi nhánh PETEC tại NB	3.500	
19	Ngõ 161 Nguyễn Huệ - phố Phong Quang (Ngõ 3 Nguyễn Huệ cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Ngõ 3 Bắc Liêu	2.500	
20	Ngõ 37 Nguyễn Trãi - phố Phong Quang (Ngõ 4 Nguyễn Trãi cũ)	Đường Nguyễn Trãi	Giáp đường Phùng Hưng	1.000	
21	Ngõ 1 Nguyễn Trãi - phố Phong Quang	Đường Nguyễn Trãi	Đường Phùng Hưng	1.200	
22	Ngõ 3 Bắc Liêu - phố Phong Quang (Ngõ 1 Bắc Liêu cũ)	Đường Bắc Liêu	Đường Phùng Hưng	1.000	
23	Ngõ 10 Bắc Liêu - phố Phong Quang (Ngõ 2 Bắc Liêu cũ)	Đường Bắc Liêu	Hết ngõ	1.000	
24	Ngõ 17 Bắc Liêu - phố Phong Quang (Ngõ 4 Bắc Liêu cũ)	Đường Bắc Liêu	Giáp đất ông Tường và ông Hạnh	2.000	
25	Ngõ 338, 326 Nguyễn Công Trứ - Phong Sơn (Đường 1, 2 phố Phong Sơn cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết	3.000	
26	Ngõ 312 Nguyễn Công Trứ - Phong Sơn (Đường 3 phố Phong Sơn cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết	3.500	
27	Ngõ 122 Nguyễn Công Trứ - Phú Xuân (Đường 1 phố Phú Xuân cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết	2.000	
28	Ngõ 156 Nguyễn Công Trứ - Phú Xuân (Đường 2 phố Phú Xuân cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết	3.500	
29	Ngách 9; 9.1; 9.2/156 Nguyễn Công Trứ - Phú Xuân (Các ngõ thuộc đường 1, 2 Phú Xuân cũ)	Ngõ 156	Hết đường	2.500	
30	Ngõ 354, 359 Nguyễn Công Trứ - Phú Sơn (Các ngõ còn lại về phía Đông cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (Đoạn nối tiếp từ đường 3	Nhà văn hóa Phú Sơn (Đường điện 35 KV cũ)	1.000	

		Phong Sơn cũ)			
31	Ngõ 1, 13, 31 Lý Nhân Tông - Bắc Phong (Khu dân cư phố Bắc Phong cũ)	Đường Lý Nhân Tông	Hết đường	1.500	
32	Ngõ 376 Ngô Gia Tự - Phong Quang (Khu dân cư Đồng Cung cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 17 Bắc Liêu	2.500	
33	Khu dân cư Đầu Núi 1, phố Đại Phong, Phú Xuân			2.000	
34	Ngách 11, 13, 15, 25/156, Nguyễn Công Trứ, Phố Phú Xuân, Đại Phong, Phong Sơn, Phú Sơn (Khu dân cư phố Đại Phong, Phú Xuân cũ)	Ngõ 156 Nguyễn Công Trứ	Đường điện 35 KW	2.000	
35	Ngách 48/156, 52/156, 54/156 Nguyễn Công Trứ, Phố Phú Xuân, Đại Phong, Phong Sơn, Phú Sơn (Khu dân cư phố Đại Phong, Phú Xuân cũ)	Ngõ 156 Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Văn Cừ	2.000	
36	Ngõ 348 Ngô Gia Tự - Ngô Quyền (Ngõ 10 Ngô Gia Tự cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Hết ngõ	2.000	
37	Ngõ 229 Nguyễn Huệ - Chu Văn An (Đường Nguyễn Khuyến cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	4.500	
38	Ngõ 263 Nguyễn Huệ (Đường kênh Cống Lọng cũ)	Đường Nguyễn Huệ	Đường Ngô Gia Tự	4.500	
39	Ngõ 474, 482, 494, 526, 548, 558 Ngô Gia Tự (Các đường còn lại trong khu tái định cư Tây ga cũ)			3.000	
40	Khu tái định cư dự án đường sắt				
	Đường Nguyễn Văn Cừ, ngách 156, 62, 72 Nguyễn Công Trứ - Chu Văn An (Các đường rộng 24m cũ)			2.000	
	Ngách 64, 70 hẻm 2/ngách 10/156, hẻm 1 ngách 10/156 (Các đường phía trong cũ)			1.500	
41	Đường Vũ Duy Thanh			1.200	
42	Các ngách còn lại của phố Chu Văn An, phố			1.000	

	Đông Phong				
43	Đất khu dân cư còn lại của phường			1.000	
VIII	PHƯỜNG THANH BÌNH				
1	Ngõ 118 đường Hoàng Diệu (Ngõ 7 phố Phúc Sơn cũ)	Đường Hoàng Diệu	Tiểu học Thanh Bình	2.500	
2	Ngõ 29 Lê Đại Hành (Ngõ 1 Lê Văn Tám cũ)	Đường Lê Văn Tám	Đường Lê Đại Hành	3.000	
3	Ngõ 131, 119, 111, 97, 81, 69 Lê Đại Hành (Các đường 7.8.9.10.11.12 Phố Trần Kiên + Trần Phú cũ)	Đường Lê Đại Hành	Đường Lý Thái Tổ	5.000	
4	Ngõ 41 đường Hoàng Hoa Thám (Đường 6 và ngõ sau nhà thờ phố Thanh Sơn cũ)				
	Đoạn 1	Đường Hoàng Hoa Thám	Ngõ 39 đường Hoàng Hoa Thám	2.000	
	Đoạn 2	Ngõ 39 đường Hoàng Hoa Thám	Hết ngõ	2.500	
5	Ngách 2/41 đường Hoàng Hoa Thám (Ngõ 1 đường 6 Thanh Sơn cũ)	Ngõ 41 đường Hoàng Hoa Thám	Hết đường	2.000	
6	Ngõ 39 đường Hoàng Hoa Thám (Đường Nhà thờ cũ)	Đường Hoàng Hoa Thám	Ngõ 262 Ngô Gia Tự	2.000	
7	Ngõ 266, 262, 256, 252, 248, đường Ngô Gia Tự (Các đường 1.2.3.4.5 Phố Nam Sơn, Bắc Sơn cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Ngõ 39 đường Hoàng Hoa Thám (Đường ngõ nhà thờ cũ)	2.500	
8	Ngõ 176, 186 đường Ngô Gia Tự (Ngõ 4, 5 Vạn Sơn cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lý Thái Tổ	2.500	
9	Ngõ 198, 232, 244 đường Ngô Gia Tự (Ngõ 6, 8, 9 Vạn Sơn, Trung Sơn cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Đường Trương Định	2.500	
10	Ngõ 212 đường Ngô Gia Tự (Đường 7 phố Trung Sơn, Vạn Sơn cũ)	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lý Thái Tổ	2.500	
11	Ngõ 136, 150, 162 đường Ngô Gia Tự (Các	Đường Ngô Gia Tự	Đường Trương Định	2.500	

	đường ngõ 1, 2, 3 phố Vạn Phúc cũ)				
12	Đường Hoàng Diệu B (Đường vào nhà máy điện cũ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cổng chính nhà máy điện NB	4.000	
13	Ngõ 1 đường Hoàng Diệu B (Đường vào Lâm viên cánh diều cũ)	Đường Hoàng Diệu	Lâm viên núi Cánh Diều	1.500	
14	Ngõ 1, 13, 27 đường Hoàng Diệu (Đường 1, 2, 3 Tây Sơn 1 cũ)	Đường Hoàng Diệu	Tường NM Điện	1.500	
15	Ngõ 29, 45 đường Hoàng Diệu (Đường 4, 5 Tây Sơn 2 cũ)	Đường Hoàng Diệu	Tường phía cổng NM Điện	1.500	
16	Ngõ 17 đường Nguyễn Văn Cừ (Đường ngõ 5, 7 Tây Sơn 3 cũ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Lâm viên núi Cánh Diều	2.000	
17	Ngõ 47, 59, 69, 79, 87, 101, 113, 125, 137, 149, 161 đường Nguyễn Văn Cừ (Ngõ 5 đến ngõ 15 Vạn Xuân I, Vạn Xuân II cũ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Lâm viên núi Cánh Diều	2.000	
18	Ngõ 173 đường Nguyễn Văn Cừ (Ngõ 16 Vạn Xuân II cũ)	Đường Nguyễn Văn Cừ	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	2.500	
19	Ngách 1/127 đường Nguyễn Công Trứ (Ngõ 2 Vạn Xuân II cũ)	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	Hết đường	2.500	
20	Ngõ 245 đường Nguyễn Công Trứ (Đường Đông Hồ cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đình Tiên Hoàng cũ)	Lâm viên núi Cánh Diều	3.500	
21	Ngõ 255 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 2, 3 phố Ngọc Mỹ cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Ngõ 245 (đường Đông Hồ cũ)	2.500	
22	Ngách 1/255 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 4 phố Ngọc Mỹ cũ)	Ngõ 255 Nguyễn Công Trứ	Phía Bắc khu nhà 5 tầng của nhà máy điện NB	2.500	
23	Ngách 2/255 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 5 phố Ngọc Mỹ cũ)	Ngõ 255 Nguyễn Công Trứ	Phía Bắc khu nhà 5 tầng của nhà máy điện NB	2.500	
24	Ngách 1/245 đường Nguyễn Công Trứ (ngõ 1 phố Ngọc Sơn, Ngọc Xuân cũ)	Ngõ 245 (Đường Đông hồ cũ)	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	2.500	
25	Ngách 9/245 đường Nguyễn Công Trứ (ngõ 2	Ngõ 245 (Đường Đông hồ	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	2.500	

	phố Ngọc Sơn, Ngọc Xuân cũ)	cũ)			
26	Ngách 17/245 đường Nguyễn Công Trứ (ngõ 3 phố Ngọc Sơn, Ngọc Xuân cũ)	Ngõ 245 (Đường Đông hồ cũ)	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	2.500	
27	Ngách 25/245 đường Nguyễn Công Trứ (ngõ 4 phố Ngọc Sơn, Ngọc Xuân cũ)	Ngõ 245 (Đường Đông hồ cũ)	Ngõ 127 Nguyễn Công Trứ	2.500	
28	Ngõ 203 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 1 của phố Ngọc Xuân, Ngọc Sơn cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết đường	3.000	
29	Ngách 1/1, ngách 2/1 đường Hoàng Diệu (Các ngõ còn lại của phố Tây Sơn I cũ)			1.500	
30	Ngõ 259 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Lâm viên núi Cánh Diều	2.500	
31	Ngõ 21 đường Hoàng Diệu	Đường Hoàng Diệu	Ngõ 47 đường Nguyễn Văn Cừ	2.000	
32	Ngách 6/1 đường Hoàng Diệu B	Ngõ 21 đường Hoàng Diệu	Ngõ 1 đường Hoàng Diệu	2.000	
33	Ngách 30/1 đường Hoàng Diệu B	Ngõ 21 đường Hoàng Diệu	Ngõ 1 đường Hoàng Diệu	2.000	
34	Ngõ 63 đường Hoàng Diệu	Đường Hoàng Diệu	Hết đường	2.500	
VIII PHƯỜNG BÍCH ĐÀO					
1	Ngõ 5 đường Nguyễn Viết Xuân (Đường I, phố Thanh Xuân cũ)	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lý Nhân Tông (Cổng chân chim cũ)	1.500	
2	Ngõ 15 đường Nguyễn Viết Xuân (Đường II phố Thanh Xuân cũ)	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lý Nhân Tông (Cổng chân chim cũ)	1.200	
3	Ngõ 36 Nguyễn Thị Minh Khai và ngõ 29 Lý Nhân Tông (Các ngõ còn lại của đường 2 phố Thanh Xuân cũ)	Đầu ngõ các đường Nguyễn Thị Minh Khai và đường Lý Nhân Tông	Cuối ngõ	1.000	
4	Ngõ 65, 77, 89, 105, 107 đường Nguyễn Viết Xuân (Đường 4, 5, 6, 7, 8 phố Thanh Sơn cũ)	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Lý Nhân Tông (Cổng chân chim cũ)	1.300	
5	Các ngõ 22, ngõ 34 đường Nguyễn Viết Xuân (Đường 1, 2 phố Vạn Hưng)	Đường Nguyễn Viết Xuân	Cuối ngõ	1.300	

6	Các ngách của ngõ 22, ngõ 34 đường Nguyễn Viết Xuân (Các ngõ hẻm đường 1, 2 phố Vạn Hưng cũ)	Đầu ngách	Cuối ngách	1.000	
7	Các ngách của ngõ 22, ngõ 34 đường Nguyễn Viết Xuân (Đường 2, 3, 4, 5 phố Đông Sơn cũ)	Đường Nguyễn Viết Xuân	Cuối ngõ	1.000	
8	Ngõ 122 đường Nguyễn Viết Xuân kéo dài đến đường Phạm Thận Duật (Đường 1 phố Đông Xuân cũ)	Đường Nguyễn Viết Xuân	Đường Phạm Thận Duật	1.500	
9	Ngõ 96 đường Nguyễn Viết Xuân (Đường Hoàng Văn Thụ phố Đông Xuân cũ)	Đường Nguyễn Viết Xuân	Hết ngõ	1.000	
10	Khu tập thể cảng và phía Tây đài tưởng niệm phường (Các ngõ còn lại khu B phố Đông Xuân)	Đầu ngõ, ngách thuộc các đường: Nguyễn Viết Xuân; Triệu Việt Vương	Hết ngõ, ngách	1.000	
11	Ngõ 385 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 3 Vạn Thịnh cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	2.000	
12	Ngõ 361 đường Nguyễn Công Trứ (Ngõ vào Trường TH kinh tế KT và tại chức cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết ngõ	1.500	
13	Ngõ 377 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 4 Phố Vạn Thịnh)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết ngõ	1.300	
14	Ngõ 373 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 5 Phố Vạn Thịnh cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết ngõ	1.500	
15	Ngõ 395 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 2 Phố Vạn Thắng cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1.500	
16	Đường Vũ Duy Thanh (Đường 1 Phố Vạn Thắng cũ)	Đường Triệu Việt Vương	Đường Nguyễn Công Trứ	1.800	
17	Các ngõ phố Bắc Sơn	Đầu ngõ	Hết ngõ	1.000	
18	Ngõ 497 đường Nguyễn Công Trứ (Đường vào Trường Quân Sự cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Sát Trường Quân Sự	1.000	
19	Ngõ 543 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 2)	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Việt Vương	1.000	

	Trung Sơn)	(đường Đinh Tiên Hoàng cũ)			
20	Các ngõ hẻm còn lại phố Trung Sơn	Đầu ngõ	Hết ngõ	900	
21	Các ngõ hẻm còn lại phố Bích Sơn	Đầu ngõ	Hết ngõ	900	
22	Các ngõ hẻm còn lại phố Phúc Thịnh	Đầu ngõ	Hết ngõ	900	
23	Ngõ 673, 639, 631 đường Nguyễn Công Trứ (Ngõ 2, 3 Bích Sơn cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết ngõ	1.000	
24	Đường Trần Quang Khải (Đường 2 Đông Hồ cũ)	Đầu đường	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	1.000	
25	Ngõ 791 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 1 Đông Hồ cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ	Đường Triệu Việt Vương	1.000	
26	Ngõ 821 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 3 Đông Hồ cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Đường Triệu Việt Vương	1.000	
27	Các ngõ 939, 915 đường Nguyễn Công Trứ (Đường 3, 4 Phố Phúc Thịnh cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Đường Triệu Việt Vương	1.000	
28	Đường vào cảng Ninh Phúc				
	Ngõ 965 đường Nguyễn Công Trứ	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Đường vào Cảng khô ICD	1.500	
	Đường vào Cảng khô ICD	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)	Cảng khô ICD	1.200	
29	Các ngõ 2, 14, 28, 38, 58 đường Triệu Việt Vương (Các trục đường khu tập thể nhà máy sứ cũ)	Đường Triệu Việt Vương	Cuối ngõ	900	
30	Các lô đất cạnh nhà văn hóa Phố Đông Hồ			1.000	
31	Đất khu dân cư còn lại			800	
IX	PHƯỜNG NINH PHONG				
1	Khu dân cư dãy trong đường Nguyễn Huệ (phía Tây đường Nguyễn Huệ)	Phố Tương Lai	Phố Đoàn Kết	1.500	

2	Đường trục	Đường trục phố Vân Giang		1.500	
		Các ngõ phố Vân giang		1.000	
		Ngõ tư Phúc Lộc	Phố Đa Lộc	1.500	
		Phố Đa Lộc	Phố Phúc Lâm	1.000	
		Đường Bồng	Cửa chùa An Lạc	1.500	
		Đường 30/6	Cửa chùa An Lạc	1.500	
		Cửa chùa An lạc	Cầu Đức Thế	800	
		Đường An hòa	Phố Phúc Lai	1.000	
		Cầu Đức Thế	Nhà ông Luân	800	
		Trạm biến thế An Hòa	Đường Bê tông	1.000	
3	Khu dân cư Triều Cả				
*	Đường cạnh Công ty Vật tư Nông nghiệp cũ	Công ty Vật tư Nông nghiệp cũ	Đường Ngô Gia Tự	1.500	
*	Dãy 2 đường Nguyễn Huệ khu Triều cả				
	Hướng Đông			1.500	
	Hướng Tây			1.300	
*	Dân cư còn lại khu Triều Cả			1.200	
4	Các lô dãy trong của khu Tái định cư đường Trần Nhân Tông (Đường Vành đai cũ)			1.500	
5	Khu tiểu thủ công nghiệp làng nghề Ninh phong			1.000	
6	Khu dân cư Nam Phong, Phong Đoài			600	
7	Đất khu dân cư còn lại			600	
X	PHƯỜNG NINH KHÁNH				
1	Đường Vạn Hạnh (đường 3 xã cũ)	Đường Trần Hưng Đạo	Hết xóm Bình Hòa	2.500	

2	Đường vào TT cai nghiện	Đường Trần Hưng Đạo	Cổng Vòm		
	Đoạn 1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết TT cai nghiện	2.500	
	Đoạn 2	Hết TT cai nghiện	Cổng vòm	2.000	
3	Đường vào thăm len	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	2.000	
4	Đường giáp UBND phường	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Xa Liên Hậu	2.500	
5	Đất khu dân cư sau đình Voi Đá			2.000	
6	Khu dân cư Xa Liên				
	Các lô tám mặt đường QH 20m	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	4.000	
	Các lô quy hoạch nhà vườn			2.000	
	Các lô tám mặt đường sau đường Trần Hưng Đạo			2.500	
	Các lô đất còn lại phía trong			2.000	
7	Khu dân cư Xa Liên Hậu			1.800	
8	Khu dân cư phía Tây Khánh Tân			2.000	
9	Khu dân cư Tiền Đồng				
	Các lô tám mặt đường QH 20m	Đường Trần Hưng Đạo	Hết đường	4.000	
	Các lô đất còn lại phía trong			2.000	
10	Đất khu Quảng trường trung tâm				
	Khu dân cư QTTT 1	Các lô đất còn lại phía trong		5.500	
	Đất khu QTTT 2	Các lô đất còn lại phía trong		5.000	
11	Khu trung tâm dịch vụ khách sạn			3.500	
12	Khu dân cư phía Đông phố Mía			3.500	
13	Khu dân cư Bắc quảng trường	Các lô đất còn lại		1.800	
14	Khu TĐC trạm điện 220 KV	Các lô đất còn lại (phía trong)		4.000	

15	Đất dân cư còn lại	12 Phố thuộc Cam Giá, Hợp Thắng		800	
XI	PHƯỜNG NINH SƠN				
1	Đường 1, 2 phố Thanh Bình	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết ngõ	1.500	
2	Các ngõ thuộc đường 1,2 phố Thanh Bình			1.200	
3	Đường Phạm Thận Duật (Đường trục phường cũ)				
		Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	UBND phường cũ	2.500	
		UBND phường cũ	Hết đường	1.800	
4	Đường Trần Quang Khải (Đường cây gạo cũ)	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)		
		Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Trường MN Ninh Sơn	2.000	
		Trường MN Ninh Sơn	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)	1.500	
5	Đường Đông Thịnh	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đinh Tiên Hoàng cũ)	Hết Nhà ông Vũ Lưu	1.200	
6	Khu dân cư Chùa Chấm, Tây đường vành đai)			1.200	
7	Khu dân cư Giếng Mỹ, Vườn Am			1.200	
8	Các ngõ dọc	Đường Nguyễn Công Trứ	Hết ngõ	1.000	
9	Các ngõ ngang	Đường Phạm Thận Duật	Đường Nguyễn Quang Khải	800	
10	Khu dân cư còn lại			500	
C	GIÁ ĐẤT Ở THUỘC CÁC XÃ				
I	XÃ NINH NHẤT				

1	Đường trục	Bưu điện Kỳ vĩ	Hết Trường Mầm non Kỳ Vỹ	2.000	
		Hết Trường Mầm non Kỳ Vỹ	Cổng Phúc Sơn	1.200	
		Trạm biến thế kỳ vĩ	Cổng đầm Ninh Nhất	1.500	
		Cổng đầm Ninh Nhất	Chợ Ninh Nhất	800	
2	Đường liên xã	Cổng 3 xã	Đê sông Chanh	700	
3	Đường liên thôn khu vực HTX Ninh Nhất				
		Chợ Ninh Nhất	Gò Cuội	500	
		Chợ Ninh Nhất	Đường Nguyễn Minh Không (đường 477)	500	
4	Khu dân cư Kỳ Vỹ và khu dân cư Ích Duệ			600	
5	Khu dân cư Đồng Cửa			2.000	
6	Khu dân cư Đồng Hậu			1.500	
7	Khu dân cư mới phía Nam đại học Hoa Lư			2.000	
8	Khu tái định cư Cửa Bạc	Đường Lê Thánh Tông (kênh Đô Thiên)	Đường trục xã	1.500	
		Các lô đất còn lại phía trong		600	
9	Khu TĐC Đồng Thới			400	
10	Khu TĐC Nguyên Ngoại				
	Các lô đất giáp đường Vạn Hạnh (đường 3 xã)			700	
	Các lô đất phía trong			400	
11	Khu dân cư còn lại xã Ninh Nhất			400	
II	XÃ NINH TIẾN				
1	Đường Nguyễn Hữu An	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Hết Trạm xá Xã	3.000	
2	Đường trục chính xã				

		Hết Trạm xá Xã	Cầu Hoàng Sơn	2.500	
		Lối rẽ vào UBND xã	Cổng ao Cà (hết khu dân cư mới)	2.000	
		Cổng ao Cà (hết khu dân cư mới)	Nhà máy sát Cỏ Loan Trung	2.000	
		Nhà máy sát Cỏ Loan Trung	Cổng trường cấp 2	1.200	
		Cổng trường cấp 2	Cổng kênh đầu làng Cỏ Loan Hạ	1.000	
		Cổng kênh đầu làng Cỏ Loan Hạ	Đề cửa nhà ông Sâm	800	
		Cầu Hoàng Sơn	Đầu làng hết khu dân cư mới	800	
		Đầu làng hết khu dân cư mới	Cầu Khê Hạ	600	
3	Khu dân cư Hoàng Sơn			500	
4	Khu dân cư Phúc Sơn, Cỏ Loan Hạ			500	
5	Khu dân cư Cỏ Loan Trung			500	
6	Khu dân cư Cỏ Loan Thượng			500	
7	Khu dân cư (mới) Đồng sau thôn Phúc Sơn			2.500	
8	Khu đô thị mới phía Đông đường trục xã			2.000	
9	Đường 1 Cỏ Loan Trung	Đường trục xã	Khu đô thị mới Phúc Trì	800	
10	Khu đô thị mới phía Tây đường trục xã			2.000	
III	XÃ NINH PHÚC				
1	Đường Trục	Chợ Bội	UBND xã	1.500	
		UBND xã	Trạm xá xã	1.000	
		Trạm xá xã	Phúc Trung	800	
		Phúc Trung	Sông Vạc	600	

		Đường Nguyễn Công Trứ (Đường 10)	Chùa Gạo	800	
		Đường Nguyễn Công Trứ (Đường 10)	Thôn Vĩnh Tiến	800	
2	Khu dân cư HTX Yên Phúc			500	
3	Khu dân cư Đào Công, Phúc Trung			400	
4	Khu dân cư Phúc Hạ - Yên Khoái			400	
5	Khu dân cư Mả Lễ, Nghĩa Trang			500	
6	Đường vào cảng Ninh Phúc				
	Đường vào Cảng cũ	Đường Nguyễn Công Trứ (đường Đình Tiên Hoàng cũ)	Đường vào Cảng khô ICD	1.500	
	Đường vào Cảng khô ICD	Đường Trần Nhân Tông (đường Vành đai cũ)	Cảng khô ICD	1.200	

BẢNG SỐ 2

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - THỊ XÃ TAM ĐIỆP

A. GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ - THỊ XÃ TAM ĐIỆP

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
I	Phường Bắc Sơn				
1	Quốc lộ 1A	Đường 12B	Hết cổng Chi cục Thuế Tam Điệp	6.000	
		Hết cổng Chi cục Thuế Tam Điệp	Cầu Lạnh Đông	7.000	
2	Đường Ngô Văn Sở	Phía đôi			
		Quốc lộ 1A	Gặp đường Trương Hán Siêu	600	

		Đường 12B	Ngã ba (hết đất nhà ông Giảng)	600	
		Phía suối			
		Đường 12B	Ngã ba (hết đất nhà ông Giảng)	200	
		Quốc lộ 1A	Hết đất ông Thiệu	300	
		Hết đất ông Thiệu	Gặp đường Trương Hán Siêu	600	
3	Đường Trương Hán Siêu	Quốc lộ 1A	Gặp đường Ngô Văn Sở	3.500	
4	Đường Suối Ngầm	Quốc lộ 1A	Gặp đường Trần Phú	2.000	
5	Đường Tạ Uyên	Quốc lộ 1A	Hết cổng Trung tâm y tế TX	2.500	
		Hết cổng trung tâm y tế	Gặp đường Trần Phú (Nhà xác)	700	
		Quốc lộ 1A	Ngã tư (Nhà văn hóa tổ 6)	1.000	
6	Đường Đồng Giao	Quốc lộ 1A	Đường rẽ vào khu tập thể XD cũ	700	
		Đường rẽ vào khu tập thể XD cũ	Cổng trường PTCS Đồng Giao	4.000	
		Cổng trường PTCS Đồng Giao	Hết địa phận P. Bắc Sơn	2.000	
7	Đường Trần Phú	Quốc lộ 1A	Đường Tạ Uyên	3.000	
		Đường Tạ Uyên	Ngã Tư đường vào trường Quế Võ	2.000	
8	Đường Thanh Niên	Quốc lộ 1A	Gặp đường Đồng Giao	4.000	
		Đường Đồng Giao	Hết đất trường Nguyễn Huệ	2.000	
		Hết đất trường Nguyễn Huệ	Hết đường	1.000	
9	Đường Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	2.000	
		Đường Thanh Niên	Khu dân cư trận địa Pháo (Hết đường)	1.500	
10	Đường Kim Đồng	Đường Trần Phú	Đường Thanh Niên	2.000	
11	Đường Vạn Xuân	Ngã tư vào trường Quế Võ	Gặp đường Trần Phú	1.000	
12	Đường 12B	Quốc lộ 1A	Đường vào Ngô Văn Sở	3.000	

13	Đường còn lại xe ô tô vào được (Mặt đường bê tông xi măng, đường rộng $\geq 7,0\text{m}$)			700	
14	Đường còn lại xe ô tô vào được			500	
15	Đường còn lại xe ô tô không vào được			400	
16	Đường còn lại trong khu dân cư			300	
II	Phường Trung Sơn				
1	Quốc lộ 1A	Ranh giới hành chính giáp Xã Yên Bình	Giáp đường Voi Phục	350	
		Đối diện đường Trương Hán Siêu	Cầu Lạnh Đông	7.000	
		Cầu Lạnh Đông	Hết địa giới phường	4.500	
2	Đường Quyết Thắng	Quốc lộ 1A	Đường Lê Hồng Phong	4.500	
		Đường Lê Hồng Phong	Cổng Quân Đoàn I	3.500	
3	Đường Ngô Thị Nhậm	Quốc lộ 1A	Cầu Ngô Thị Nhậm	3.000	
		Cầu Ngô Thị Nhậm	Hai nhánh hết địa giới P. Trung Sơn	1.500	
4	Đường Núi Vàng	Quốc Lộ 1A	Đường Sắt	3.500	
		Đường Sắt	Cầu Núi Vàng	1.500	
		Cầu Núi Vàng	Ngã tư đi khu CN Tam Điệp	1.500	
		Ngã tư đi khu CN Tam Điệp	Hết địa phận P. Trung Sơn	700	
		Ngã tư đi khu CN Tam Điệp	Đường Ngô Thị Nhậm	1.500	
		Ngã 3 đi đập tràn	Đường Núi Vàng	500	
5	Đường vào 2 bên chợ Đồng Giao	Quốc lộ 1A	Đường Lê Đại Hành	2.000	
6	Đường Lê Hồng Phong	Đường Quyết Thắng	Đường Ngô Thị Nhậm	2.500	
7	Đường Tuệ Tĩnh	Quốc lộ 1A	Đường Lê Đại Hành	1.000	
		Đường Lê Đại Hành	Hết đường	600	
8	Đường Voi Phục	Đường Quyết Thắng	Đường Dốc Diệm	700	

9	Đường Dốc Diệm	Đường Viện 145	Hết đường thuộc phường	500	
10	Đường Viện 145	Đường Quyết Thắng	Hết đường thuộc phường	700	
11	Đường Cảnh Hưng	Đường Núi Vàng	Đường Bạch Đằng	700	
12	Đường Lê Đại Hành	Đường Núi Vàng	Nhà ông Mạo (Hết đường)	1.000	
13	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Ngô Thì Nhậm	Hết đường	1.000	
14	Đường Ngọc Hồi	Đường Ngô Thì Nhậm	Hết đất nhà ông Thành Sen	1.000	
		Hết đất nhà ông Thành Sen	Đường Bưu Điện	500	
		Đường Bưu Điện	Đường Núi Vàng	700	
15	Đường Bạch Đằng	Quốc lộ 1A	Hết đường	300	
16	Đường Đô Đốc Long	Đường Ngô Thì nhậm	Đường Lê Hồng Phong	700	
17	Đường ô tô vào được (Mặt đường bê tông xi măng, đường rộng $\leq 7,0m$)			600	
18	Đường ô tô vào được còn lại			500	
19	Đường còn lại trong khu dân cư			300	
III	Phường Nam Sơn				
1	Quốc lộ 1A	Ranh giới hành chính giáp P.Trung Sơn	Ngặt kéo	3.500	
		Ngặt kéo	Cổng UBND phường NS	3.000	
		Cổng UBND phường NS	Hết địa phận phường	2.000	
2	Đường Ngô Thì Sĩ	Quốc lộ 1A	Hết địa phận phường	700	
3	Đường vào kho K894	Đường Ngô Thị Sĩ	Đường vào kho K894, K302	200	
4	Đường H13	Quốc lộ 1A	Hết đường	1.500	
5	Đường Thung Lang	Quốc lộ 1A	Ngã 3 (Hết cán thép)	1.500	
		Ngã 3 (Hết cán thép)	Hết đường	800	
6	Đường Lam Sơn	Ngã 3 (Hết cán thép)	Hết đường	500	

7	Đường ga Đồng Giao	Quốc lộ 1A	Ga Đồng Giao	500	
8	Đường 27/7	Quốc lộ 1A	Hết đường	400	
9	Đường Trong Đền	Quốc lộ 1A	Cổng trường cấp I	300	
		Cổng trường cấp I	Đường tàu	200	
10	Đường Thiên Lý	Quốc lộ 1A	Đầu núi	500	
11	Đường Bãi Đá	Quốc lộ 1A	Hết đường	200	
12	Đường ô tô vào được (Mặt đường bê tông xi măng, đường rộng $\geq 7,0\text{m}$)			300	
13	Đường còn lại trong khu dân cư			150	
IV	Phường Tây Sơn				
1	Đường Quang Sơn	Quốc lộ 1A	Ngã ba Hồ Xuân Hương	1.100	
		Ngã ba Hồ Xuân Hương	Ngã ba Tân Hạ	700	
2	Quốc lộ 1A	Cầu lạnh đông	Đường Quang Sơn	4.500	
		Đường Quang Sơn	Ngặt kéo	3.500	
3	Đường Hồ Xuân Hương	Quốc lộ 1A	Đường Quang Sơn	1.500	
4	Đường Z879 - Lũ 279	Quốc lộ 1A	Cổng Z879 - Lũ 279	400	
5	Đường Chi Lăng	Quốc lộ 1A	Hết đất Lũ 279	1.500	
6	Đường còn lại ô tô vào được (Mặt đường bê tông xi măng, đường rộng $\geq 7,0\text{m}$)			400	
7	Đường còn lại trong khu dân cư			200	
V	Phường Tân Bình				
1	Quốc lộ 1A	Cầu Do	Đường vào Bệnh viện Điều Dưỡng	2.500	
		Đường vào Bệnh viện Điều Dưỡng	Ngã 3 Chợ Chiều	3.500	
2	Đường 12B	Quốc lộ 1A	Đường Ngô Văn Sở	3.000	
		Đường Ngô Văn Sở	Đường vào CTCPVL&XLTD	1.500	

		Đường vào CTCPVL&XLTD	Đường vào đền Tráng Sơn	1.000	
		Đường vào đền Tráng Sơn	Hết đất nhà ông Lục	700	
		Hết đất nhà ông Lục	Cầu thủng	500	
3	Đường vào Bệnh viện Điều Dưỡng	Quốc lộ 1A	Bệnh viện Điều Dưỡng	1.500	
		Bệnh viện Điều dưỡng	Đường 12B	800	
4	Đường ô tô vào được (Mặt đường bê tông xi măng, đường rộng $\geq 7,0\text{m}$)			500	
5	Khu dân cư tổ 1, 2, 3, 4			250	
6	Khu dân cư còn lại			150	

B. GIÁ ĐẤT VEN TRỰC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, KHU DU LỊCH THƯƠNG MẠI, KHU CÔNG NGHIỆP

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
I	Xã Yên Bình				
1	Quốc lộ 1A				
	Phía Tây	Cầu Gành	Đường vào khu dân cư Đường Vòng (Hết đất nhà bà Liễu)	3.000	
		Đường vào khu dân cư Đường Vòng (Hết đất nhà bà Liễu)	Cầu Do	2.500	
	Phía đông	Hết cổng Chi cục Thuế Tam Điệp	Đối diện đường 12B	120	
2	Khu dân cư Đường Vòng				
	Đường vào nhà máy XM Duyên Hà	Quốc lộ 1A	Đầu cầu (hết đất thị xã)	800	
	Đường Vành đai	Đường vào NM xi măng Duyên Hà	Ngã ba (hết đất nhà ông Giảng)	650	
	Đường các lô bám đường quy hoạch	Dãy thứ nhất tính từ Quốc lộ 1A vào		600	
		Dãy thứ 2, thứ 3 tính từ Quốc lộ 1A vào		500	

	Lô số 17	Bám đường rẽ từ Quốc lộ 1A vào (phía Thanh Hóa)		700	
3	Đường trường Cơ Giới	Quốc lộ 1A	Cổng phụ phía nam trường Cơ Giới	350	
4	Đường thôn Lý Nhân	Quốc lộ 1A	Hết đường	300	
5	Đường xe ô tô vào được			200	
6	Đường còn lại trong khu dân cư			100	
II	Xã Đông Sơn	Hết cổng trung tâm y tế	Gặp đường Trần Phú (Nhà xác)		
7	Đường Quyết Thắng	Cổng Quân Đoàn I	Cuối đường Ngô Thị Nhậm	700	
		Cuối đường Ngô Thị Nhậm	Ngã tư Nông trường chè	800	
8	Đường Ngô Thị Nhậm	Hết địa giới phường Trung Sơn	Đường Quyết Thắng	1.200	
9	Đường Ninh Tồn	Ngã 4 đường Ninh Tồn	Ngã 3 trường Văn Hóa	700	
		Ngã 3 trường Văn Hóa	Ngã 3 đê hồ Mừng	450	
		Ngã 3 đê hồ Mừng	Hết đường	200	
10	Đường đi 701	Ngã 3 trường Văn Hóa	Hết đất 701	300	
		Cổng 701	Đê hồ Đồng Đền	200	
11	Đường Lam Sơn	Ngã tư đường Ninh Tồn	Hết đường (giáp P. Nam Sơn)	400	
		Đường Lam Sơn	Đường Ngô Thị Nhậm	400	
III	Xã Yên Sơn				
12	Quốc lộ 12B	Cầu thủng	Trường Tiểu Học Yên Sơn	550	
		Trường Tiểu Học Yên Sơn	Hết thôn Vĩnh Khương	700	
		Hết thôn Vĩnh Khương	Hết địa giới thị xã	550	
IV	Xã Quang Sơn				
13	Đường Đồng Giao	Tiếp giáp phường Bắc Sơn	Đường vào thôn Trại Vòng	500	
		Đường vào thôn Trại Vòng	Hết địa giới thị xã Tam Điệp	350	

14	Đường còn lại trong khu dân cư	Hết đất Lũ 279	Cổng nhà máy TM Tam Điệp	1.000	
		Cổng nhà máy XM Tam Điệp	Ngã 3 đường Ngô Thị Sĩ	1.000	
15	Đường Ngô Thị Sĩ	Ngã 3 đường Ngô Thị Sĩ	Ngã 3 đường Bằng tải	500	
		Ngã 3 đường Bằng tải	Ngã 3 Tân Nhuận	250	
16	Đường Quang Sơn	Ngã 3 Tân Hạ	Đường rẽ nhà ông Lân Hương	1.000	
		Đường rẽ nhà ông Lân Hương	Ngã 3 đường lên Đền Thượng	600	
		Ngã 3 đường lên Đền Thượng	Ngã 3 trường Tiểu học Quang Sơn	400	
		Ngã 3 trường Tiểu học Quang Sơn	Ngã 3 đường Hồ than	200	
17	Đường thôn Bãi Sỏi	Ngã 3 đường Hồ than	Ngã 3 đường trục Bãi Sỏi	200	
		Ngã 3 đường trục Bãi Sỏi	Đường băng tải Hang Nước	200	
18	Đường thôn Tân Trung	Đường Quang Sơn	Cổng 1 nhà máy XM Tam Điệp	250	
		Chợ Quang Sơn	Ngã 3 ông Sửu	250	
		Ngã 3 ông Sửu	Đường Trung Thượng	300	
19	Đường Đền Thượng	Đường Quang Sơn	Đền Thượng	150	
20	Đường trường Tiểu học Quang Sơn	Đường Quang Sơn	Trường tiểu học Quang Sơn	200	
21	Đường thôn Tân Nhuận	Đường Quang Sơn	Cổng Mạnh Như	150	
22	Đường giáp khu Chuyên Gia C.Ty xi măng Tam Điệp	Các lô bóm đường bê tông		300	
		Các lô dẫy trong		200	
23	Đường təc nước	Təc nước	Hết đất nhà ông Hùng	500	
		Đất nhà ông Phòng	Đường vành đai	700	

C. GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

TT	Khu vực xã	Giá đất ở		Ghi chú
		Xã đồng bằng	Xã miền núi	

I	Xã Quang sơn			
1	Thôn cận nhà máy xi măng (Thôn Tân Trung)		300	
2	Thôn cận nhà máy xi măng (Thôn Tân Nam)		300	
3	Thôn cận nội thị (Thôn Tân Hạ)		300	
4	Thôn cận Trung Tâm xã (Thôn Tân Thượng)		200	
5	Thôn Tân Nhuận, Bãi sải		150	
6	Các thôn còn lại		100	
II	Xã Đông Sơn			
1	Thôn 4A; 4B; 4C		150	
2	Thôn 1; 2; 3		100	
3	Thôn 5; 6; 7; 8; 9		100	
4	Thôn 12		80	
III	Xã Yên Bình			
1	Thôn Đồi Cao, thôn Quyết Thắng		100	
2	Thôn Đàm Khánh, Lý Nhân, Gềnh		100	
3	Khu trung tâm xã (khu trụ sở UBND xã)		250	
IV	Xã Yên Sơn			
1	Thôn trung tâm xã (thôn Vĩnh Khương; Đoàn Kết; Yên Phong)		90	
2	Thôn cận trung tâm xã (Thôn Khánh Ninh, Yên Đồng, Yên Trung, Yên Lâm)		70	
3	Các thôn còn lại		60	

BẢNG SỐ 3
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - HUYỆN HOA LƯ

A. GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ THỊ TRẤN THIÊN TÔN

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Trục đường	Nam Vạn Xuân may mặc	Đường rẽ làng Đa Giá (Song song đường 1A)	2.000	
		Giáp QL1A	Giáp Đền hàng Tổng	1.000	
		Đường vào trường cấp II-Ninh Mỹ	Giáp nhà bà Diếp	600	
		Giáp đường QL1A	Giáp đất La Phù	800	
		QL1A rẽ Tr.DL Hoa Lư	Giáp ngã tư nhà bà Diếp	700	
		Từ đường 12C (Đường vào trường cấp III Hoa Lư)	Ngã ba vào làng Đa Giá	1.100	
		Ngã ba vào làng Đa Giá	Đến chùa Hà	500	
		Giáp ngã tư nhà bà Diếp	Ngã tư vào làng Đa Giá (Trạm biến áp)	600	
		Đường rẽ 12C	Núi Gai (đường 24m)	1.100	
		Các đường còn lại xung quanh khu vực UB huyện và khu vực đường nội thị, đường xương cá		800	
		Khu đấu giá Thổ Tri; Đồng Á		800	
		Khu dây II Đồng Á		600	
2	Khu dân cư	Khu vực Chợ Cầu Huyện		800	
		Khu dân cư còn lại		500	

B. GIÁ ĐẤT Ở VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH, KHU DU LỊCH

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
I	Đường 1A				

1	Xã Ninh Giang	Cầu Gián	Hết La Mai	3.500	
2	TT Thiên Tôn	Cầu La Mai	Hết Núi Hú	4.500	
		Hết Núi Hú	Đường rẽ vào chợ Ninh Mỹ	5.500	
3	Xã Ninh Mỹ	Nam chợ Ninh Mỹ	Giáp đất Ninh Khánh	4.500	
4	Xã Ninh An	Giáp cầu Yên	Cắt ngang đường sắt	3.500	
		Cắt ngang đường sắt	Cầu vó (Tây đường)	3.000	
II	Đường ĐT 478 (Đường 12C)				
1	TT Thiên Tôn	Giáp đường 1A	Rẽ trường cấp 3 Hoa Lư A	4.000	
		Đường rẽ trường cấp 3 Hoa Lư A	Đường rẽ Động Thiên Tôn	3.500	
		Đường rẽ Động Thiên Tôn	Hết Cầu Thiên Tôn	2.000	
2	Xã Ninh Hòa	Hết cầu Thiên Tôn	Hết Cầu Ninh Hòa	1.500	
		Hết Cầu Ninh Hòa	Hết Quên ổi	1.500	
		Hết Quên ổi	Hết Phủ Thành Hoàng	1.200	
		Hết Phủ Thành Hoàng	Giáp Trường Yên	1.300	
3	Xã Trường Yên	Cổng Vọng	Hết Phủ Thành Hoàng	1.500	
		Hết phủ Thành Hoàng	Ngã 3 Yên Trạch	1.900	
		Ngã 3 Yên Trạch	Cầu Đông	2.300	
		Hết Cầu Đông	Hết Cầu Rền	2.700	
		Hết Cầu Rền	Hết nhà Ông Uyên	2.000	
		Hết nhà Ông Uyên	Hết Ngã ba đê	1.700	
		Hết ngã ba đê	Hết Núi Nghển	1.200	
		Hết núi Nghển	Hết Cầu Đen	1.000	
III	Đường du lịch Tam Cốc Bích Động				

1	Xã Ninh Thắng	Trạm thuế Hoa Lư	Hết Cổng Khai Hạ	1.800	
		Hết Cổng Khai Hạ	Hết Bến xe Đồng Gừng	2.500	
2	Xã Ninh Hải	Hết Bến xe Đồng Gừng	Hết Hội trường Văn Lâm	3.000	
		Hết Hội trường Văn Lâm	Hết Cầu Chợ Ninh Hải	2.000	
		Hết Cầu Chợ Ninh Hải	Hết Trạm bơm Liên Trung	1.000	
		Hết Trạm bơm Liên Trung	Hết Cầu Phươn chùa Đá	1.000	
		Hết Cầu Phươn chùa Đá	Hết Chùa Bích Động	2.000	
		Hết Đình Các	Hết đền Thái Vi	1.000	
IV	Đường Ninh Xuân - Trường Yên - ĐT12C				
1	Xã Ninh Xuân	Địa giới xã Ninh Nhất	Chùa Hoa Lâm	1.300	
		Chùa Hoa Lâm	Máng nước (Giáp Trường Yên)	550	
		Đền Nấm Khê Hạ	Đình Thôn Nội	800	
		Điểm Khê Thượng	Trạm bơm Khê Thượng	900	
		Hết Trạm bơm Khê Thượng	Giáp Đ.trục chính du lịch Tràng An	1.050	
2	Xã Trường Yên	Hết Máng Nước	Hết Cầu Đá Bàn	700	
		Hết Cầu Đá Bàn	Đình Quên Thụ Mộc	800	
		Hết Cầu Ghềnh Tháp	Đường 12C	1.300	
V	Đường ĐT 477				
1	Xã Ninh Giang	Giáp QL 1A	Giáp Ninh Hòa	2.000	
2	Xã Ninh Hòa	Giáp Ninh Giang	Giáp Ninh Mỹ	2.000	
3	Xã Ninh Mỹ	Giáp Ninh Hòa	Trạm bơm Chùa La	1.500	
4	Xã Ninh Thắng	Giáp Ninh Phong	Đê Đồng Vạn	2.000	
VI	Đường Tràng An				

1	Xã Ninh Xuân	Giáp đất TP Ninh Bình	Đường rẽ vào khu bến thuyền	2.000	
2	Xã Trường Yên	Trung tâm bến thuyền	Đền Vực	1.800	

C. GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
I	Xã Trường Yên				
1	Đường trục xã	Ngã 3 ông Vết	Giáp Đền Lê	2.520	
2	Đường liên 3 thôn (Trường Xuân, Trường Thịnh, Tân Hoa)	Đê Hoàng Long	Hết Cầu Dền	700	
		Ngã 3 Trường Thịnh	Hết Cầu Đông	700	
3	Đường trục thôn xóm				
		Đường trục thôn Yên Trạch		500	
		Đường trục thôn Tụ An		400	
		Đường trục 6 thôn Thắng Thành: Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung, Tam Kỳ		600	
		Đường trục các thôn còn lại		500	
4	Khu dân cư				
		Khu dân cư Yên Trạch		400	
		Khu dân cư thôn Chi Phong		300	
		Khu dân cư thôn Tụ An		300	
		6 thôn Thắng Thành: Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung, Tam Kỳ		500	
		Khu dân cư các thôn còn lại		400	
5	Đất ở thuộc các thung			200	
II	Xã Ninh Hòa				
1	Tuyến 1-1	Từ Thanh Thượng (DT478)	Đến khu tái định cư Ngòi Gai	1.080	

2	Đường liên thôn	Đến Hành khiển	Hết Trạm bơm Hồng Phong	600	
		Đường 12C (Nhà Ô Hưng)	Hết Thanh Hạ	600	
		Đường 12C (Bưu điện)	Hết Ngô Thượng	600	
		Đường 12C (Quên ổi)	Hết Thanh Hạ	400	
		Cuối làng Thanh hạ	Hết Ngô Hạ	350	
		Đường 12C	Đầu xóm Vinh Quang	450	
2	Khu dân cư còn lại			300	
III	Xã Ninh Giang				
1	Đường trục xã	Đường QL1A (qua UBND xã)	Ngã ba ông Tài - xóm Nam	1.000	
		Trạm Y tế	Giáp TT Thiên Tôn	800	
2	Đường 30	Giáp đường 477	Xóm Đông thôn Trung trứ	1.000	
3	Đường trục La Mai	Cổng làng	Ngã 3 ông Thứ	550	
		Ngã 3 ông Thứ	Cổng ông Duyên	400	
		Chùa Thượng La Mai	Giáp đê sông Đáy	700	
		Các nhánh đường còn lại		400	
4	Đường trục La Vân	Cổng làng	Hết nhà Ông Thành cuối làng	550	
		Hết nhà Ông Mậu (QL1A)	Hết Chùa Phong Phú	700	
		Các nhánh đường còn lại		400	
5	Đường trục Bãi Trữ	Ngã ba ông Huyền	Ngã ba bà Thiệp	500	
		Ngã ba bà Thiệp	Ngã ba ông Lương	500	
		Ngã ba ông Lương	Ngã ba ông Huyền	500	
		Hết trạm biến thế	Hết nhà ông Thảo	500	
		Các nhánh đường còn lại		400	

6	Đường trục Trung Trữ	Hết nhà Ông Hiền (xóm Tây)	Hết nhà Ông Mây (xóm Nam)	500	
		Hết nhà Ông Tài (xóm Nam)	Hết nhà Ông Thành	500	
		Đường 30	Hết nhà Bà Quế (xóm Tây)	500	
		Các nhánh đường còn lại		400	
7	Đường trục Phong Phú	Hết Đình Phong Phú	Ngã 3 nhà ông Bốn	500	
		Các nhánh đường còn lại		400	
8	Đê sông Chanh	Từ núi Gạc	Đến trạm bơm Quan Vinh	500	
9	Khu dân cư				
		Quy hoạch trước làng La Vân (giáp TT)		700	
		Quy hoạch thôn La Mai (Cửa Bến)		400	
		Quy hoạch thôn La Vân (Viên Nữ)		400	
		Quy hoạch thôn Bãi Trữ (Bên Đông cửa miếu)		400	
		Khu dân cư còn lại trong toàn xã		300	
IV	Xã Ninh Khang				
1	Đường trục La Phù	Mốc chỉ giới (giáp Thị trấn)	Đất ông Tam (Châu)	600	
		Hết Đất nhà ông Tam Châu	Hết đình La Phù	550	
		Hết đình La Phù	Cuối làng La phù	550	
		Cuối làng La Phù	Giáp Đê	700	
2	Đường trục Phú Gia	Hết Nghĩa Trang	Hết Trạm xá	400	
3	Đường trục Bạch Cừ	Trạm điện	Ông Mạch - Xóm Đông Phú	400	
		Hết Ông Quyên - xóm Đông	Hết Cầu 3 xã	450	
		Hết Cầu 3 xã	Đến HT xóm Đông Phú	600	
		Đến HT xóm Đông Phú	Đê (mốc giới)	800	

		Đầu đường Quyết Thắng (nhà cô Sơn)	Trường tiểu học Bạch Cừ	400	
		Cầu ba xã	Kênh cứng (Đồng Chằm)	800	
		Kênh cứng (Đồng Chằm)	Kênh Chìm (Đồng Quán)	900	
		Kênh Chìm (Đồng Quán)	Trạm bơm tháng 10	1.000	
		Các đường xương cá khu Đồng Chằm		700	
4	Các nhánh đường còn lại			350	
5	Các khu dân cư còn lại trong toàn xã			300	
V	Xã Ninh Mỹ				
1	Trục đường xã	Đường 1A	Chùa Hà (Trạm điện)	1.000	
		Chùa Hà (Trạm điện)	Ngã 4 nhà ông Thơ Nham	500	
		Đường 1A	Núi Soi	1.000	
		Giáp TT Thiên Tôn	Núi Ngang	700	
		Chùa Hà (Trạm điện)	Kho A04	700	
		Các đường 2, 3, 4 khu ĐG núi Soi		800	
		Các trục đường còn lại		500	
2	Khu dân cư	Khu vực dân cư tiếp giáp TT Thiên Tôn và thôn Đa giá		400	
		Thôn xóm còn lại (Vinh Viên, Thạch tác, Nam Chiêm, Nhân lý, Thạch quy, Quan đồng, Đông Đình, Tây đình)		350	
		Thôn xóm còn lại		300	
VI	Xã Ninh Xuân				
1	Đường trục xã	Bám mặt đường du lịch	Hang Múa	550	
		Đầu làng thôn Ngoại	Cây Đa ông Trung (Toang)	500	
3	Khu dân cư				
		Khu dân cư toàn xã		390	

		Khu dân cư ven núi		280	
		Khu Lò Vôi; Cửa Xí; Hang Diêm		500	
		Khu Mạ Đình Khê Thượng		390	
		Khu Mạ đường ngang Khê Thượng		390	
4	Đất ở thuộc các thung			200	
VII	Xã Ninh An				
1	Đường 1A đi Ninh Vân - Hệ dưỡng				
		Đường QL 1A	Hết Nhà máy phân lân	3.000	
		Hết Nhà máy phân lân	Giáp Ninh Vân	2.000	
		Đường mới vào Ximăng Hệ dưỡng		1.500	
2	Trục đường xã	Đường QL 1A	Giáp Ninh Vân (Đê sông Vó)	1.200	
		Trục đường thôn Bộ Đầu, Xuân Mai, Đông Trang		450	
		Trục đường thôn Đông Thịnh, Đông Hội		400	
3	Khu dân cư				
		Khu dân cư thôn Bộ Đầu, Xuân Mai, Đông Trang		400	
		Khu dân cư thôn Đông Thịnh, Đông Hội		350	
VIII	Xã Ninh Vân				
1	Đường 1A đi Ninh Vân - Hệ dưỡng				
		Ranh giới giáp Ninh Vân - Ninh An	Ngã ba lương thực	1.500	
		Ngã ba lương thực	Hết làng Xuân Vũ	600	
		Ngã ba nhà ông Huyền	Hết XM Hệ dưỡng	500	
		Ngã 3 lương thực	Ngã tư cửa đền Vũ Xá	500	
		Ngã tư cửa đền Vũ Xá	Hết UBND xã mới	550	

		Hết UBND xã mới	Ngã tư Chiến Mũi	500	
		Ngã 4 Chiến Mũi	Hết Trại giam	450	
2	Trục đường xã	Ngã 3 Ông Hiền	Sau chùa Chấn	400	
		Ngã 3 ông Huyền	Đường vào chùa Xuân	400	
		Đường vào chùa Xuân	Ngã ông Tâm ngã 5	400	
		Ngã 5 Thượng	Hết Cổng núi Am	400	
		Ngã 3 ông Dẫn Thượng	Hết Chợ Hệ	400	
		Ngã 4 Cửa Đền Vũ xá	Hết nhà ông Duy	400	
		Ngã 4 (ông Hiền)	Ngã 4 ông Lương	400	
		Hết Cổng núi Am	Hết nhà ông Bần (Phú Lăng)	450	
		Nhà ông Bần (Phú Lăng)	Đường vào NM XM Duyên Hà	500	
		Đường vào NM XM Duyên Hà	Cầu Vạn Lê	450	
		Hết Chùa Xuân	Hết Chùa Chấn	350	
		Ngã 5	Hết NM XM Hệ Dưỡng	400	
		Hết Nhà máy XM Hệ Dưỡng	Giáp đất Ninh An	1.000	
		Cầu Bể Đang	Cổng nhà máy XM Duyên Hà	600	
		Nhà ông Duy	Hết làng Chấn lữ	400	
		Hết làng Chấn lữ	Hết Trạm y tế xã	400	
		Ngã 4 ông Lương	Hết Nhà ông Bồng	400	
		Cầu Vạn Lê	Đến ga Ghềnh	400	
3	Khu dân cư còn lại	Khu dân cư thôn Xuân Phúc, Xuân Thành, Đông Quan, Tân dưỡng I, Tân dưỡng II		350	
		Khu dân cư thôn Vũ xá, Chấn lữ, Thôn thượng, Phú Lăng, Vạn Lê, Hệ Dưỡng hạ, Hệ Dưỡng thượng		250	

IX	Xã Ninh Thắng				
1	Đường trục xã (Đường du lịch cũ)	Giáp đất Ninh Phong	Cổng Khai Hạ	500	
		Cây đa Ninh Thắng	Chùa Khả Lương	800	
		Chùa Khả Lương	Giáp đất Ninh Xuân	500	
		Đường du lịch cũ	Bến đò Hành Cung	800	
		Đường quai Vạc	Sông Hệ	600	
		Đường du lịch mới	Bến đò Tuân Cáo	500	
		Đường bê tông ông Long - Đội 4	Vườn tằm Khả Lương	500	
		Trạm y tế xã	Kênh cấp II Đồng Cửa	500	
2	Khu Đồng Đốt	Đường du lịch Tam Cốc	Đê sông Hệ (đường 19m)	1.080	
		Đường du lịch Tam Cốc	Đê sông Hệ (đường 12m)	800	
		Các đường xương cá trong khu đấu giá		700	
3	Khu dân cư còn lại			450	
4	Đất ở thuộc các thung			200	
X	Xã Ninh Hải				
1	Trục đường xã	Ngã ba ông Nhật	Cổng trường cấp I	550	
		Ngã ba ông Nam	Hết nghĩa trang cũ	550	
		Nghĩa trang cũ	Hết Chùa Sở đò Xước	450	
		Ngã ba chùa Bích Động	Trạm bơm Hải Nham	500	
2	Khu dân cư	Thôn Văn Lâm		450	
		Ven núi thôn Văn Lâm		450	
		Thôn Hải Nham		350	
		Thôn Khê Ngoài, Gôi Khê, Khê Trong		350	

3	Đất ở thuộc các thung		200	
---	-----------------------	--	-----	--

BẢNG SỐ 4
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - HUYỆN GIA VIỄN

A. GIÁ ĐẤT Ở THỊ TRẤN ME

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường ĐT477	Giáp đất xã Gia Phương	Hết đất Thị trấn		
	Đoạn 1	Giáp đất xã Gia Phương	Giáp hội trường Phố Thống Nhất	1.000	
	Đoạn 2	Giáp hội trường Phố Thống Nhất	Đầu đường vào Tể Mỹ	1.000	
	Đoạn 3	Đầu đường vào Tể Mỹ	Đường rẽ vào TT Giáo dục thường xuyên	1.200	
	Đoạn 4	Đường rẽ vào TT Giáo dục thường xuyên	Giáp hội trường Phố Mới	1.500	
	Đoạn 5	Giáp hội trường Phố Mới	Đường rẽ vào Trinh Phú xã Gia Thịnh	1.000	
	Đoạn 6	Đường rẽ vào Trinh Phú xã Gia Thịnh	Hết đất Thị trấn	1.000	
2	Đường ĐT477 mới	Đường vào lò vôi	Ngã 3 rẽ vào Trinh Phú xã Gia Thịnh (Hết đường ĐT477 mới)	1.000	
3	Đường Tiến Yết	Trạm điện Thị trấn	Ngã 3 ông Tương	500	
4	Đường khu tái định cư	Đường ĐT477 cũ	Đầu đường ĐT477 mới	2.000	
5	Đường vào xã Liên Sơn	Đường ĐT477 cũ	Hết đất Thị trấn		
	Đoạn 1	Đường ĐT477 cũ	Giáp cổng chợ Me	1.000	
	Đoạn 2	Giáp cổng chợ Me	Hết đất Thị trấn	700	

6	Đường chuyên dùng của NM XM the Vissai	Đầu đồi Kẽm Chè	Giáp đường ĐT 477	300	
7	Đường ĐT477c (đường Thống Nhất)	Ngã 3 bưu điện huyện	Hết đất Thị trấn (ngã 4 đường ĐT477c)	1.500	
8	Đường phía đông bệnh viện	Đường ĐT477 cũ	Đường ĐT 477 mới	600	
9	Đường phía tây bệnh viện	Đường ĐT477 cũ	Đường ĐT 477 mới	500	
10	Đường sông Me	Đường ĐT477 cũ	Đường ĐT 477 mới	600	
11	Đường vào Tể Mỹ	Đường ĐT477 cũ	Giáp đất Gia Vượng	400	
12	Đường vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Đường ĐT477 cũ	Hết TT Giáo dục thường xuyên	600	
13	Các đường phố còn lại (Phố Mới, Thống Nhất, Phố Me, khu dân cư phố Tiến Yết)			350	
14	Đường vào bãi khai thác đá	Đầu đường ĐT 477 mới	Bãi khai thác đá	300	
15	Đường phía Bắc chợ Me			700	
16	Đường vào đồi Kẽm Chè (Đường ĐT477b cũ)	Đường ĐT477 cũ	Hết đất Thị trấn		
	Đoạn 1	Đường ĐT477 cũ	Hết chợ Gia Vượng cũ	600	
	Đoạn 2	Hết chợ Gia Vượng cũ	Đầu đồi Kẽm Chè	600	
	Đoạn 3	Đầu đồi Kẽm Chè	Hết đất Thị trấn	500	
17	Đường phía tây kênh Bản Đông	Đường ĐT477 mới	Giáp kênh cứng Gia Vượng (hết đất Thị trấn)	500	
18	Khu dân cư Đồng Xá			400	
19	Đường vào khối cơ quan	Ngã 3 đường ĐT 477 mới	Hết đất Thị trấn	500	
20	Đường liên thôn khác (xã Gia Vượng cũ)			250	
21	Khu dân cư còn lại sinh hoạt như nông thôn			200	

B. GIÁ ĐẤT Ở VEN ĐÔ THỊ, VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
I	Đường 1A				
1	Xã Gia Thanh	Cầu Khuốt	Hết đất Gia Thanh		
	Đoạn 1	Cầu Khuốt	Hết cây xăng xã Gia Thanh	4.500	
	Đoạn 2	Hết cây xăng xã Gia Thanh	Giáp đất Gia Xuân	4.500	
2	Xã Gia Xuân	Giáp đất Gia Thanh	Hết đất Gia Xuân		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Thanh	Đường vào UBND xã	4.500	
	Đoạn 3	Đường vào UBND xã	Hết đất Gia Xuân	4.500	
3	Xã Gia Trấn	Giáp đất Gia Xuân	Hết đất Gia Trấn		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Xuân	Đường vào UBND xã	4.500	
	Đoạn 2	Đường vào UBND xã	Đường lên đê Đáy (chợ Gián)	5.000	
	Đoạn 3	Đường lên đê Đáy (chợ Gián)	Hết đất Gia Trấn	5.000	
II	Đường ĐT477	Ngã 3 cầu Gián	Hết đất Gia Viễn		
1	Xã Gia Trấn	Bắt đầu của ngã 3 Gián vào đường ĐT477	Hết đất Gia Trấn	2.700	
2	Xã Gia Tân	Giáp đất Gia Trấn	Hết đất Gia Tân	2.500	
3	Xã Gia Lập	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập		
	Phía Nam đường ĐT477	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Tân	Đường vào Lăng Nội	1.500	
	Đoạn 2	Đường vào Lăng Nội	Hết đất Gia Lập	1.100	
	Phía Bắc đường ĐT477	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Tân	Đường vào Lăng Nội	900	

	Đoạn 2	Đường vào Lăng Nội	Hết đất Gia Lập	800	
4	Xã Gia Vân	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân		
	<i>Phía Nam đường ĐT477</i>	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Lập	Đường vào đền Vua Đinh	1.100	
	Đoạn 2	Đường vào đền Vua Đinh	Hết bưu điện xã Gia Vân	1.500	
	Đoạn 3	Hết bưu điện xã Gia Vân	Hết đất Gia Vân	1.100	
	<i>Phía Bắc đường ĐT477 (Qua kênh)</i>	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Lập	Đường vào Vân Long	700	
	Đoạn 2	Đường vào Vân Long	Hết đất Gia Vân	600	
5	Xã Gia Phương	Giáp đất Gia Vân	Hết đất Gia Phương		
	Phía Nam	Giáp đất Gia Vân	Hết đất Gia Phương	900	
	Phía Bắc (Phía kênh)	Giáp đất Gia Vân	Hết đất Gia Phương	600	
6	Xã Gia Thịnh	Giáp đất Thị trấn Me	Hết đất Gia Thịnh	800	
7	Xã Gia Phú	Giáp đất Gia Thịnh	Hết đất Gia Phú		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Thịnh	Đường vào thôn Đồi	600	
	Đoạn 2	Đường vào Thôn Đồi	Đường vào thôn Kinh Trúc	800	
	Đoạn 3	Đường vào thôn Kinh Trúc	Giáp Đê Hoàng Long	700	
III	Đường ĐT477 mới				
	Xã Gia Vượng	Giáp đường ĐT477	Giáp đất Thị trấn Me	1.000	
IV	Đường ĐT477b				
1	Xã Gia Hòa				
	<i>Phía Tây Đường</i>				
	Đoạn 1	Dốc Kẽm Chè (Giáp TT Me)	Cầu Thượng	500	

	Đoạn 2	Cầu Thượng	Đê Đàm Cút	400	
	Đoạn 3	Đê Đàm Cút	Giáp Hòa Bình	350	
	Phía Đông Đường	Cầu Thượng	Đê Đàm Cút	500	
2	Xã Gia Vượng				
	Đường Tiến Yết	Ngã 3 đầu đường ĐT477 mới	Ngã 3 giáp Gia Phương	600	
3	Xã Gia Phương				
	Đường Tiến Yết	Giáp đất Gia Vượng	Giáp đất Gia Thắng	600	
4	Xã Gia Thắng				
	Đường Tiến Yết	Giáp đất Gia Phương	Giáp đất Gia Tiến	600	
5	Xã Gia Tiến				
	Đường Tiến Yết	Giáp đất Gia Thắng	Giáp đê Hoàng Long		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Thắng	Ngã 4 đường rẽ vào UBND xã	600	
	Đoạn 2	Ngã 4 đường rẽ vào UBND xã	Giáp đê Hoàng Long	350	
V	Đường ĐT477C (Đường Thống Nhất)				
1	Xã Gia Vượng	Giáp đất Thị trấn Me	Hết đất Gia Vượng		
	Đoạn 1	Giáp đất Thị trấn Me	Hết thôn Trại Đức	1.000	
	Đoạn 2	Hết thôn Trại Đức	Hết đất Gia Vượng	800	
2	Xã Gia Thịnh	Giáp gia Vượng	Đê Hoàng Long	1.000	
3	Xã Gia Lạc	Giáp đê hữu sông Hoàng Long	Hết đất Gia Lạc	400	
4	Xã Gia Phong	Giáp đất Gia Lạc	Hết đất Gia Phong	400	

C. GIÁ ĐẤT Ở VEN TRỤC GIAO THÔNG NÔNG THÔN

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		

I	Xã Gia Thanh				
1	Đường vào chùa Dịch Lộng	Cầu Khuốt	Trạm bơm Phương Đông		
	Đoạn 1	Cầu Khuốt	Chùa Dịch Lộng	400	
	Đoạn 2	Chùa Dịch Lộng	Trạm bơm Phương Đông	350	
2	Đường thôn Thượng Hòa	Đầu đường 1A	Đê Đầm Cút		
	Đoạn 1	Đầu đường 1A	Hết khu dân cư	350	
	Đoạn 2	Hết khu dân cư	Đê Đầm Cút	250	
3	Đường Xóm Hổng (bám đê)	Trạm bơm Phương Đông	Hết xóm Hổng	250	
4	Bám đường Đê Dáy	Hết xứ đồng Cửa Lò	Giáp Gia Xuân	400	
5	Đường xung quanh chợ Đò				
	Dãy 1			800	
	Dãy 2			500	
	Dãy 3			300	
6	Bám Đê Đầm Cút				
	Đoạn 1	Trạm bơm Thượng Hòa	Hết Xóm Ruồm	300	
	Đoạn 2	Hết Xóm Ruồm	Đồi Cung Sỏi	250	
II	Xã Gia Xuân				
1	Đường vào thôn Miếu giáp (nhà thờ) phía Nam	Đầu đường 1A	Giáp nhà thờ thôn Miếu Giáp	700	
2	Dãy 2 đường vào thôn Miếu Giáp (nhà thờ) Phía Nam			400	
3	Đường vào thôn Miếu Giáp phía Bắc	Đầu đường 1A	Giáp thôn Miếu Giáp	500	
4	Đường vào Đồng Xuân	Đầu đường 1A	Hết UBND xã	700	
5	Khu dân cư mới (Vườn Thờ, Cửa Chùa)			400	

6	Khu dân cư mới Bái Đàn			350	
7	Đường liên thôn Gia Xuân đi Gia Trấn			600	
III	Xã Gia Trấn				
1	Đường cầu 30	Đầu đường ĐT477	Đê sông Hoàng Long		
	Đoạn 1 (phía đông)	Phía đông đầu đường ĐT477	Chùa Đô (Hết đất Gia Trấn)	1.000	
	Đoạn 2 (phía đông)	Giáp đất xã Gia Tân	Đê sông Hoàng Long	300	
2	Đường vào làng Cung Quế	Đầu đường 1A	Đình Cung Quế		
	Đoạn 1	Đầu đường 1A	Cầu Vĩnh Thuận (UBND xã)	700	
	Đoạn 2	Cầu Vĩnh Thuận (UBND xã)	Đình Cung Quế	600	
3	Khu dân cư mới	Giáp trụ sở UBND xã cũ	Kênh N2	700	
4	Đường liên thôn Gia Xuân đi Gia Trấn	Giáp đất Gia Trấn	Đê sông Đáy	300	
5	Vị trí bàm sông Hoàng Long	Cầu Gián	Hết đất Gia Trấn	300	
6	Đê Đáy	Cầu Gián	Giáp đất Gia Xuân	300	
7	Các vị trí bàm đường liên thôn khác còn lại			250	
IV	Xã Gia Tân				
1	Đường cầu 30	Đầu đường ĐT 477	Đê sông Hoàng Long		
	Đoạn 1 (Phía tây)	Đầu đường ĐT 477	Ngã 3 đường vào thôn Tùy Hối	1.000	
	Đoạn 1 (Phía tây)	Ngã 3 đường vào thôn Tùy Hối	Đê sông Hoàng Long	800	
	Phía Đông	Chùa Đô	Hết đất xã Gia Tân	800	
2	Đường trục xã (vào đến UBND xã)				
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT 477	Đường cầu đất	600	
	Đoạn 2	Đường cầu đất	Ngã 3 UBND xã	300	

3	Khu nhà ở Thanh Bình			700	
4	Đường WB2	Điểm nối đường 30	Hết đất Gia Tân		
		Điểm nối đường 30	Đầu làng Vân Thị	400	
		Đầu làng Vân Thị	Hết đất Gia Tân	300	
5	Dãy 2 bóm đường ĐT477	Giáp đất Gia Trán	Hết đất Gia Tân		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Trán	Đường ra cảng NM The Vissai	600	
	Đoạn 2	Đường ra cảng NM The Vissai	Hết đất Gia Tân	300	
6	Vị trí bóm đê Hoàng Long	Giáp đất Gia Trán	Hết đất Gia Tân	250	
7	Đường vào trạm điện	Đầu đường ĐT477	Giáp làng Thiện Hối	400	
8	Đường vào làng Tùy Hối	Đầu đường ĐT477	Góc cua đầu tiên (gần nghĩa trang)	400	
9	Các vị trí bóm đường liên thôn còn lại			250	
V	Xã Gia Lập				
1	Đường vào Cầu Đài	Đầu đường ĐT477	Hết kho lương thực	400	
2	Đường đi Sào Long	Đầu đường ĐT477	Hết trạm Y tế xã	600	
3	Đường vào đền Vua Đình	Giáp đất Gia Vân (Đường ĐT477)	Giáp đất Gia Phương		
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	Ngã 3 rẽ vào Lăng Ngoại	350	
	Đoạn 2	Ngã 3 rẽ vào Lăng Ngoại	Giáp đất Gia Phương	250	
4	Dãy 2 bóm đường ĐT477 (phía Nam)	Giáp đất Gia Tân	Hết đất Gia Lập	350	
5	Khu Dân cư mới Chùa Roi	Chùa Cầu Đài	Giáp trụ sở UBND xã	300	
6	Đường vào Lăng Nội	Đầu đường ĐT477	Đê Đàm Cút		
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	200m	700	
	Đoạn 2	201m	Giáp đê Đàm Cút	500	

7	Ven đê Đầm Cút, các vị trí ven đường liên thôn còn lại			250	
VI	Xã Gia Vân				
1	Đường vào Vân Long (phía Đông)	Đầu đường ĐT477	Giáp đê Đầm Cút		
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	Cầu vào trường học	800	
	Đoạn 2	Cầu vào trường học	Giáp đê Đầm Cút	700	
2	Đường vào Vân Long (phía Tây qua kênh)	Đầu đường ĐT477	Giáp đê Đầm Cút		
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477	Cầu vào trường học	500	
	Đoạn 2	Cầu vào trường học	Ngã tư vào Trung Hòa	600	
	Đoạn 3	Ngã tư vào Trung Hòa	Giáp đê Đầm Cút	500	
3	Dãy 2 vào Vân Long (phía Tây)			300	
4	Dãy 2 bám đường ĐT477	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân	350	
5	Dãy 2 bám đường kênh	Giáp đất Gia Lập	Hết đất Gia Vân	250	
6	Đường vào Đền Vua Đinh	Đầu đường ĐT477	Hết đất Gia Vân	350	
7	Đường quanh khu du lịch Vân Long			350	
8	Các vị trí ven đường liên thôn còn lại			250	
9	Giáp đê Đầm Cút bám khu du lịch			350	
VII	Xã Gia Phương				
1	Đường vào đồi Kẽm Chè	Đầu đường ĐT477 cũ	Đồi Kẽm Chè	250	
2	Đường vào thôn Hoài Lai	Đầu đường ĐT477	Giáp kênh Thanh Niên	250	
3	Đường vào thôn Đồi	Đầu đường ĐT477	Thôn Đồi	400	
4	Đường trục liên thôn	Đầu đường thôn Mã Bùi	Hết đường thôn Vinh Ninh	250	
5	Đường vào thôn Vĩnh Ninh	Đầu đường Tiến Yết	Ngã 4 đường trục (đầu thôn Vĩnh	250	

			Ninh)		
6	Đường vào thôn Văn Bồng	Đầu đường Tiến Yết	Ngã 3 đường trục liên thôn	250	
VIII	Xã Gia Vượng				
1	Đường đi xã Gia Trung	Ngã 3 đầu đường Tiến Yết	Hết đất Gia Vượng	400	
2	Đường đông bệnh viện xã Gia Vượng	Đầu đường ĐT477 cũ	Đường ĐT477 mới	600	
3	Đường phía Tây kênh Bản Đông	Kênh cứng (giáp đất TTMe)	Giáp đất Gia Thịnh	400	
4	Đường vào UBND xã				
*	Đoạn 1	Đường ĐT477 mới	Giáp UBND xã	600	
*	Đoạn 2	Giáp UBND xã	Kênh giáp đất thị trấn	500	
*	Dãy 2, 3 (đoạn 2)			400	
5	Khu quy hoạch Điểm dân cư ĐT477 mới (Đường 2, 3)	Giáp đất Gia Phương	Giáp đất Gia Thịnh	600	
6	Đường cửa ông Rự	Đường ĐT477 mới	Đầu đường ĐT477 cũ	300	
7	Vị trí ven đường liên thôn khác			200	
IX	Xã Gia Thịnh				
1	Đường Liên Thôn	Đường ĐT477 mới	Đầu làng Trinh Phú	250	
2	Đường phía Tây kênh Bản Đông	Giáp Gia Vượng	Thôn Đồng Chưa	300	
3	Các đường liên thôn còn lại			200	
X	Xã Gia Trung				
1	Đường trục giao thông xã	Giáp đất Gia Vượng	Giáp đất Gia Tiến		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Vượng	Đường rẽ vào làng Chấn Hưng	400	
	Đoạn 2	Đường rẽ vào làng Chấn Hưng	Cổng ông Giáo Chi Phong	450	
	Đoạn 3	Cổng ông Giáo Chi Phong	Nhà thờ họ Giang Sơn	400	
	Đoạn 4	Nhà thờ họ Giang Sơn	Giáp đề tả Hoàng Long (Giáp đất Gia	600	

			Tiến)		
2	Các đường trục thôn				
	<i>Thôn Trung Đồng</i>				
	Đoạn 1	Ngã 3 nhà Ông Báo	Đoạn ngoặt về Chi Phong	250	
	Đoạn 2	Nhà Ông Mạnh	Cổng Nghệ Chi Phong	300	
	<i>Thôn Chấn Hưng</i>	Ngã 3 rẽ vào làng Chấn Hưng	Giáp đê tả Hoàng Long	350	
3	Đường ra nhà thờ họ Giang Sơn (nghĩa trang Diềm Khê)	Nhà ông Trí (Liên)	Nhà thờ họ Giang Sơn	350	
4	Các trục đường mới quy hoạch khu Đồng Gôi			300	
5	Khu đường cổng cửa nhà Ông Tài đi Đê Hoàng Long			300	
6	Khu Đồng La, Nam làng Đức Hậu, An Thái			250	
7	Tất cả các đường trục thôn còn lại			250	
8	Đê tả sông Hoàng Long			250	
XI	Xã Gia Tiến				
1	Đường liên xã	Giáp đất Gia Tân	Bưu điện Văn hóa xã		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Tân	Đầu đường Tiến Yết	300	
	Đoạn 2	Đầu đường Tiến Yết	Bưu điện Văn hóa xã	350	
2	Đường Sách Khiếu	Đầu đường Tiến Yết	Giáp đê Hoàng Long		
	Đoạn 1	Đầu đường Tiến Yết	Đầu đường Xuân Lai	300	
	Đoạn 2	Đầu đường Xuân Lai	Giáp đê Hoàng Long	400	
3	Bám đê tả Hoàng Long			250	
XII	Xã Gia Thắng				
1	Các trục đường thôn			300	
XIII	Xã Gia Phú				

1	Đường vào Liên Sơn	Giáp đất thị trấn Me	Giáp đất Liên Sơn	500	
2	Dãy 2 đường vào Liên Sơn	Giáp đất thị trấn Me	Giáp đất Liên Sơn	250	
3	Đường vào thôn Thượng	Đầu đường ĐT477	Giáp đê Hoàng long	300	
4	Đường vào Liên Sơn	Đầu đường ĐT477	Giáp đất Liên Sơn	250	
5	Đường vào thôn Đoan Bình	Đầu đường ĐT477	Thôn Đoan Bình	300	
6	Đường vào thôn Đồi	Đầu đường ĐT477	Thôn Đồi	250	
7	Đường vào thôn Đồi	Đầu đường ĐT477 (Bưu điện)	Thôn Đồi	300	
8	Đường vào thôn Kính Trúc	Đường ĐT477	Thôn Kính Trúc	300	
9	Dãy 2 bóm đường ĐT477	Giáp đất Gia Thịnh	Giáp đê tả sông Hoàng Long	200	
10	Đường Ngõ Đồng Đồi đi Ngõ Đồng Làng	Cuối Thôn Đồi	Giáp thôn Làng	200	
XIV	Xã Liên Sơn				
1	Đường 5 xã	Giáp đất Gia Phú	Hết đất Liên Sơn		
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Phú	Ngã 3 sông Cù	400	
	Đoạn 2	Ngã 3 sông Cù	Hết đất Liên Sơn	250	
2	Đường vào UBND xã cũ	Ngã 3 sông Cù	UBND xã cũ	300	
3	Ven đê Đầm Cút			300	
4	Các vị trí ven đường liên thôn còn lại			200	
XV	Xã Gia Hòa				
1	Đường 5 xã	Giáp đất Liên Sơn	Đê Đầm Cút xã Gia Hòa	300	
2	Đường Sẻ Chè – Đá Hàn	Cầu đổ Đá Hàn	Giáp đất Gia Thanh	300	
3	Đường trục xã				
	Đoạn 1	Giáp đất Gia Vân	Cầu Thượng	350	

	Đoạn 2	Cầu Thượng	UBND Xã Gia Hòa	450	
	Đoạn 3	UBND Xã Gia Hòa	Đường 5 xã	300	
4	Các tuyến đường phân lũ			300	
5	Ven đê Đầm Cút			350	
6	Các vị trí ven đường liên thôn còn lại			200	
XVI	Xã Gia Hưng				
1	Đê tả sông Hoàng Long	Giáp đất Liên Sơn	Đầu đường Quang Trung	700	
		Đầu đường Quang Trung	Ngã 3 Đập tràn	300	
2	Đê Đầm Cút	K0 đập tràn Mai Phương	Giáp đất Liên Sơn	300	
3	Đường Quang Trung	Giáp đê Hoàng Long	Đê Đầm Cút	300	
4	Khu Bìa Cột			300	
XVII	Xã Gia Sinh				
1	Đường 12c (Đường 491, Anh Trỗi)	Giáp đất Trường Yên (Hoa Lư)	Hết đất Gia Sinh (Giáp Sơn Lai-Nho Quan)		
	Đoạn 1	Giáp đất Trường Yên	Đường rẽ vào hang Long ẩn	1.500	
	Đoạn 2	Đường rẽ vào hang Long ẩn	Đường rẽ vào xóm 8	1.200	
	Đoạn 3	Đường rẽ vào xóm 8	Hết đất Gia Sinh	600	
2	Đường vào UBND xã	Bưu điện xã	Ngã 3 ông Hào	1.500	
3	Đường 19-8	Đường 12c	Âu Lê		
	Đoạn 1	Đường 12c	Trạm xá xã	1.000	
	Đoạn 2	Đường vào Xóm 4 (sau khu TĐC)	Âu Lê	500	
4	Khu Tái định cư				
	Dãy 1			1.500	
	Dãy 2, 3			900	

5	Đường tuyến 8 (WB2)	Đường 12c	Đê Đồng Lâm		
	Đoạn 1	Đường 12c	Ngã 3 hàng	800	
	Đoạn 2	Ngã 3 hàng	Ngã 4 ông Phương	1.000	
	Đoạn 3	Ngã 4 ông Phương	Đê Đồng Lâm	1.500	
6	Đường tuyến 6	Đường 12c	Hang Long ẩn	600	
7	Đường phân lô xóm 10			1.300	
8	Đường vành hồ	Tuyến 8	Giáp tuyến 6		
	Đoạn 1	Tuyến 8	Đường 12c	1.500	
	Đoạn 2	Đường 12c	Giáp tuyến 6	700	
9	Đường Vành Nghè				
	Đoạn 1	Nhà ông Ninh	Nhà ông Sinh	1.200	
	Đoạn 2	Đường 12C	Giáp đường Vành Nghè	1.200	
10	Khu Vụng Sơn và Khu dân cư Xuân Trì			900	
11	Đường du lịch cửa Ui	Đường 12c	Cửa Ui	500	
12	Đường phân lô chậm lũ	Tuyến 8	Ngã 4 Quai Trại	500	
13	Đường khu vực cửa chùa giếng thần				
	Vị trí 1	Cổng chùa cổ	Ngã 3 nhà ông Chinh	1.300	
	Vị trí 2	Ngã 3 nhà ông Hường	Hết nhà ông Thơ	1.300	
	Các vị trí còn lại			600	
14	Vị trí ven đường liên thôn còn lại			400	
XVIII	Xã Gia Minh				
1	Đường trục xã	Đường ĐT477c	Ngã 4 chợ Gia Minh	200	
2	Đường đi xã Gia Phong	Cổng Gia Minh	Xóm Đòng Bái (Giáp đất Gia Phong)	200	

3	Đường đi xóm Minh Đường xã Gia Lạc	Đầu xóm An Hòa	Giáp đất thôn Minh Đường	200	
XIX	Xã Gia Lạc				
1	Đường vào xóm Đông Thắng	Đầu đường ĐT477c	Giáp xóm Đông Thắng	250	
2	Đường vào UBND xã mới	Đầu đường ĐT477c	UBND xã mới	250	
		UBND xã mới	Nhà ông Vương xóm Nam Ninh	250	
3	Đường trục thôn Mai Sơn	Đầu đường ĐT477c	Giáp đê Hoàng Long	250	
4	Tuyến 1 ra đê thôn Lạc Thiện	Đê Hoàng Long	Thôn Lạc Thiện	250	
5	Tuyến 1 ra đê thôn Lạc Thiện	Đê Hoàng Long	Trạm biến thế thôn Lạc Thiện	250	
6	Đường Đồng Vài	Cửa nhà ông Tâm	Chợ Lạc Khoái mới	250	
7	Phía Đông, Nam khu chợ Lạc Khoái mới			250	
8	Đường vào chùa Hương Khánh	Đầu đường ĐT477c	Hết đất chùa Hương Khánh	250	
9	Phía Đông đê bắc sông Rịa	Đầu thôn Mai Sơn đi Gia Phong	Hết đất Gia Lạc (giáp đất Gia Phong)	250	
10	Đường 477c đi Gia Minh	Ngã 4 đường 477c đi Gia Minh	Hết đất Gia Lạc (giáp đất Gia Minh)	300	
11	Khu đồng Cổng Ngải	Giáp khu dân cư Lạc Khoái	Mương tiêu khu đồng Vài	250	
12	Khu đồng Cổng Ngải còn lại			250	
13	Phía trong đê hữu Hoàng Long	Lò gạch Gia Lạc	Đầu đập tràn	250	
XX	Xã Gia Phong				
1	Đường vào xóm Ngọc Động	Đầu đường ĐT477c	Đầu xóm 2, 3 Ngọc Động	250	
2	Đường vào cánh chợ	Đường sân kho Ngọc Động	Đê Bắc Rịa	250	
3	Đường lên núi con Mèo	Đầu đường ĐT477c	Núi con Mèo		
	Đoạn 1	Đầu đường ĐT477c	Chùa An Trạch	250	
	Đoạn 2	Chùa An Trạch	Núi con Mèo	250	
4	Làn sông Bắc Rịa	Lò gạch ông Nguyễn	Giáp cổng Gia Lạc 4	250	

D. GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Khu vực xã	Giá đất ở	Ghi chú
I	XÃ ĐỒNG BẰNG		
1	Các xã: Gia Xuân, Gia Trấn, Gia Thắng, Gia Tiến, Gia Trung, Gia Phú, Gia Phong, Gia Lạc	180	
2	Các xã: Gia Tân, Gia Lập	180	
II	XÃ MIỀN NÚI		
1	Các xã: Gia Thanh, Gia Hưng, Liên Sơn, Gia Phương, Gia Thịnh, Gia Minh	150	
2	Các xã: Gia Vân, Gia Hòa, Gia Vượng, Gia Sinh	150	

BẢNG SỐ 5

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - HUYỆN NHO QUAN

A. GIÁ ĐẤT Ở THỊ TRẤN NHO QUAN

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường 477	Cầu Nho Quan	Hết bến xe khách TT Nho Quan	4.500	
2	Đường 12B	Hết bến xe khách TT Nho Quan	Đến ngõ cổng Chợ dưới mới	4.000	
		Ngõ cổng Chợ dưới mới	Hết Hộ ông Thêm (cũ)	4.000	
		Hết Hộ ông Thêm (cũ)	Hết đất Thị trấn (mới)	2.800	
		Ngã tư bến xe	Hết Trạm xá Thị trấn (cũ)	4.000	
		Hết Trạm xá Thị trấn (cũ)	Hết Bảng tin Phong Lạc (Lạng Phong cũ)	3.600	
		Hết bảng tin Phong Lạc (L. Phong cũ)	Đường rẽ Liêu Hạ	2.800	

		Đường rẽ Liêu Hạ	Đường vành đai	2.800	
		Đường vành đai	Hết đất Thị trấn (Giáp Văn Phong)	2.000	
3	Đường trước cổng UBND huyện	Bưu điện	Ngã tư Phong Lạc	2.000	
		Ngã tư Phong Lạc	Khu Phong Nhất	2.000	
4	Đường thanh niên	Ngã ba Phong Lạc	Hết trường mầm non Thị trấn	1.200	
		Hết trường mầm non Thị trấn	Hết trường tiểu học thị trấn	1.200	
		Hết trường tiểu học thị trấn	Đường 477 (Ngã tư bến xe)	1.200	
5	Ngõ cổng chợ dưới	Đường 12B	Ngã ba vào chợ mới	2.000	
		Ngã ba vào chợ mới	Giáp đường Đồng Phong (Cũ)	1.500	
		Giáp đường Đồng Phong cũ	Đến hết đất Thị trấn (Mới)	1.500	
6	Đường Phong Lạc	Đường 477	Bảng tin Phong Lạc	1.800	
7	Đường bến than	Giáp đường phong Lạc	Bờ kè đê năm căn	1.800	
		Cửa tường đê năm căn	Hồ Làng Sào	1.200	
8	Đường làng bãi	Cửa hàng dược	Giáp đường rẽ vào Trường mầm non Thị trấn	800	
9	Đường Vành đai	Đê năm căn	Đường vào UBND xã Lạng Phong	1.000	
		Đường vào UBND xã Lạng Phong	Đường 12B (Khu Phong Lai)	1.000	
10	Đường sau bệnh viện (Tuyến 16)	Đường 12B	Giáp đất Đồng Phong	1.000	
11	Khu dân cư Phong Nhất			1.000	
12	Khu dân cư phố Tiên Lạo			300	
13	Khu Dân cư bám trục đường Xương cá			600	
14	Khu dân cư còn lại			400	

B. GIÁ ĐẤT Ở VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, KHU DU LỊCH THƯƠNG MẠI

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường 12B	Hết đất Thị trấn	Hết cửa hàng xăng dầu Đồng Phong	2.400	
		Cửa hàng xăng dầu Đồng Phong	Hết bờ máng nổi	2.000	
		Hết bờ máng nổi	Giáp Yên Thủy	1.600	
		Hết đất Thị trấn	Đường rẽ làng ngải	1.400	
		Đường rẽ làng ngải	Đường rẽ Nghĩa trang Liệt Sỹ (VP)	1.200	
		Đường rẽ Nghĩa trang Liệt sỹ (VP)	Đường rẽ làng Bến – Văn Phương	500	
		Đường rẽ làng Bến – Văn Phương	Trường Trung học Văn Phú	500	
		Trường Trung học Văn Phú	Đường vào Công ty May Văn Phú	600	
		Đường vào Công ty May Văn Phú	Đường Phùng Thượng	500	
		Đường Phùng Thượng	CH xăng dầu - ông Hồng – Phú Lộc	1.500	
		CH xăng dầu - ông Hồng – Phú Lộc	Cổng Trung đoàn 202	1.700	
		Cổng trung đoàn 202	Cầu Sông Sanh	1.400	
		Cầu Sông Sanh	Km 16 + 300	1.000	
		Km 16 + 300	Trạm điện Quỳnh Phong	1.200	
		Trạm điện Quỳnh Phong	UBND xã Sơn Hà	1.000	
		UBND xã Sơn Hà	Giáp thị xã Tam Điệp	800	
2	Đường 477	Cầu Nho Quan	UBND xã Lạc Vân	2.000	
		UBND xã Lạc Vân	Đường rẽ Phú Sơn	1.800	
		Ngã ba Phú Sơn	Hết biển quảng cáo Cúc Phương	1.000	

		Hết biển quảng cáo Cúc Phương	Hết cầu Để (Giáp Gia Viễn)	1.100	
3	Quốc lộ 45	Ngã ba Phú Lộc	Hết đập tràn	1.000	
		Đập tràn	Hết đền Phủ đồi	600	
		Đền phủ đồi	Cầu gốc Sung	600	
		Cầu gốc sung	Giáp Thanh Hóa	300	
4	Đường 12C Anh Trỗi	Ngã ba Anh Trỗi	Cổng Nông trường Quỳnh Sơn cũ	1.000	
		Cổng N.trường Quỳnh Sơn (cũ)	Hết đất làng Me	800	
		Hết đất làng Me	Giáp Gia Viễn	500	
5	Đường du lịch Cúc Phương	Ngã tư Đồng Phong	Đường rẽ thương Binh C	1.200	
		Đường rẽ thương Binh C	Hết đất xã Đồng Phong	800	
		Hết đất xã Đồng Phong	Chân dốc sườn bò	400	
		Chân dốc sườn bò	Bưu điện Cúc Phương	500	
		Bưu điện Cúc Phương	Đường rẽ ao lươn	200	
		Đường rẽ ao lươn	Quốc lộ 45-Trại Ngọc (Phú Long)	200	
6	Đường 479	Ngã ba chạ	Hết UBND xã Gia Lâm	800	
		Hết UBND xã Gia Lâm	Hết thôn 7 xã Gia Lâm	800	
		Hết thôn 7 xã Gia Lâm	Hết đất xã Xích Thổ (Giáp Hòa Bình)	400	
7	Đường Phùng Thương (Đường DL Núi Đỉnh – Cúc Phương)	Giáp đường 12B	Hết đất xã Phú Lộc (Giáp Kỳ Phú)	500	
			Hết Công ty Yên Phú (chân dốc Bệu)	200	
		Hết Công ty Yên Phú (chân dốc bệu)	Giáp đường Cúc Phương Trại Ngọc	200	
8	Đường du lịch Núi Đỉnh	Đường 12B	Hết xã Sơn Lai	700	
9	Đường Sơn Lai – Gia	Km 0	Km 03	250	

	Phong	Km 03	Giáp Gia Viễn (Cầu Chàng)	200	
10	Đường Lạc Vân – Thạch Bình	Ngã ba đường (đường 477)	Hết xí nghiệp gạch Phú Sơn (Hết xã Lạc Vân)	600	
		Hết xí nghiệp gạch Phú Sơn (Hết xã Lạc Vân)	Đường rẽ J102	250	
		Đường rẽ J 102	Hết trường THCS Thạch Bình	200	
		Hết trường THCS Thạch Bình	Giáp đất Thạch Bình (giáp Hòa Bình)	200	
11	Đường sau bệnh viện	Giáp đất Thị trấn	Giáp đường du lịch Cúc Phương	1.000	
12	Đường trục xã Đồng Phong	Đường Vành đai	Đường du lịch Cúc Phương	1.000	
		Đường DL Cúc Phương	Hết đất Đồng Phong (Giáp xã Yên Quang)	200	
13	Đường Nông trường Đồng Giao đi Phùng Thượng	Khe Gỏi	Quốc lộ 45	250	
		Quốc lộ 45	Đường Phùng Thượng (Trung tâm)	400	
		Đường PT đi Thường Xung – Đồng Chảo	Đường du lịch Cúc Phương	160	

C. GIÁ ĐẤT DÂN CƯ NÔNG THÔN

TT	Khu vực miền núi	Khu vực	Giá đất ở	Ghi chú
1	Đồng Phong, Lạng Phong, Phú Lộc	Giáp Thị trấn, giáp trung tâm	160	
		Giáp đường trục thôn	150	
		Các thôn còn lại	140	
2	Thượng Hòa, Sơn Thành, Thanh Lạc, Sơn Hà, Quỳnh Lưu, Sơn Lai, Kỳ Phú, Phú Long, Cúc Phương, Văn Phong, Lạc Vân, Yên Quang, Phú Sơn, Thạch Bình, Gia Tường, Đức Long, Gia Lâm, Gia Sơn, Xích Thổ, Quảng Lạc, Gia Thủy, Văn Phú, Văn Phương	Trung tâm xã giáp chợ	150	
		Gần đường trục thôn	140	
		Các thôn còn lại	130	
3	Các thôn cận nhà máy xi măng Phú Sơn		200	

4	Khu Dân cư Phong Thành		400	
---	------------------------	--	-----	--

BẢNG SỐ 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - HUYỆN YÊN KHÁNH

A. GIÁ ĐẤT Ở THỊ TRẤN NINH

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường QL 10				
	Đoạn 1	Cổng đầm vít	Hết ngã tư đường vào trụ sở tiếp dân	2.200	
	Đoạn 2	Giáp ngã tư đường vào trụ sở tiếp dân	Ngã tư đường vào bệnh viện huyện	2.700	
	Đoạn 3	Ngã tư đường vào bệnh viện huyện	Hết Cầu Khương Thượng	2.300	
	Đoạn 4	Hết Cầu Khương thượng	Giáp ranh xã Khánh Nhạc	2.000	
2	Đường Nội thị				
	Đoạn 1	Đường 10 (Đường vào trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện)	Hết trụ sở trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	1.200	
	Đoạn 2	Hết Trụ sở TT BD Chính trị huyện	Giáp địa phận xã Khánh Hải	850	
	Đoạn 3	Giáp đường 10 (Đường Thanh Niên vào TT Y tế huyện)	Hết Doanh nghiệp Cát Tường (Công ty Excel)	1.300	
	Đoạn 4	Hết Doanh nghiệp Cát Tường (Công ty Excel)	Giáp địa phận xã Khánh Hải	1.100	
	Đoạn 5	Giáp Đường 10 (đường đi cổng viêng)	Hết Trường THCS Lê Quý Đôn	550	
	Đoạn 6	Giáp đường đi vào TT BDCT (gần Tòa án)	Hết Cổng ông Tước	350	
	Đoạn 7	Đường từ giáp CT KTCT thủy lợi	Hết đường (đi xuống phía nam)	400	
	Đoạn 8	Đường giáp trường THCS Thị trấn	Hết đường (đi xuống phía nam)	350	

Đoạn 9	Giáp đường 10 (đi Khánh Hải)	Hết khuôn viên Chợ Ninh	450	
Đoạn 10	Giáp đường 10 (ngân hàng NN)	Giáp địa phận Khánh hải	500	
Đoạn 11	Giáp đường 10 (dưới trạm X. Khẩu)	Giáp địa phận Khánh hải	450	
Đoạn 12	Giáp đường 480B hướng đi UBND xã Khánh Ninh cũ	Ngã ba đường đi Chùa Tây	400	
Đoạn 13	Giáp đường 480B hướng đi xóm Thượng Đông	Hết đường xóm Thượng Đông	400	
Đoạn 14	Giáp đường 10 (ngõ ông Thiêm, ông Sinh)	Ngã 3 đường xuống trường THCS Lê Quý Đôn	450	
Đoạn 15	Giáp Trạm Xá Khánh Ninh (cũ) hướng đi đê Sông Vạc	Hết đường giáp đê sông Vạc	450	
Đoạn 16	Giáp đường 10 (phố 5)	Ngã tư Khu đông (giáp tuyến 11)	450	
Đoạn 17	Giáp đường 10 (phố 6)	Hết Xí nghiệp Tiền Tiến (cũ)	400	
Đoạn 18	Giáp phòng khám đa khoa Thành Tâm (Đường đê sông mới)	Hết tuyến đường 11 (hướng đi Khánh Hội)	650	
Đoạn 19	Giáp tuyến đường 11 (đường đê sông mới)	Giáp xã Khánh Hội	500	
Đoạn 20	Giáp đường 10 Nam sông mới	Giáp địa phận xã Khánh Nhac	650	
Đoạn 21	Giáp đường quốc lộ 10 (giáp Nhà ông Tuấn đường tuyến 32)	Hết tuyến 32 giáp xã Khánh Hải	750	
Đoạn 22	Đầu tuyến 11 giáp tuyến 32	Ngõ nhà ông Tư kéo dài đến tuyến 11	700	
Đoạn 23	Ngõ nhà ông Tư kéo dài đến tuyến 11	Giáp ngõ vào khu dân cư cán bộ nhà ông Minh (đối diện Viện kiểm sát)	650	
Đoạn 24	Ngõ vào khu dân cư cán bộ nhà ông Minh	Giáp đường NHNN đi Khánh Hải	700	
Đoạn 25	Giáp đường NHNN đi Khánh Hải	Đường nhà ông Trạc (trường cấp I)	650	
Đoạn 26	Đường nhà ông Trạc (trường cấp I)	Hết ngã tư đường xóm thôn khu đông	700	
Đoạn 27	Ngã tư đường xóm thôn khu đông	Đường đê sông mới	550	
Đoạn 28	Giáp đường QL10 (hướng đi Chùa Tây)	Hết ngã 3 đường đi trụ sở UBND xã Khánh	450	

			Ninh cũ		
3	Đường 480 B				
	Đoạn 1	Đường 10	Hết trường Tiểu học Kim Đồng	1.500	
	Đoạn 2	Hết trường Tiểu học Kim Đồng	Giáp ngã 3 vào trụ sở UBND xã K. Ninh cũ	1.300	
	Đoạn 3	Ngã 3 đường xuống trụ sở UBND xã Khánh Ninh cũ	Cầu Rào	1.000	
4	Các đường còn lại			300	

B. GIÁ ĐẤT Ở VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
I	Đường QL10				
	Đoạn 1	Giáp Thành phố Ninh Bình	Hết đất xã Khánh Phú	3.000	
	Đoạn 2	Hết đất xã Khánh Phú	Ngã 3 đường vào UBND xã Khánh An	2.300	
	Đoạn 3	Ngã 3 đường vào UBND xã Khánh An	Ngã 3 đường vào Trường THPT Yên Khánh B	1.900	
	Đoạn 4	Ngã 3 đường vào Trường THPT Yên Khánh B	Hết Bưu điện Văn hóa xã Khánh Cư	1.500	
	Đoạn 5	Hết Bưu điện Văn hóa xã Khánh Cư	Hết Cổng Ngòi 30	1.200	
	Đoạn 6	Hết Cổng ngòi 30	Giáp đường kênh áp bắc (hết nhà ông Phương)	1.100	
	Đoạn 7	Từ đường kênh áp bắc (giáp nhà ông Phương)	Hết Cổng đầm Vít (Giáp địa phận TT Ninh)	1.500	
	Đoạn 8	Hết địa phận Thị trấn Yên Ninh	Hết đường vào Nghĩa trang nhân dân K.nhạc	1.600	
	Đoạn 9	Giáp đường vào Nghĩa trang nhân dân K.nhạc	Hết Bưu điện Văn hóa xã Khánh Nhạ	2.200	
	Đoạn 10	Hết Bưu điện Văn hóa xã Khánh Nhạ	Ngã tư đường vào xóm 6 xã Khánh Nhạ	3.000	

	Đoạn 11	Ngã tư đường vào xóm 6 xã Khánh Nhạc	Hết ao Miếu Thôn Đỗ	1.500	
	Đoạn 12	Hết ao Miếu Thôn Đỗ	Hết Cầu ông Cúc	1.000	
	Đoạn 13	Hết Cầu Ông Cúc	Cầu giáp địa phận đất trại giống lúa Khánh Nhạc	800	
	Đoạn 14	Cầu giáp địa phận đất trại giống lúa K.Nhạc	Giáp địa phận huyện Kim Sơn	900	
	Đường tránh Quốc lộ 10				
	Đoạn 1	Giáp đường Quốc 10 (Khánh Cư)	Hết sông Đàm Vít	800	
	Đoạn 2	Giáp sông Đàm Vít	Giáp đê Sông Mới	1.200	
	Đoạn 3	Giáp đê Sông Mới	Giáp đường QL 10 (km số 11)	750	
II	Đường 481B (Đường 58 cũ)				
	Đoạn 1	Ngã 3 Thông (giáp đất ở nhà ông Đức)	Giáp ngã ba chùa Trung	600	
	Đoạn 2	Ngã ba chùa Trung	Ngã 4 đường 481B và đường WB2 Khánh Lợi	500	
	Đoạn 3	Ngã 4 đường 481B và đường WB2 Khánh Lợi	Hết đất cây xăng Khánh Lợi	600	
	Đoạn 4	Hết đất cây xăng Khánh Lợi	Ngã 4 đường vào UBND xã K. Thiện	600	
	Đoạn 5	Ngã 3 đường vào UBND xã K. Thiện	Giáp Cầu Âu	1.300	
	Đoạn 6	Cầu Âu	Cầu Xanh	900	
	Đoạn 7	Cầu Xanh	Ngã ba hết đất bà Hiên (hết nhà văn hóa xóm 2NC)	700	
	Đoạn 8	Ngã ba hết đất bà Hiên (hết nhà văn hóa xóm 2NC)	Ngã ba hết đất ông Liên Xóm 1 NC	600	
	Đoạn 9	Ngã ba giáp đất ông Liên (khu vực cầu đầm)	Ngã ba hết đất ông Tiểu	900	
	Đoạn 10	Ngã ba giáp đất ông Tiểu	Hết Cống 61 (giáp Khánh Trung)	600	
	Đoạn 11	Cống 61 (giáp Khánh cường)	Giáp đường thôn 20 (hết đất ông Tuy)	700	
	Đoạn 12	Giáp đường thôn 20	Giáp cống sang Khánh Mậu (hết đất ô. Tâm đường thôn 21)	800	

Đoạn 13	Cổng Sang Khánh Mậu (giáp đường 21)	Hết nhà thờ Khánh Thành	550	
Đoạn 14	Hết Nhà Thờ xã Khánh Thành	Giáp đất ông Bảng	800	
Đoạn 15	Giáp đất nhà ông Bảng	Hết bến xe Khánh Thành (giáp đất ông Hoàn)	1.000	
Đoạn 16	Cầu đầm	Ngã ba đường đi xóm 7 K. Mậu (hết đất ô. Toàn, ô. Bốn)	700	
Đoạn 17	Ngã ba đường đi xóm 7 K. Mậu (hết đất ô. Toàn, ô. Bốn)	Cổng sông bắt (đường vào trường THCS K. Mậu)	650	
Đoạn 18	Cổng sông bắt K. Mậu (đất bà Đề)	Ngã tư đường đi xóm 2, xóm 10 (hết đất ô. Thắng, ô. Chính)	950	
Đoạn 19	Ngã tư đường đi xóm 2, xóm 10 Khánh Mậu	Giáp trường THCS xã Khánh Hội	700	
Đoạn 20	Trường THCS xã Khánh Hội	Giáp kênh đoạn cua tay áo	850	
Đoạn 21	Giáp kênh đoạn cua tay áo	Hết đường vào trường THPT Yên Khánh A	950	
Đoạn 22	Giáp đường vào trường THPT Yên Khánh A	Hết trạm bơm Tam Châu xã K. Nhạc	950	
Đoạn 23	Trạm bơm Tam Châu xã K. Nhạc	Giáp Trụ sở HTXNN Đồng tiến K. Nhạc	1.200	
Đoạn 24	Trụ sở HTX NN Đồng Tiến K. Nhạc	Ngã 3 đường vào xóm 8 (sau trụ sở UBND xã K. Nhạc)	1.500	
Đoạn 25	Ngã 3 đường vào xóm 8 (sau trụ sở UBND xã K. Nhạc)	Giáp địa phận đường QL 10	2.400	
Đoạn 26	Đường quốc lộ 10	Giáp ranh giới Trường bán công huyện Yên Khánh	2.400	
Đoạn 27	Giáp ranh giới Trường bán công huyện Yên Khánh	Ngã 3 đường vào Chùa Nhạc (Xóm Chùa K. Nhạc)	1.400	
Đoạn 28	Ngã 3 đường vào Chùa Nhạc	Trạm biến thế Trung gian Khánh Nhạc	900	
Đoạn 29	Trạm biến thế Trung gian Khánh Nhạc	Hết Cổng Kỳ giang (Khánh Nhạc)	700	
Đoạn 30	Hết Cổng Kỳ giang (Khánh Nhạc)	Hết trụ sở UBND xã Khánh Hồng (cũ)	800	
Đoạn 31	Trụ sở UBND xã Khánh Hồng (cũ)	Giáp ngã 3 đường đi K. sơn (xã K. Hồng)	700	

	Đoạn 32	Ngã 3 đường đi K. sơn (xã K. Hồng)	Trạm bơm cỏ Quàng	500	
III	Đường xã				
1	Xã Khánh Hòa				
	Đường vào trụ sở UBND xã				
		Giáp địa phận Đường QL 10	Ngã ba đường vào đền Đông	1.100	
		Ngã ba đường vào đền Đông	Hết trường THCS xã Khánh Hòa	800	
	Các đoạn đường trục xã còn lại			400	
2	Xã Khánh Phú				
	Đường vào trụ sở UBND xã				
		Giáp địa phận Đường QL 10	Vào 300m (Các đường xã)	800	
	Khu tái định cư			550	
	Các đoạn đường trục xã còn lại			300	
3	Xã Khánh An				
	Đường vào trụ sở UBND xã và Trường THPT Yên Khánh B				
		Giáp địa phận Đường QL 10	Hết trường THYKB và trường mầm non Yên Văn	850	
		Hết trường Mầm non Yên Văn	Hết Trụ sở UBND xã K. An	650	
		Từ trụ sở UBND xã K. An	Đến đình Yên Phú	700	
		Từ đình Yên Phú	Đến Cổng Đá	350	
		Hết trường THYKB	Ngã 3 đường vào trụ sở UBND xã (cửa nhà ông Hiếu)	450	
	Đường dẫy 2 đường 10			400	
	Các đường trục xã còn lại			300	
4	Xã Khánh Cư				

	Đường vào trụ sở UBND xã			
	Các đường từ giáp địa phận đường QL10	Ngã ba đường vào UBND xã	600	
	Ngã ba đường vào UBND xã	Đến ngã 3 giáp đường 480 C	300	
Đường 480C				
	Đường QL10	Ngã ba đường vào UBND xã	650	
	Ngã ba đường vào UBND xã	Giáp huyện Yên Mô	450	
	Các đường trục xã còn lại		250	
5	Xã Khánh Vân			
	Đường vào trụ sở UBND xã			
	Giáp địa phận Đường QL10	Ngã tư đường vào xóm 1 (giáp trạm Điện Vân Tiến)	600	
	Ngã tư đường vào xóm 1 (giáp trạm Điện Vân Tiến)	Ngã tư hết Trụ sở UBND xã	400	
	Ngã tư hết Trụ sở UBND xã	Đến giáp đê sông vạc	350	
	Các đường trục xã còn lại		250	
6	Xã Khánh Hải			
	Đường Vân Lai đi xóm lẻ			
	Ngã ba giáp đường QL 10 (nhà ông Hiền)	Giáp đường tránh QL10 (giáp đất ông Phước)	600	
	Giáp đường tránh QL10 đi Vân Lai	Ngã ba Hết đất ông Năng	550	
	Đường Hiệu sách đi UBND xã			
	Giáp thị trấn Yên Ninh	Giáp đường tránh QL10	800	
	Giáp đường tránh QL10	Ngã tư hết trụ sở UBND xã	750	
	Đường Thanh Niên			
	Giáp thị trấn Yên Ninh	Đường xóm Đông Mai (hết đất ông Lai)	900	

		Đường xóm Đông Mai (hết đất ông Lai)	Giáp xã Khánh Lợi (trạm điện)	750	
	Các đường trục xã còn lại				
7	Xã Khánh Lợi				
		Giáp xã Khánh Hải (Đường Thanh Niên)	Ngã tư (cầu bạc liêu)	550	
		Ngã tư (cầu bạc liêu)	Giáp ngã ba hàng	600	
		Giáp đường 481B	Giáp xã Khánh Thiện thuộc đường Thanh Niên	300	
		Các đường trục xã còn lại		250	
8	Xã Khánh Tiên				
		Giáp xã K. Thiện (Đường Thanh Niên)	Hết cổng đám hát	270	
		Hết cổng đám hát	Hết cửa hàng mua bán Tiền phong cũ	300	
		Các đường trục xã còn lại		250	
9	Xã Khánh Thiện				
		Giáp xã Khánh Lợi (Đường Thanh Niên)	Giáp xã Khánh Tiên (đường Thanh Niên)	500	
		Ngã 3 đường từ đường 58 vào UBND xã K.Thiện	Hết Trụ sở UBND xã K.Thiện	600	
		Từ ngã ba đối diện nghĩa trang Liệt Sỹ	Giáp đường Thanh Niên	350	
		Các đường trục xã còn lại		300	
10	Xã Khánh Hội				
		Giáp Chùa lê	Hết trạm xá xã Khánh Hội	400	
		Các đường trục xã còn lại		250	
11	Xã Khánh Mậu				
		Ngã ba đối diện UBND xã (đường chợ Trung)	Ngã ba cầu ông Phụ (hết đất ông Thủy)	500	
		Ngã ba bưu điện xã (giáp đường 481B)	Nhà văn hóa xóm 3	400	
		Ngã ba Cầu ông Phụ	Ngã ba đối diện nhà bà Năm	350	

		Các đường trục xã còn lại		300	
12	Xã Khánh Nhạc				
		Giáp địa phận Đường QL 10	Vào 200 m (các đường xã trừ đường 58)	400	
		Giáp địa phận Đường 58 (cũ)	Vào 100m các đường trục xã	300	
		Các đường trục xã còn lại		250	
13	Xã Khánh Cường				
		Ngã ba giáp đường 481B đi UBND xã	Ngã ba (hết đất ông Cường)	500	
		Ngã ba (giáp đất ông Cường)	Hết trụ sở UBND xã	400	
		Ngã 3 (cổng xóm 6 nam cường nhà ông Quân)	Ngã ba xóm 9 Nam cường (hết đất ông Hanh)	350	
		Ngã ba xóm 9 Nam cường (giáp đất ông Hanh)	Hết đường gạo giáp khánh Trung)	300	
		Các đường trục xã còn lại		250	
14	Xã Khánh Trung				
		Giáp đường 481C	Ngã ba đường đi thôn 20 (hết đất bà Hoạt)	600	
		Ngã ba đường đi thôn 20 (giáp đất bà Hoạt)	Ngã ba đường UBND xã (hết đất bà Đức)	500	
		Ngã ba đường UBND xã (giáp đất bà Đức)	Cổng ngã tư thôn 3 (hết đất nhà ông Hải)	300	
		Ngã ba UBND xã đi Khánh Cường (đường gạo)	Cổng giáp Khánh Cường	300	
		Các đường trục xã còn lại		250	
15	Xã Khánh Thành				
		Giáp bến xe Khánh Thành (đất ông Hoàn)	Ngã tư đền xóm 8	550	
		Ngã tư đền xóm 8 (cổng ông quyền)	Hết ngã ba cổng ông Hào	450	
		Ngã ba cổng ông Hào	Giáp đường 481D (đường đi đồ 10)	300	
		Đồ 10 (đường 481D)	Giáp huyện Kim Sơn	350	

		Ngã tư cổng nhà ông Huy đi Khánh Trung	Cổng hết đất nhà ông Kết	350	
		Ngã tư cổng nhà ông Huy đi Khánh Công	Giáp Cổng ông Hào	300	
		Các đường trục xã còn lại		250	
16	Xã Khánh Công				
		Ngã 3 giáp đường 58	Hết trụ sở UBND xã K. Công	250	
		Các đường trục xã còn lại		200	
17	Xã Khánh Thủy				
		Khu vực UBND xã			
		Cầu giáp đường 58 (cổng ông ái)	Cổng ông Quân hết đất ông thực	370	
		Giáp cổng ông Quân	Ngã tư (UBND xã)	350	
		Ngã tư UBND xã đi Khánh Mậu	Ngã ba (hết đất ông Vinh)	370	
		Ngã tư UBND xã đi Trại giống lúa	Cầu sông tiến (nhà ông Khiển)	370	
		Ngã tư UBND xã đi Chính tâm	Ngã ba giáp ông Tần	370	
		Ngã ba đường trại giống Khánh Nhạc	Hết đất ông Sài (giáp Khánh Hội)	300	
		Khu vực Chợ Chính Tâm			
		Cổng sang chợ Khánh Thành (đường 58)	Hết đất ông giao	370	
		Giáp đất nhà ông Giao	Giáp cổng ông Chu	300	
		Cổng Ông Chu	Cổng trạm xá cũ	370	
		Cổng Ba cửa đi UBND Xã	Giáp ngã ba nhà ông Hướng	400	
		Ngã ba nhà ông Hướng	Ngã ba hết đất ông Tần	300	
		Nhà ông Công, Huệ giáp Chính Tâm	Hết nhà văn hóa xóm 8	400	
		Nhà văn hóa xóm 8	Hết đất ông Thanh (cổng ông Tường giáp xã Hồi Ninh)	270	
		Các đường trục xã còn lại		250	

18	Xã Khánh Hồng				
		Giáp địa phận đường 481B (đường 58 cũ)	Cách 100 m các đường xã	300	
		Các đường trục xã còn lại		250	

C. GIÁ ĐẤT KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Khu vực các Xã	Loại đất	Giá đất ở	Ghi chú
1	Các xã: Khánh Hòa, Khánh Phú, Khánh An, Khánh Thiện	Đường ô tô vào được	270	
		Đường ô tô không vào được	250	
		Khu dân cư còn lại	200	
2	Các xã: Khánh Cư, Khánh Nhạc, Khánh Mậu, Khánh Hải	Đường ô tô vào được	230	
		Đường ô tô không vào được	200	
		Khu dân cư còn lại	150	
3	Các xã: Khánh Vân, Khánh Cường, Khánh Hồng, Khánh Trung, Khánh Hội, Khánh Lợi, Khánh Thủy, Khánh Thành, Khánh Tiên	Đường ô tô vào được	200	
		Đường ô tô không vào được	170	
		Khu dân cư còn lại	150	
4	Xã Khánh Công	Đường ô tô vào được	170	
		Đường ô tô không vào được	160	
		Khu dân cư còn lại	150	

BẢNG SỐ 7

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - HUYỆN KIM SƠN

A. GIÁ ĐẤT Ở THỊ TRẤN

I. THỊ TRẤN PHÁT DIỆM

ĐVT: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường phố Kiến Thái QL 10	Giáp cầu Thủ Trung	Giáp cầu Kiến Thái (Phố Kiến Thái)	7.500	
2	Đường phố Trì Chính QL 10	Cầu Kiến Thái	Giáp đường số 3 (hết nhà ông Tiến)	8.000	
		Giáp đường số 3 (hết nhà ông Tiến)	Giáp đê Tả Vạc (giáp cầu Trì Chính)	7.500	
3	Đường phố Phát Diệm	Giáp đê Hữu Vạc (giáp cầu Trì Chính)	Hết cơ quan Xổ Số	8.000	
		Hết cơ quan Xổ Số	Giáp cầu Lưu Phương	8.000	
4	Đường giữa Phát Diệm	Giáp đường QL10	Bờ hồ nhà thờ Đá Phát Diệm	5.000	
5	Đường ngang khu Bờ Hồ: Bên Tây	Ngã ba đường giữa PD (giáp Hồ)	Vòng quanh hồ đến cổng phía Tây nhà thờ	4.000	
		Cổng phía Tây nhà thờ	Giáp đường Phát Diệm Tây	3.000	
		Giáp nhà ông Hiệp	Giáp đường Phát Diệm Tây	2.500	
6	Đường ngang khu Bờ Hồ: Bên Đông	Ngã ba đường giữa PD (giáp Hồ)	Vòng quanh hồ đến đường P. Diệm Đông	4.500	
		Giáp nhà ông Cơ	Giáp đường Phát Diệm Đông	3.000	
7	Đường Nam sông Ân	Trạm thuế Nam Dân	Giáp đường Thống Nhất	6.000	
		Giáp đường Thống Nhất	Giáp cầu trần (cầu Ngói)	4.000	
		Giáp cầu trần (cầu Ngói)	Giáp cầu Trần (cầu Ngói) + 150m (hết đất nhà bà Diệm)	3.000	
		Giáp cầu Trần (cầu Ngói) + 150m (hết đất nhà bà Diệm)	Giáp cầu Lưu Phương	2.500	
8	Đường Thống Nhất	Cầu Thống Nhất	Trường THCS Thượng Kiệm	3.000	
9	Đường Thượng Kiệm	Giáp đường QL10	Doanh nghiệp Quang Minh	3.000	
10	Đường đê Hữu Vạc	Giáp đường QL10 (cầu Trì Chính)	Nhà khách huyện cũ	1.500	
11	Đường đê Tả Vạc	Giáp đường QL10 (cầu Trì Chính)	Ngã 3 đường trước trường cấp 2 Kim	1.500	

			Chính		
12	Đường Kiến Thái (ĐT 481B)	Giáp cầu Kiến Thái	Cổng nhà thờ Kiến Thái	3.000	
		Cổng nhà thờ Kiến Thái	Hết đất Phát Diệm	2.000	
13	Đường Cổng Tân Hưng	Giáp đường QL10	Cổng Tân Hưng	3.000	
		Cổng Tân Hưng	Vòng về phía đông hết nhà ông Vận	1.200	
		Cổng Tân Hưng chạy theo đề Tả Vạc	Hết địa phận TT Phát Diệm	500	
14	Đường vào T.Tâm Y tế huyện	Giáp đường QL10	Hết trụ sở Tòa án huyện	3.000	
		Hết trụ sở Tòa án huyện	Cổng Trung tâm Y tế	2.500	
15	Đường Phát Diệm Đông	Giáp đường QL10	Giáp đường 10 + 200m (hết nhà ông Phùng)	3.000	
		Giáp đường 10 + 200m (hết nhà ông Phùng)	Giáp cầu sang TT Y tế	2.000	
16	Đất xung quanh bến xe	3 mặt trong khu vực bến xe	3 mặt trong khu vực bến xe	4.000	
17	Đường Hiệu Sách (giáp nhà trẻ HH)	Giáp đường QL10	Đầu ngõ 12c	3.000	
18	Đường số 3 phố Trì Chính	Giáp đường QL10	Nhà thờ Trì Chính		
		Giáp đường QL10	Hết nhà ông Bằng	2.000	
		Hết nhà ông Bằng	Nhà thờ Trì Chính	1.500	
19	Đường số 1 (giáp Lương Thực cũ)	Giáp đường QL10	Đường cắt ngang	1.000	
20	Đường Kiến Thái (giáp Thủ Trung)	Giáp đường QL10	Hết khu dân cư	1.000	
		Giáp đường QL10	Ao nhà thờ Kiến Thái	1.000	
21	Đường đề Hữu Vạc nam sông Ân	Trạm thuế Nam Dân	Hết Địa giới Phát Diệm	1.500	
22	Đường 31 Năm dân	Đường Nam sông Ân	Hết đường	1.100	

23	Đường 1 - Năm dân	Đường Nam sông Ân	Giáp đất xã Thượng Kiệm	1.000	
		Trường THCS Thượng Kiệm A	Đất dong chùa	1.000	
24	Đường Phát Diệm Nam	Cầu Ngói	Giáp đất xã Lưu Phương	1.000	
25	Đường Phát Diệm Tây	Giáp đường QL10	Cầu sang trường THPT Kim Sơn A	1.000	
		Cầu sang trường THPT Kim Sơn A	Giáp đất xã Lưu Phương	900	
26	Đường phố Phú Vinh	Giáp đường QL10 (nhà ông Tân)	Giáp đường QL10 nhà ông Tân + 200m (hết nhà bà Mai)	2.000	
		Giáp đường QL10 nhà ông Tân + 200m (hết nhà bà Mai)	Khu Tập thể Bệnh Viện	1.500	
27	Đường 4 Phát Diệm Tây	Giáp đường Giữa Phát Diệm	Giáp đường Phát Diệm Tây	1.200	
28	Đường số 2 Phát Diệm Đông	Giáp đường Giữa Phát Diệm	Đường phía Đông Phát Diệm Đông	1.200	
29	Đường trước trường Cấp 2 Kim Chính	Đê sông Vạc	Giáp đường ĐT 481 B	800	
30	Đường sau Huyện Đội	Giáp đê Tả Vạc	Đến hết đường	600	
31	Ven các trục đường khác			500	
32	Các khu vực còn lại			300	

II. THỊ TRẤN BÌNH MINH

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường 481	Giáp địa phận xã Kim Mỹ	Hết cổng Nông Trường Bình Minh	2.000	
		Hết cổng Nông Trường Bình Minh	Hết cổng Nông Trường BM + 100m	1.600	
		Hết cổng Nông Trường BM + 100m	Hết cổng Nông Trường BM + 200m	1.000	
		Hết cổng Nông Trường BM + 200m	Cầu Tô Hiệu - 100m	500	
		Cầu Tô Hiệu - 100m	Cầu Tô Hiệu	600	

		Cầu Tô Hiệu	Hết Doanh nghiệp Kim Đông	500	
		Hết Doanh nghiệp Kim Đông	Giáp đê Bình Minh 1	600	
2	Đường nội Thị Trấn	Cổng Nông Trường	Hết đường liên khối I + Khối II	1.000	
		Hết đường liên khối I + Khối II	Hết trường cấp III Bình Minh	500	
3	Đường WB2	Hết trường cấp III Bình Minh	Cổng C10	250	
		Giáp đường 481	Cổng cuối kênh Cà mầu 2	300	
4	Đường Liên Khối	Đường nội thị trường cấp 1	Khối 11	300	
5	Các đường liên khối	Trục chính TT Bình Minh		300	
6	Đường nội thị liên xã	Cổng Mai An	Cổng giáp đê BM1 đi Kim Hải	250	
7	Đường ngã 3 Tô Hiệu - Cồn Thoi	Giáp đường 481	Giáp cổng Điện Biên	300	
8	Ven các đường khác			200	
9	Các khu vực còn lại			150	

B. GIÁ ĐẤT Ở VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH

ĐVT: 1000đ/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường 10	Đường lý (Giáp địa giới Yên Khánh)	Hết khu dân cư Bắc đường Quan (ông Chi)	800	
		Hết khu dân cư Bắc đường Quan (ông Chi)	Giáp đường Quan	1.000	
		Giáp đường quan	Giáp đường bản thôn	1.200	
		Giáp đường bản thôn	Hết Trường THCS Ân Hòa	1.500	
		Hết trường THCS Ân Hòa	Hết nhà ông Kim	1.800	
		Hết nhà ông Kim	Nhà nhà ông Tài	2.500	

		Hết nhà ông Tài	Đường vào ruộng X5 (trước nhà ông Nhi)	3.000	
		Đường vào ruộng X5 (trước nhà ông Nhi)	Hết trung tâm Y tế Ân Hòa	3.500	
		Hết trung tâm Y tế Ân Hòa	Hết cầu Quy Hậu	4.500	
		Hết cầu Quy Hậu	Hết cầu Chí Tĩnh	5.900	
		Hết cầu Chí Tĩnh	Hết cầu Như Độ	4.500	
		Hết cầu Như Độ	Hết cầu chợ Quang Thiện	4.100	
		Hết cầu chợ Quang Thiện	Hết cầu Đồng Đắc	4.700	
		Hết cầu Đồng Đắc	Giáp cầu Thủ Trung (Kiến Trung)	5.500	
		Giáp cầu Lưu Phương	Hết khu Lương Thực cũ	6.000	
		Hết khu Lương Thực cũ	Giáp xã Tân Thành	5.000	
		Giáp xã Tân Thành	Hết cầu Xuân Thành	4.000	
		Hết cầu Xuân Thành	Hết địa phận xã Tân Thành	3.500	
		Hết địa phận xã Tân Thành	Hết cầu Yên Bình	4.000	
		Hết cầu Yên Bình	Hết cầu Sắt giáp xã Lai Thành	3.000	
		Hết cầu Sắt giáp xã Lai Thành	Giáp Điền Hộ - 300 m (Đường vào xóm 10)	2.000	
		Giáp Điền Hộ - 300 m (Đường vào xóm 10)	Giáp địa giới Nga Sơn - Thanh Hóa	2.500	
2	Đường Tân Thành (ĐT 480 E)	Giáp đường QL10	Hết Trạm điện Tân Thành	600	
		Hết Trạm điện Tân Thành	Hết Địa phận Tân Thành	400	
3	Đường Trục Xuân Thành	Giáp đường QL10	Hết Trạm xá	300	
		Hết Trạm xá	Giáp địa giới Yên Mô	200	
4	Đường Trục xá Lưu Phương	Giáp Đường QL10	Hết nhà trẻ	2.500	

		Hết nhà trẻ	Hết khu dân cư liền kề	1.500	
		Giáp Đường QL10	Hết nhà thờ Lưu Phương	1.500	
5	Đường 480	Ngã 3 Lai Thành (giáp đường 10)	Hết trạm bơm	600	
		Hết trạm bơm	Hết địa giới xã Lai Thành	400	
6	Đường 481	Giáp cầu Cà Mâu	Giáp địa giới xã Văn Hải	400	
		Giáp địa giới xã Văn Hải	Giáp chợ Văn Hải	600	
		Giáp chợ Văn Hải	Hết UBND xã Văn Hải	1.000	
		Hết UBND xã Văn Hải	Hết UBND xã Văn Hải + 800 m (Hết nhà ông Bình)	600	
		Hết UBND xã Văn Hải + 800 m (Hết nhà ông Bình)	Hết cầu Kim Mỹ	500	
		Hết cầu Kim Mỹ	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 500 m (Hết nhà ông Tuấn)	550	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 500 m (Hết nhà ông Tuấn)	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 300 m (Hết nhà ông Hòa)	800	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 300 m (Hết nhà ông Hòa)	Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 100 m (Hết nhà ông Kỳ)	1.200	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi - 100 m (Hết nhà ông Kỳ)	Giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi	2.000	
		Giáp ngã 3 chợ Cồn Thoi	Ngã 3 chợ Cồn Thoi + 100 m (Hết nhà ông Tuấn)	1.200	
		Ngã 3 chợ Cồn Thoi + 100 m (Hết nhà ông Tuấn)	Giáp địa phận Bình Minh	1.000	
		Cầu Tô Hiệu (Nhà ông Sơn)	Cống Điện Biên	300	
		Đê BM1	Hết cầu kênh tưới + 100 m (Hết nhà ô Bẫy)	600	
		Hết cầu kênh tưới + 100 m (Hết nhà ô	Đê BM2 - 600m (cầu trắng - 200m) (hết	200	

		Bảy)	nhà ông Khoan)		
		Đê BM2 - 600m (cầu trắng - 200m) -Hết nhà ông Khoan	Giáp đê BM2	300	
7	Đường mới phía Tây đường 481 (Dãy 2 // với đường 481)	Chợ Kim Đông	Chợ Kim Đông + 200m (Hết nhà ông Sơn)	300	
		Chợ Kim Đông + 200m (Hết nhà ông Sơn)	Hết đường	200	
8	Đường Định Hóa - Văn Hải - Kim Tân - Cồn Thoi (Đ WB2)	Giáp Đường ngang Định Hóa	Giáp cầu Tô Hiệu (Giáp đường 481)		
		Giáp Đường ngang Định Hóa	Giáp Đường ngang Định Hóa + 100m (Ngõ bà Dự)	900	
		Giáp Đường ngang Định Hóa + 100m (Ngõ bà Dự)	Giáp cầu ông Chiên - 100m (Ngõ ông Đậu)	700	
		Giáp cầu ông Chiên - 100m (Ngõ ông Đậu)	Giáp cầu ông Chiên + 100m (Ngõ ông Bảo)	800	
		Giáp cầu ông Chiên + 100m (Ngõ ông Bảo)	Giáp địa phận xã Văn Hải	700	
		Giáp địa phận xã Văn Hải	Giáp cầu Tô Hiệu (Giáp đường 481)	300	
9	Đường Quy Hậu đò 10 (481D)	Cầu Quy Hậu	Hết chi nhánh Ngân hàng NN	2.500	
		Hết chi nhánh Ngân hàng NN	Hết cầu Duy Hòa	1.500	
		Hết cầu Duy Hòa	Hết cầu Hồi Thuận	600	
		Hết cầu Hồi Thuận	Hết cầu Chát Thành	500	
		Hết cầu Chát Thành	Giáp cầu Đen (hết địa phận xã Xuân Thiện)	450	
10	Đường Ngang liên xã TK 1	Giáp đường 10	Hết cầu Duy Hòa - xã Ân Hòa	1.500	
		Hết cầu Duy Hòa - xã Ân Hòa	Hết cầu Tức Hưu	900	

		Hết cầu Tứ Hưu	Hết cầu Dục Đức	500	
		Hết cầu Dục Đức	Hết cầu Định Hướng	500	
		Hết cầu Định Hướng	Hết địa giới xã Hồi Ninh	300	
		Hết địa giới xã Hồi Ninh	Chất Bình giáp Chính Tâm	300	
		Chất Bình giáp Chính Tâm	Hết Thôn Hàm Phú	300	
		Hết Thôn Hàm Phú	Giáp xã Xuân Thiện	250	
		Giáp xã Xuân Thiện	Giáp xã Khánh Thành - Yên Khánh	150	
11	Đ. Liên xã L. Phương - Đ. Hóa	Giáp đường Nam sông Ân	Giáp Trạm xá Lưu Phương	5.000	
		Hết Trạm xá Lưu Phương	Đường N1 Lưu Phương	3.000	
		Đường N1 Lưu Phương	Hết khu Trung tâm hành chính huyện	3.000	
		Hết khu Trung tâm hành chính huyện	Hết khu dân cư xóm 10	1.000	
		Hết khu dân cư xóm 10	Giáp cầu qua sông Cà Mâu	1.000	
		Xóm An Cư	Xóm 5	400	
		Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Hết xóm 4	500	
		Đường trục còn lại		150	
19	Đường tránh Quốc lộ 10	Nhà ông Ninh - xã Ân Hòa	Hết đường	500	

C. GIÁ ĐẤT Ở VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Đường C10-Kim Hải	Đê BM1	Đê BM2	150	
2	Đường BM6-Kim Trung	Nam kênh tưới cấp 1	Giáp sông tiêu mặn	170	
3	Đường BM7	Nam kênh tưới cấp 1	Giáp sông tiêu mặn	150	

4	Đường BM5	Nam kênh tưới cấp 1	Giáp sông tiêu mặn	150	
5	Đường Kim Đông – Kim Trung	Giáp đường 481	+ 300 m về phía đô (Hết nhà ông Thu)	200	
6	Đường Kim Mỹ	Giáp đường 481	Giáp ĐP xã Kim Tân	150	
7	Đường ngang Đông Hải	Giáp cầu Trung Chính	Đường WB2 phía Bắc	150	
8	Đường Hoàng Hải – T. Cường	Giáp cầu đường 481	Đường WB2	150	
9	Đường K.Hải-H.Trực	Giáp cầu Kim Mỹ	Giáp đê Càn	150	
10	Đường Lưu Quang – Lạc Thiện Ứng Luật – Phúc Điền	Giáp đường 10 (N-B)	+ 500 m (Hết nhà ông Vi)	350	
		+ 500 m (hết nhà ông Vi)	+ 500 m (Hết nhà ông Tường)	220	
		Giáp đường Nam sông Ân (B-N)	+ 300 m (Cống 15)	300	
		+ 300 m (Cống 15)	+ 200 m (Hết nhà ông Kiều)	220	
11	Đường Hướng Đạo – Đồng Đắc	Giáp đường 10	Đường ngang trạm điện	500	
		Đường ngang trạm điện	Cầu xóm 3	350	
		Đường cầu xóm 3	Hết khu dân cư	200	
12	Đường bể Hướng Đạo	Giáp sông Ân (Cống đặc)	+ 1200 m (cống Đặc 20)	350	
13	Đường bể Đồng Đắc (X7)	Giáp đường nam sông Ân	+ 1000 m (cống Đặc 20)	300	
		+ 1000 m (cống Đặc 20)	Cống Đặc 50	350	
		Cống Đặc 50	Đê Đáy	150	
14	Đường Chí Tĩnh – Hùng Tiến	Giáp đường 10	+ 500 m về phía Bắc (Hết nhà ô Hà)	500	
15	Đường Quy Hậu – Hùng Tiến	+ 500 m về phía Bắc (Hết nhà ông Hà)	+ 500m về phía Bắc (Hết nhà ô Hợp)	400	
	Đường Đông Quy Hậu	500m về phía Bắc	Hết đường lý		
	Đường Tây Quy Hậu	Giáp đường 10	Hết nhà bà Cao	400	
16	Đ.Hòa Lạc – Tuần Lễ - Như Độ	Giáp đường 10	+ 500 m về phía Bắc		

	Đường Hòa Lạc	Giáp đường 10	Trường Tiểu học	800	
	Đường Tuần Lễ	Giáp đường 10	Ngang trường Tiểu học	800	
	Đường Như Độ	Giáp đường 10	Hết nhà ông Bắc	500	
17	Đường Thôn Mông Hưu – Chính Tâm	Giáp đường đi đò 10 (đường 481D)	+ 1500 m về phía Bắc (Giáp Xuân Thiện)	200	
18	Đường Cách Tâm – Chính Tâm	Bưu điện văn hóa xã	Hết chợ Cách Tâm	150	
19	Đường thôn Lưu Thanh – Chính Tâm	Giáp đường đi đò 10 (đường 481D)	+ 1200 về phía Bắc (Hết nhà ô Thới)	150	
20	Đường thôn Hàm Phú – Chính Tâm	Giáp đường đi đò 10 (đường 481D)	+ 1200 về phía Bắc (Hết nhà ô Đức)	150	
	<i>Đường ngang xã Chính Tâm</i>	Thôn Lưu Thanh	Thôn Mông Hưu	200	
	<i>Đường ngang xã Chính Tâm</i>	Bưu điện văn hóa xã	Giáp Xuân Thiện	200	
	<i>Đường Thành Đức</i>	Đường ngang xã	Giáp Đồng Xê	200	
21	Đường thôn Thanh Đức Chính Tâm	Cầu Thành Đức	+ 1200 về phía Bắc (giáp xã K. Thủy)	150	
22	Đường trục Hợp Thành và Công Thành xã Chát Bình	Giáp đường đi đò 10 (đường 481D)	Hết đường	150	
	<i>Đường trục xã Xuân Thiện</i>	Đường đi đò 10	Hết UBND xã	150	
23	Đường trục Như Độ-Hòa Lạc-Tuần Lễ	Giáp đường Nam sông Ân	QL 10 + 500m (về phía Nam)		
	<i>Đường trục Như Độ</i>	Giáp đường Nam sông Ân	Đến hết nhà ông Quốc	250	
	<i>Đường trục Hòa Lạc</i>	Giáp đường Nam sông Ân	Đến hết nhà ông Phần	250	
	<i>Đường trục Tuần Lễ</i>	Giáp đường Nam sông Ân	Đến nhà trẻ xóm 9	250	
24	Đường trục xã Yên Mật	Giáp đường 481 B	Hết đường	200	
25	Đường trong khu quy hoạch xã	Đường trục xã	Trạm điện 110KW	500	

	T.Kiệm				
26	Đường trước TTGDTX Thượng Kiệm	Đường trục xã phía Bắc	Giáp đê Hữu Vạc	500	
27	Đường cầu chùa Yên Lộc	Chùa xóm 1	Xóm 9	150	
28	Đường Yên Bình - Yên Lộc	Xóm 2	Xóm 3	200	
29	Đường Yên Hòa - Yên Lộc	Chợ Yên Lộc	Hết trường THCS Yên Lộc	500	
30	Đường sông 3 Yên Lộc	Giáp đường QL 10	Hết nhà ông Nhi xóm 13	200	
31	Đường WB2- Lai Thành	Ngã 3 đường 10	Hết trạm bơm xóm 5	300	
32	Đường trục xóm 7, 9 xã Định Hóa	Giáp đường 481 B	Giáp đường ngang xã Định Hóa		
		Giáp đường 481 B	Giáp Đập ông Thân	600	
		Giáp đập ông Thân	Giáp đường ngang xã – 100m (ngõ Ô.Oanh)	700	
		Giáp đường ngang xã – 100m (ngõ Ô.Oanh)	Giáp đường ngang xã Định Hóa	800	
33	Đường đi bót Càn Văn Hải	Giáp đường 481 B	Hết bót Càn	100	
34	Đường Bắc kênh cấp 1 – Kim Trung	Cầu bà Hy	Đường Hoàng Trục	100	
35	Đường Bắc kênh cấp 1 – Kim Trung	Giáp Kim Đông	BM5	150	
36	Xã Yên Mật				
	Đường trục thôn Ninh Mật	Đầu đường Kiến Thái	Đầu Thôn Ninh Mật	150	
	Đường trục thôn Yên Thổ	Đầu thôn Yên Thổ	Hết UBND xã Yên Mật	150	
	Đường trục liên thôn	Cuối thôn Yên Thổ	Đến giáp Khánh Hồng	150	
	Đường trục thôn Mật Như	Đầu thôn Mật Như	Cuối thôn Mật Như	150	
37	Xã Yên Lộc	Chợ Yên Bình (theo đường trục)	Trường THCS xã Yên Lộc	500	

	Chợ Yên Bình (theo đường trục)	Hết xóm 3	200	
	Theo đường trục	Xóm 9 (theo đường trục)	150	

D. GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN CÒN LẠI

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Khu vực các xã	Vị trí	Giá đất ở	Ghi chú
1	Khu vực các xã: Xuân Thiện, Chính Tâm, Chát Bình, Yên Mật, Kim Tân, Kim Hải: - và từ xã Ân Hòa đến hết xã Lưu Phương có vị trí cách đường Quốc lộ 10 trên 3 km về phía Nam	Đường ô tô vào được	150	
		Đường ô tô không vào được	130	
		Khu dân cư còn lại	100	
2	Khu vực từ xã Ân Hòa đến hết xã Yên Lộc phía Bắc đường Quy Hậu đồ 10, đường Quốc lộ 10 tính từ tiếp giáp khuôn viên đất ven trục đường về phía Bắc 500 m	Đường ô tô vào được	150	
		Đường ô tô không vào được	140	
		Khu dân cư còn lại	130	
3	Các khu vực còn lại	Đường ô tô vào được	150	
		Đường ô tô không vào được	130	
		Khu dân cư còn lại	100	
4	Đường 481 nối dài	Đê BM2 đến đê BM3	200	
5	Khu vực còn lại đê BM2 đến đê BM3		120	

BẢNG SỐ 8

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở - HUYỆN YÊN MÔ

A. GIÁ ĐẤT Ở THỊ TRẤN YÊN THỊNH

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		

1	Đường 480	Cầu Yên Thổ 1	Giáp đường vào nhà máy nước	800	
		Giáp đường vào nhà máy nước	Giáp cây xăng anh Thảo	900	
		Giáp cây xăng anh Thảo	Giáp DN Hồng Nhung	2.400	
		Giáp DN Hồng Nhung	Đường vào bệnh viện mới	2.600	
		Đường vào bệnh viện mới	Đường vào khu 2 (UBND TT cũ)	2.600	
		Đường vào khu 2 (UBND TT cũ)	Đường vào trạm Y tế Yên Phú	2.200	
		Đường vào trạm Y tế Yên Phú	Đường vào Bồ Vi	1.600	
		Đường vào Bồ Vi	Đường vào Đông Nhạc	1.200	
2	Đường đi Khánh Dương 480C	Ngã tư thị trấn Yên Thịnh	Đường vào cấp I thị trấn	1.800	
		Đường vào cấp I thị trấn	Cầu Kiệt	1.100	
3	Đường vào bệnh viện mới	Đường 480	Hết đất TT Yên Thịnh	2.500	
4	Đường vào UBND xã Yên Phú	Đường 480	Hết đất TT Yên Thịnh	700	
5	Đường vào nhà thi đấu	Đường 480	Đường vào cấp I thị trấn	1.000	
6	Đường vào phòng giáo dục	Đường Ngõ Khánh Dương	Đường vào nhà thi đấu	800	
7	Đường cạnh truyền thanh	Đường Ngõ Khánh Dương	Đường vào nhà thi đấu	700	
8	Đường vào cấp I thị trấn	Đường Ngõ Khánh Dương	Trường cấp I TT Yên Thịnh	800	
9	Đường vào trạm Y tế Thị trấn	Đường Ngõ Khánh Dương	Đình Vật	600	
10	Đường khu 2 (Vào UBND TT)	Đường 480 - Hướng Nam	Đình Vật	300	
		- Hướng Bắc		200	
11	Đường đi Khương Dự	UBND TT Yên Thịnh	Hết đất TT Yên Thịnh	300	
12	Đường khu I (Cạnh nhà anh Chín)	Đường 480 - Hướng Nam	Đường đi Khương Dự	200	
		- Hướng Bắc		200	
13	Đường vào trạm y tế Yên Phú	Đường 480 - Hướng Nam	Hết đất TT Yên Thịnh	200	

		- Hướng Bắc		200	
14	Đường vào Bồ Vi	Đường 480 - Hướng Nam	Hết đất TT Yên Thịnh	200	
		- Hướng Bắc		200	
15	Đường vào Trung Hậu	Đường 480 - Hướng Nam	Hết đất TT Yên Thịnh	200	
		- Hướng Bắc		200	
16	Đường cạnh ao nhà thờ Yên Thổ	Đường 480 - Hướng Nam	Hết đất TT Yên Thịnh	200	
		- Hướng Bắc		200	
17	Khu dân cư Phú Thịnh	Khu 3		1.000	
		Khu 4		850	
		Khu 5		600	
18	Đường cạnh anh Minh Yên Thổ	Đường 480 - Hướng Nam	Hết đất TT Yên Thịnh	220	
		- Hướng Bắc		200	
19	Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
		Đường ô tô 4 chỗ không vào được		170	
		Còn lại		150	

B. GIÁ ĐẤT Ở VEN TRỰC ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất ở	Ghi chú
		Từ	Đến		
1	Quốc lộ 1A	Cầu Ghềnh	Giáp cây xăng Công an tỉnh	3.000	
		Giáp cây xăng Công an tỉnh	Giáp cây xăng số 2	2.700	
		Giáp cây xăng số 2	Cầu Vó	2.500	

		Cầu Ghềnh (phía Nam)	Đường vào núi Mơ	500	
	Bên kia đường sắt	Đường vào núi Mơ (phía Nam)	Cầu Vó	400	
2	Đường 480	Đường sắt	Hết Cổng trại trại giam	2.200	
		Hết Cổng trại trại giam	Hết nhà ông Nguyễn xóm 3	1.800	
		Hết nhà ông Nguyễn xóm 3	Hết Công ông Tôn	1.500	
		Hết Công ông Tôn	Đường ngõ bà Cảnh	1.500	
		Đường ngõ bà Cảnh	Hết Cổng Mo	1.000	
		Hết Cổng Mo	Hết Cầu Yên thổ 2	1.000	
		Hết Cầu Yên thổ 2	Đường vào UBND xã	1.500	
		Đường vào UBND xã	Cổng trường cấp 3	1.000	
		Cổng trường cấp 3	Hết Cầu Yên thổ 1	900	
		Đường vào đông Nhạc	Hết Cổng Vĩnh Lợi	900	
		Hết Cổng Vĩnh Lợi	Đường vào Trạm Máy Kéo	800	
		Đường vào Trạm Máy Kéo	Đường vào nhà MN Y.Phong	1.800	
		Đường vào nhà MN Y.Phong	Đường vào xóm Vân Mộng	2.200	
		Đường vào xóm Vân Mộng	Hết công ty Thủy Nông	1.500	
		Hết công ty Thủy Nông	Cây gạo Ngoại thương	1.200	
		Cây gạo Ngoại thương	Đền Phương Độ	800	
		Đền Phương Độ	Hết Cầu Lồng cũ	600	
		Hết Cầu Lồng	Hết Cổng Gõ	500	
		Hết Cổng Gõ	Hết Đường vào XN gạch Yên Từ	530	
		Hết Đường vào XN gạch Yên Từ	Hết Đền Cây Đa	1.000	
		Hết Đền Cây Đa	Giáp Ngân hàng KV Bút	1.800	

		Giáp Ngân hàng KV Bút	Hết Cầu Bút	2.200	
		Hết Cầu Bút	Hết Cống giáp trường cấp IIIB	2.200	
		Hết Cống giáp trường cấp IIIB	Đường vào Đông Sơn (Ồ. Chính)	1.700	
		Đường vào Đông Sơn (Ồ. Chính)	Đường vào trạm Y tế xã Y.Mạc		
			Hướng tây nam	1.250	
			Hướng đông bắc	1.200	
		Đường vào trạm Y tế xã Y.Mạc	Ngã ba Hồng Thắng	1.000	
		Ngã ba Hồng Thắng	Giáp Yên Lâm (Đường mới)	1.000	
		Ngã ba Hồng Thắng	Hết Cống Giếng Trại	800	
		Hết Cống Giếng Trại	Đường vào Ngọc Lâm (Yên Mạc)	800	
		Hết Cống Giếng Trại	Đường vào Ngọc Lâm (Yên Lâm)	600	
		Đường vào Ngọc Lâm	Ngã ba Lợi Hòa	900	
		Ngã ba Lợi Hòa	Giáp Kim Sơn	800	
3	Đường TT Yên Thịnh – K.Dương	Cầu Kiệt	Hết Đền xóm Gạo	700	
		Hết Đền xóm Gạo	Hết Cầu ông Trùy	600	
		Hết Cầu ông Trùy	Cầu Trảng	700	
4	Đường Lồng - Ninh	Ngã ba Lồng	Giáp UBND xã Yên Phong	2.000	
		Giáp UBND xã Yên Phong	Giáp trường cấp II Y. Phong	1.000	
		Giáp trường cấp II Y. Phong	Cầu Rào Hướng nam	600	
			Hướng bắc	550	
		Đền Phương Độ	Cầu Lồng mới	700	
		Cầu Lồng mới	Hết Đường vào XN gạch Yên Từ	800	

C. GIÁ ĐẤT Ở KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN

ĐVT: 1000đồng/m²

TT	Khu vực xã	Đoạn đường		Giá đất ở		Ghi chú
		Từ	Đến	Xã Đồng bằng	Xã Miền núi	
	CÁC XÃ ĐỒNG BẰNG					
1	Xã Yên Phú					
	Đường vào Viện mới	Giáp thị trấn	Hết bệnh viện	2.000		
		Hết bệnh viện	Ngã tư	1.800		
	Đi Yên Hòa	Ngã tư	Cầu Lạc Hiền	1.000		
		Giáp thị trấn (Cạnh ông Vinh)	Hết UBND xã Yên Phú			
			Hướng Bắc	500		
			Hướng Nam	600		
		Hết UBND xã Yên Phú	Hết Trạm bơm Yên Phú	400		
		Hết UBND xã Yên Phú	Hết Cầu chợ Chóp	400		
	Đi Đông Nhạc	Giáp thị trấn	Thôn Đông Nhạc	200		
	Đi Trung Hậu	Giáp thị trấn	Thôn Trung Hậu	200		
		Vị trí còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được	170		
			Còn lại	150		
	Khu Yên Phú	Nhà ông Luyến	Hết đường Bê tông	600		
		Nhà ông Quang	Hết đường Bê tông	750		
		Nhà ông Quyết	Hết nhà ông Bình	750		
	Khu dân cư Phú Thịnh		Khu 6	850		
			Khu 7	700		
2	Xã Yên Hưng					

		Hết Cầu chợ Chóp	Hết Chùa xóm Giò	500		
		Hết Chùa xóm Giò	Đường vào UBND xã	300		
		Đường vào UBND xã	Hết Cống Thọ Thái	300		
		Hết Cống Thọ Thái	Giáp Yên Mỹ	300		
		Cống ông Chuôi	Giáp cống vào UBND xã	250		
		Giáp cống vào UBND xã	Giáp nhà ông Khe	200		
		Giáp nhà ông Khe	Hết nhà ông Điền	200		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được	170		
			Còn lại	150		
3	Xã Yên Mỹ					
	Đi Yên Thành	Đường 480 (Cống Gõ)	Ngã 4 (Đường vào xã)	500		
		Ngã 4 (Đường vào xã)	Hết Cầu Lộc	500		
	Đường vào xã	Ngã 4 (Đường vào xã)	Hết Trạm biến thế	500		
		Hết Trạm biến thế	Hết Cống xóm 8	400		
		Hết Trạm biến thế	Hết Cống Mát Ròng	400		
		Hết Cống Mát Ròng	Hết Đền Cây Đa	400		
		Hết Trạm biến thế	Hết Cống xóm 10	300		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được	170		
			Còn lại	150		
4	Xã Khánh Thịnh					
		Cầu Kiệt	Hết Cống trạm bơm (ông Chánh)	600		

		Hết Cống trạm bơm (ông Chánh)	Hết Cống cửa ông Nhậm	700		
	Đi Khương Dự	Giáp thị trấn Yên Thịnh	Giáp Yên Phong	250		
	Đi Bồ Vĩ	Giáp ông Lư	Hết nhà Ông Do	250		
		Từ nhà ông Đạt	Cổng nhà ông Huyền (xóm 11)	250		
		Từ nhà máy nước	Ao ông Nhật	250		
		Từ nhà ông Chuyên	Cổng Đồng Vôi	300		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được	170		
			Còn lại	150		
5	Xã Khánh Dương					
		Ngã 3 xóm Hàng	Giáp sông Vạc	350		
	Đi xóm 1	Ngã 4 Thạch Lỗi	Giáp đê sông Vạc	250		
		Ngã 4 Thạch Lỗi	Hết xóm 4	250		
		Ngã 3 xóm Đình	Chùa Tam Dương	250		
	Đi khánh thịnh	Giáp nhà anh Giao	Giáp nhà anh Bốn	250		
		Giáp nhà ông Toàn xóm 1	Giáp nhà ông Đương	300		
		Giáp nhà ông Luân (cửa nhà bia)	Hết Trạm Y tế xã	300		
		Hết Trường cấp II	Xóm 1 Thạch Lỗi	300		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được	170		
			Còn lại	150		
6	Xã Yên Phong					

	Đi Yên Từ	UBND xã Yên Phong	Đường vào xóm Mỹ Thành	1.000		
		Đường vào xóm Mỹ Thành	Trạm bơm Lái Bàu	600		
		Hết Trạm bơm Lái Bàu	Giáp Yên Từ	400		
		Đường 480	Giáp xóm Vân Mộng	250		
	Đi Khánh Thịnh	Khương Dự	Giáp Khánh Thịnh	300		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được	170		
			Còn lại	150		
7	Xã Yên Từ					
		Giáp Yên Phong	Trạm Y tế xã Yên Từ	700		
		Trạm Y tế xã Yên Từ	Hết nhà ông Hợp	1.300		
		Hết nhà ông Hợp	Đường vào Xuân Đồng	700		
		Đường vào Xuân Đồng	Hết cầu Phương Nại	650		
		Ngã tư chợ Quán	Cổng làng Nộn Khê	1.500		
		Cổng làng Nộn Khê	Hết chợ Nuồn	500		
		Hết chợ Nuồn	Hết cầu Nuồn	250		
		Cổng làng Nộn Khê	Hết ao đình Nộn Khê (ông Phú)	800		
		Hết ao đình Nộn Khê (ông Phú)	Hết nhà ông Cam (Ao chăn nuôi)	400		
		Ngã tư chợ Quán (giáp ông Hùng)	Hết Nhà V.hóa xóm Đông	300		
		Ngã 3 Phúc Lại	Hội trường HTX Phúc Lại	300		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được	170		

			Còn lại	150		
8	Xã Yên Nhân					
		Cầu Hà Thanh	Đường vào Quyết Trung	800		
		Đường vào Quyết Trung	Hết nhà ông Toàn (Yên Sư)	600		
		Nhà ông Toàn (Yên Sư)	Hết Cổng ông Chiến	800		
		Hết nhà ông Chiến	Ngã tư xóm Trung	800		
		Ngã tư xóm Trung	Đê Sông Vạc	450		
	Đi Kim Sơn	Ngã tư xóm Trung	Cầu ông San	700		
		Ngã tư xóm Trung	Cầu Phương Nại	700		
		Hết nhà ông Tạng	Hết nhà ông Định	250		
		Hết nhà ông Tạo	Hết nhà ông Mậu	250		
		Hết Chợ Diêm	Hết nhà ông Nhật	250		
		Hết nhà ông Chính	Hết nhà ông Lộc	250		
		Nhà ông Hồng	Trạm bơm xóm Bắc	300		
		Nhà ông Toàn (Liên Phương)	Hết nhà ông Duy	300		
		Nhà ông Toàn (Liên Phương)	Nhà ông Khoan (xóm ngoài)	250		
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được	200		
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được	170		
			Còn lại	150		
	CÁC XÃ MIỀN NÚI					
9	Xã Yên Mạc					
	Đi Yên Nhân	Đường 480	Cầu Hà Thanh		1.500	
	Đi Yên Thái	Ngã ba Hồng Thắng	Giáp Yên Lâm		1.000	

	Đi Tây Sơn	Đường 480	Tây Sơn		300	
	Đi Hồng Phong	Đường 480	Hồng Phong (HTX)		300	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được		170	
			Còn lại		150	
10	Xã Mai Sơn					
		Đường 1A	Núi Thệu		450	
		Đường 480 (Cạnh nhà ông Bình)	Hết nhà ông Sinh xóm 3		400	
		Đường sắt cạnh nhà ông Liên	Hết nhà ông Hào xóm 5		400	
		Đường sắt cạnh nhà ông Cửu	Hết nhà ông Hào		400	
		Hết nhà ông Sinh	Hết Trạm Y tế xã		400	
		Hết Trạm Y tế xã	Hết nhà ông Hào		400	
		Hết Nhà bà Tính (đường 480)	Giáp trụ sở HTX		450	
		Giáp nhà bà Tiếp	Kho lương thực		400	
		Trạm biến thế	Hết nhà máy gạch		300	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được		170	
			Còn lại		150	
11	Xã Khánh Thượng					
		Đường 480	UBND xã Khánh Thượng		450	
		UBND xã Khánh Thượng	Ngã 3 Láng Xoan		270	
	Đi Tịch chân	Ngã 4 Đồng Phú	Cầu Vó		200	
	Đi Thắng Động	Ngã 4 Đồng Phú	Hết nhà ông Chúc		200	

	Đi Đồng Nhân	Ngã 3 Láng Xoan	Hết nhà ông Tuynh		200	
	Đi Thái Hòa	Ngã 3 Láng Xoan	Chùa Tràng linh		200	
		Hết Chùa Tràng Linh	Bến đò Bầu		200	
		Đường 480	Đình Trung (Lam Sơn)		200	
		Đường 480	Hết nhà ông Mẩn (xóm 1 Lam Sơn)		200	
		Đường 480	Nhà ông Phú		200	
		Đường 480	Nhà ông Thuyết (xóm 1 Lam Sơn)		200	
		Nhà ông Bắc	Chùa Lam Sơn		200	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được		170	
			Còn lại		150	
12	Xã Yên Thắng					
		Giáp Cầu Tu	Đường rẽ vào Vân Thượng		1.300	
		Đường rẽ vào Vân Thượng	Hết Trường cấp I		1.100	
		Hết Trường cấp I	Ngã 4 xóm 3		850	
		Ngã 4 xóm 3	Cầu Xã		500	
		Cầu Xã	Ngã 4 Quảng Thượng		400	
		Ngã 4 Quảng Thượng	Cổng Mả La		400	
		Ngã 4 Quảng Thượng	Cầu Mễ		300	
		Ngã 4 xóm 3	Xóm 4		350	
		Ao Cá xóm 4	Hết Đồi Dù		500	
		Vân Thượng 1	Vân Thượng 2		300	
	Ven đê	Cầu Cọ	Đồi Dù		500	

	Đi Tam Điệp	Cầu Cọ	Nông trường chè Tam Điệp		300	
		Đồi Dù	Giáp đất Tam Điệp		900	
		Ngã tư Quảng Thương	Đồng Quan		300	
		Núi Cháy	Giáp Yên Hòa		300	
		Cầu Tu mới	Kênh cấp 1		1.000	
		Kênh cấp 1	Xóm 4		800	
		Cổng Cai (Yên Thành)	Cầu Cọ		500	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được		170	
			Còn lại		150	
13	Xã Yên Hòa					
		Cầu Yên Thổ 2	Giáp ông Trung		300	
		Giáp ông Roãn	Trạm biến thế Trung Hòa		300	
		Trạm biến thế Trung Hòa	Giáp Yên Thắng		300	
		Giáp ông Trung	Hết UBND xã Yên Hòa		500	
		Hết UBND xã Yên Hòa	Hết Cầu Lạc Hiền		700	
		Hết UBND xã Yên Hòa	Hết Cổng Đa Tán		400	
		Hết Cổng Đa Tán	Hết Trạm bơm Cổng Hốc		350	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được		170	
			Còn lại		150	
14	Xã Yên Đồng					
		Cổng ông Cót	Đến đê		400	

		Ngã 4 Tràng Yên	Hết Cầu Đăng		300	
		Ngã 4 Tràng Yên	Trụ sở HTX Thống Nhất		250	
		Hết Cầu Đăng	Cổng ông Sự		250	
		Hết Cầu Đăng	Đồi Vải		250	
		Ngã 3 ông Dĩ	Cửa ông Bầm (Đông Sơn)		250	
		Cổng ông Cốt	Cổng ông Sự		200	
		Hết bà Nhũ	Giáp ông Địa		450	
		Trụ sở HTX Thống Nhất	Đền Đê (Bà Ngân cũ)		250	
		Giáp ông Chí	Giáp ông Châm		250	
		Giáp ông Châm	Đập tràn số 2		250	
		Giáp ông Chí	Giáp bà Nhũ		250	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được		170	
			Còn lại		150	
15	Xã Yên Thái					
		Cầu Hội	Giáp Yên Lâm		500	
	Đường trung tâm	Cầu Hội	UBND xã Yên Thái		500	
		Cầu Hội	Đình Tiền Thôn		400	
		Hết Đình Tiền Thôn	Cổng bà Hường		400	
		Cầu Hội	Trạm bơm 4000		400	
		Trạm bơm 4000	Giáp Phú Trì (Cổng Sành)		300	
		Phú Trì (Cổng Sành)	Cầu Giang Khương		730	
		Cổng bà Hường	Cổng Thành Hồ		400	

		Trạm bơm 4000	Cổng Yên Tế		400	
		UBND xã Yên Thái	Hậu Thôn		300	
		Núi Ô rô	Cầu Mả ổi		260	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được		170	
			Còn lại		150	
16	Xã Yên Lâm					
		Giáp Yên Thái	Hội trường HTX Ngọc Lâm		600	
		Hết Hội trường HTX Ngọc Lâm	Giáp Yên Mạc		700	
		Hết Hội trường HTX Ngọc Lâm	Đường 480		800	
	Đi Phù Xa	Ngã 3 Lợi Hòa	Trạm biến thế Phù Xa		700	
		Hết Trạm biến thế Phù Xa	Hết Chùa Hoa Khéo		550	
		Hết Trạm biến thế Phù Xa	Giáp thôn Đông Yên		350	
	Đi Đông Yên	Đường 480	Giáp thôn Đông Yên		450	
		Giáp thôn Đông Yên	Hết Đình Yên Tốt		200	
		Hết Chùa Hoa Khéo	Hảo Nho		350	
		Hết Chùa Hoa Khéo	Nhân Phẩm		350	
		Chùa Hoa Khéo	Đê sông Nhà Lê		350	
		Trường cấp II	Miếu Hạ		400	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được		170	
			Còn lại		150	

17	Xã Yên Thành					
		Cổng Dem	Cổng Quán		600	
		Cổng Quán	Đê hồ Eo Bát		700	
		Đê Eo Bát	Giáp Đông Sơn (TXTĐ)		550	
		Cầu Lọc	Hết cổng Quán		550	
	Đi Trại Đanh	Ngã ba Lọc	Hết Cổng miếu Đanh		450	
		Hết Cổng miếu Đanh	Hết cầu Giang Khương		350	
	Đi Yên Hòa	Cổng Quán	Giáp Yên Hòa		350	
		Cầu Thượng Phường	Hết Cổng cây Duối		200	
		Cổng Bạch Liên	Hết Cổng ông Nghị		200	
	Đường đê	Giáp đường 480D	Cổng Cai (Chân Đê)		350	
		Khu dân cư còn lại	Đường ô tô 4 chỗ vào được		200	
			Đường ô tô 4 chỗ không vào được		170	
			Còn lại		150	